

TRUNG TÂM QUẢN LÝ BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA HỘI AN

Địa chỉ: 10B - Trần Hưng Đạo - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam

Điện thoại: 0510.3864625 - 0510.3862946 - 0510.3862367

Fax: 05103.861.779 - Email: ttqlbtdt@gmail.com

Website: hoianheritage.net

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

Nguyễn Chí Trung

CHỊU TRÁCH NHIỆM
NỘI DUNG

Trần Văn An

BIÊN TẬP

Võ Hồng Việt

Phạm Phước Tịnh

Lê Thị Ngọc Hương

TRÌNH BÀY

Võ Hồng Việt

Lê Thị Ngọc Hương

Lưu hành nội bộ

BẢN TIN Số 03 (31) - 2015

Trao đổi chuyên môn nghiệp vụ

- Giáo sư Trần Quốc Vượng với Hội An.....	02
- 30 năm công tác khảo cổ học ở Hội An.....	05
- Thông tin về di tích lịch sử cách mạng Bến đò thân 2 ở Cẩm Thanh.....	09
- Vài thông tin về chùa Pháp Bảo ở Hội An.....	14
- Vài thông tin về nhà thơ tộc Đặng - 69/5 Phan Châu Trinh, Hội An.....	16
- Vài thông tin về khu phố cổ Hội An qua tiếp cận khảo cổ học ở đường Trần Phú.....	19
- Lễ cúng Tiên Kiền ở Cẩm Kim.....	28
- Nghệ thuật bắt hải sản bằng lưới ở Cù Lao Chàm.....	32
- Bánh bèo Cẩm Kim.....	36
- Lăng phảnh.....	39
- Trà "Mát" ở Hội An.....	42
- Nâng cao chất lượng khoa học trong tu bổ di tích - Nhìn từ giải pháp tổ chức công tác.....	44
- Vai trò của cộng đồng trong hoạt động bảo tàng.....	47
- Công tác marketing bảo tàng tại Hội An.....	55
- Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch - 20 năm hình thành và phát triển.....	58

Thông tin tư liệu

- Bảng kê tài liệu Hán Nôm về nghệ yến Thanh Châu sưu tầm tại Khánh Hòa.....	62
- Nghị định thành lập đô thị Hội An.....	69

Tin tức - Sự kiện

Bạn cần biết

GIÁO SƯ TRẦN QUỐC VƯỢNG VỚI HỘI AN

Trần Văn An

Những người làm công tác quản lý, bảo tồn di tích ở Hội An may mắn có một khoảng thời gian tiếp xúc và làm việc với Thầy - cố giáo sư Trần Quốc Vượng. Sự may mắn đó không phải ai cũng có thể tiếp nhận được và cho đến bây giờ ảnh hưởng của khoảng thời gian đó vẫn còn mãi mãi trong tâm trí của chúng tôi.

Từ những năm 1983 -1984, trên các vùng đồi cát nóng bỏng của miền Trung đầy nắng gió đã in dấu chân của một vị giáo sư có vàng trán cao, đôi mắt sáng, giọng nói đầy cảm hứng, đầu đội một chiếc mũ bạc màu, trên vai khoác một túi xách rất bụi đó là giáo sư Trần Quốc Vượng. Theo dấu chân của Thầy, những di tích, di chỉ văn hóa tiền - sơ sử ở Quảng Nam - Đà Nẵng đã được khám phá và mở ra những trang mới.

Tại/sau Hội thảo khoa học quốc gia về Khu phố cổ Hội An năm 1985, Thầy đã cùng chúng tôi com đum com gói lẫn lộn khắp các đường quê, ngõ phố ở Hội An để khảo sát thực địa.



Đến đâu Thầy cũng mở ra trước mắt chúng tôi những cảnh quan địa - văn hóa - lịch sử mới mẻ, nơi mà ngày thường chúng tôi không thể nhận ra được. Bài tham luận tại hội thảo của Thầy về “Chiếm cảng Hội An với cái nhìn về biển của người Chăm và người Việt” cho đến hôm nay vẫn mang tính thời sự và sâu sắc khi nói về truyền thống chiếm lĩnh và khai thác biển đảo của người Chăm, rồi người Việt, cũng như tính cần thiết, sống còn của việc kế thừa, phát huy truyền thống này tại địa phương trong giai đoạn hiện nay.

Đến những năm 1989 - 1990, chúng tôi lại có cơ may được tháp tùng cùng Thầy đi điền dã tại địa phương để phục vụ Hội thảo khoa học quốc tế về Đô thị cổ Hội An. Trò đùa thầy bằng những chiếc xe máy cà tàng, sục sạo

hết còn bầu này qua còn bầu khác, bến chợ này đến bến chợ khác, đình chùa này đến đình chùa khác để tìm hiểu, nhận diện về văn hóa Hội An. Giữa trưa trời nắng như đổ lửa, gặp đình miếu nào thì ghé vào tạm nghỉ, lòi bánh mì kẹp chuối chín trong túi ra để làm bữa trưa, rồi vào nhà dân, chùa chiền xin nước uống và cũng để hỏi han, tác nghiệp. Vất vả nhưng thú vị vì khám phá được những điều và học được từ Thầy cái cách điền dã “không biết thì nhờ dân và hỏi dân”... Vào những ngày cuối của đợt khảo sát và cũng vào thời điểm cuối ngày, đoàn đã phát hiện ra di tích, di chỉ Văn hóa Sa Huỳnh ở An Bang từ một sự ngẫu nhiên kỳ lạ, rồi sau đó là Thanh Chiếm, Hậu Xá. Đây là những di tích, di chỉ Văn hóa Sa Huỳnh phát hiện đầu tiên ở Hội An mà trước lúc lên đường khảo sát Thầy đã giao nhiệm vụ là “phải tìm cho được”. Tham luận của Thầy trình bày tại Hội thảo khoa học quốc tế về Đô thị cổ Hội An năm 1990 “Vị thế địa - lịch sử và bản sắc địa -

văn hóa của Hội An” đã đúc kết một cách sâu sắc về đặc điểm văn hóa Hội An theo phương pháp đa ngành, liên ngành mới mẻ và hiện đại. Cho đến nay, đúc kết này đang được sử dụng phổ biến để diễn đạt bản chất của văn hóa Hội An “Hội An là hội thủy, hội nhân, hội tụ văn hóa vô cùng phong phú và đa dạng”.

Từ những năm 1992-1995, Thầy là cố vấn của chương trình “Nghiên cứu khảo cổ về mộ chum Văn hóa Sa Huỳnh ở Hội An” do Toyota Foundation tài trợ, Ban Quản lý Di tích Hội An chủ trì. Chương trình là sự tiếp nối các phát hiện trước đó về Văn hóa Sa Huỳnh ở Hội An. Tham gia chương trình có các chuyên gia của Viện Khảo cổ, Trường Đại học quốc gia Hà Nội và một số chuyên gia Nhật Bản. Kết quả chương trình đã cho ra đời Bảo tàng Văn hóa Sa Huỳnh ở Hội An phát huy cho đến bây giờ và cung cấp nhiều thông tin cần thiết, thú vị về Văn hóa Sa Huỳnh giai đoạn cuối và gạch nối giữa Văn hóa Sa Huỳnh



muộn - Chăm sớm ở Hội An. Với sự hướng dẫn của Thầy, đội ngũ những người làm khảo cổ không chuyên ở Hội An thực sự trưởng thành và có những đóng góp tích cực.

Năm 1997, với tư cách là Phó Tổng Thư ký Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam, Thầy đã cổ vũ anh em ở Hội

An thành lập Chi hội Văn nghệ Dân gian trực thuộc Trung ương hội. Từ đó, Chi hội Văn nghệ Dân gian Hội An đã có những hoạt động sưu tầm, khảo cứu về văn hóa văn nghệ dân gian với kết quả gần 10 đầu sách được tài trợ thực hiện, in ấn, qua đó góp phần bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể của địa phương. Đây cũng là một trường hợp đặc biệt đối với một địa phương cấp huyện như Hội An.

Những năm 1999 - 2000, Thầy lại cùng chúng tôi khăn gói ra Cù Lao Chàm để tìm hiểu về vùng đảo này. Bấy giờ sức khỏe Thầy còn tốt, chúng tôi là thanh niên nhưng cũng bở hơi tai khi theo thầy trèo lên đỉnh hòn Biền cao hơn 500m để khảo sát về thủy hệ ở Cù Lao Chàm liên quan đến phương thức canh tác, sử dụng nguồn nước suối từ người Chăm đến người Việt. Hai cuộc khai quật khảo cổ do Thầy chỉ đạo cũng đã được triển khai ở Bãi Ông và Bãi Làng. Tại Bãi Ông đã phát hiện di chỉ Tiền Sa Huỳnh liên quan đến cư dân hải đảo ven bờ có niên đại trên 3000 năm và tại Bãi Làng đã phát hiện một di chỉ Chăm pa thế kỷ IX - X với nhiều đồ gốm Islam, đồ thủy tinh nhiều màu, đồ gốm Trung Quốc, Thái Lan, Việt Nam cùng niên đại. Thành công của các cuộc khai quật khảo cổ trên đất đảo cùng với việc khai quật chiếc tàu đắm

cổ chở đầy gốm Chu Đậu thế kỷ XV ở vùng biển Cù Lao Chàm là những sự kiện khảo cổ học làm nức lòng người lúc bấy giờ.

Đã hơn 10 năm trôi qua kể từ ngày Thầy Trần Quốc Vượng đi xa (8/8/2005-2015), trong lòng chúng tôi không nguôi nỗi nhớ về một người Thầy kính yêu cho dù chúng tôi chưa có một ngày được làm học trò chính thức của Thầy dưới mái trường đại học, nhớ về một người đã khơi dậy nguồn cảm hứng cho chúng tôi về một



bộ môn được cho là khô khan, cứng nhắc - bộ môn khảo cổ, nhớ về một người đã cắm những cột mốc quan trọng trên con đường nghiên cứu khảo cổ - lịch sử - văn hóa về Hội An, Quảng Nam, miền Trung và cả nước.

Sinh thời Thầy có nói với chúng tôi “Tờ mạng Sơn đầu hỏa lại nằm ở cung Thiên di nên phải đi nhiều mới khỏe”. Hôm nay ngọn lửa đầu non đã tắt nhưng tinh anh của ngọn lửa vẫn lấp lánh và rọi sáng, không chỉ ở lĩnh vực khảo cổ mà còn ở các lĩnh vực nhân học, văn hóa học, địa - văn hóa - lịch sử, không chỉ ở hôm nay mà còn mãi mãi về sau♣

30 NĂM CÔNG TÁC KHẢO CỔ HỌC Ở HỘI AN

Nguyễn Chí Trung

Trước năm 1985, các nhà khoa học trong và ngoài nước mới chỉ biết, viết về Hội An qua những nguồn tư liệu thư tịch, lịch sử và kết quả điều tra thực địa theo phương pháp sử học, dân tộc, Folklore... bởi việc khảo cổ học hầu như chưa được tiến hành ở Hội An. Tháng 7/1985, tại Hội nghị khoa học Quốc gia về Đô thị cổ Hội An, từ những kết quả điền dã khảo cổ bước đầu, thông qua Hội thảo, các nhà khoa học Việt Nam đã đề ra một chương trình nghiên cứu toàn diện về Đô thị cổ Hội An, một chương trình điều tra, khảo sát khảo cổ học mới được triển khai chính thức. Chương trình này có sự tham gia hợp tác của các nhà khảo cổ học ở Trung tâm Văn hóa Việt Nam thuộc Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, Bảo tàng tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ) và Ban Quản lý Di tích và Dịch vụ Du lịch Hội An. Có thể nói đây là một chương trình mở đầu cho Khảo cổ học ở Hội An. Dưới sự hướng dẫn của cố giáo sư Trần Quốc Vượng, dựa vào cảnh quan địa lý, dấu vết của các dòng chảy cổ, sau một thời gian điều tra khảo sát, tháng 7/1989, đoàn Khảo cổ đã đào thám sát khảo cổ tại năm điểm gồm Di chỉ Bàu Đà (Lăng Bà) - xã Cẩm Thanh; Di tích mộ táng An Bang và Di chỉ cư trú Thanh Chiêm, Hậu Xá I - phường Thanh Hà; di chỉ Hội quán Triều Châu (chùa Âm Bồn) - phường Sơn

Phong. Đặc biệt, cũng trong đợt này (7/1989) đoàn cũng đã phát hiện và giám định bước đầu khá nhiều vết tích kiến trúc, tác phẩm điêu khắc, giềng cổ của thời kỳ cư dân Champa đó là: Vết tích kiến trúc ở An Bang, Thanh Chiêm (Thanh Hà), Lăng Bà (Cẩm Thanh); Tác phẩm điêu khắc: Bức tượng Voi trong Miếu thờ đình Xuân Mỹ (Thanh Hà) niên đại thế kỷ VIII - IX, tượng Vũ Công Thiên Tiên - Gandharva ở miếu thờ Thần Hời (Thanh Hà) niên đại thế kỷ IX, tượng Nam thần tài lộc - Kubera ở Lăng Bà



(*Cẩm Thanh*) niên đại cuối thế kỷ X, đầu tượng thân ở Hậu Xá (*Thanh Hà*) niên đại thế kỷ VIII, mảnh bia vỡ (*mặt phải còn ba dòng chữ, mặt trái còn hai dòng chữ*) niên đại khoảng thế kỷ X - XII. Đồng thời, hệ thống giếng cổ cũng được phát hiện khá nhiều, nằm dọc theo hạ lưu sông Thu Bồn, trong các khu dân cư cổ, gần bên các vết tích kiến trúc Champa. Đây là những giếng nước được làm từ thời cư dân Champa, đã trải qua nhiều lần tu sửa hoặc được làm theo kiểu thức của cư dân Champa bởi cư dân Đại Việt từ lâu đời.

Tiếp theo và trên một quy mô rộng lớn hơn bao gồm các bước điều tra, đào thám sát, khai quật khảo cổ học trên toàn địa bàn Hội An hiện nay theo dự án "*Khai quật khảo cổ học về di tích văn hóa mộ chum Sa Huỳnh ở thị xã Hội An, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng*) do TOYOTA FOUNDATION (*Nhật Bản*) tài trợ từ năm 1993 - 1995. Dự án do Nhóm nghiên cứu ở Hội An trực tiếp đảm nhận, với sự tham gia cố vấn của Trung tâm Liên văn hóa - lịch sử (khoa sử trường Đại học quốc gia Hà Nội). Kết quả ba năm điền dã, khảo sát đã phát hiện được trên toàn bộ vùng cửa sông - ven biển Hội An đều có dấu tích văn hóa Sa Huỳnh và đã đào thám sát, khai quật tại bốn điểm di tích mộ táng: An Bang, Hậu Xá I, Hậu Xá II (*Thanh Hà*), Xuân Lâm (*Cẩm Phô*). Đó là những khu mộ táng chum đất nung. Năm di chỉ cư trú: Hậu Xá I, Trảng Sỏi, Thanh Chiêm (*Thanh Hà*), Đồng Nà (*Cẩm Hà*), Bàu Đà (*Cẩm Thanh*).

Các khu di tích mộ táng có số lượng mộ chum khá dày đặc, khá nhiều hiện vật tùy táng gồm đồ gốm như bát, đĩa, nôi, "*đèn Sa Huỳnh*", cốc, bình... và

dội xe chỉ; Đồ trang sức có khuyên tai 3 mấu, khuyên tai vành khăn, vòng đeo tay, hạt chuỗi... chất liệu bằng thủy tinh, đá hồng mã não, Nephrite, Crystal, agate, phiến sét; Đồ sắt có dao, rựa, rìu, đục... Tiền đồng có tiền Ngũ Thù, Vương Mãng của Trung Quốc.

Các di chỉ cư trú với tầng văn hóa khá rõ và ổn định. Ở lớp dưới có nhiều mảnh đồ đựng đã được sử dụng, gồm các loại gốm thô Sa Huỳnh, Sa Huỳnh - Chăm (*gốm mịn, màu nâu đỏ, vàng nhạt hoặc xám mốc, văn chải, thừng mịn hoặc in ô vuông, phong cách Hán, Trung Quốc*). Niên đại từ thế kỷ II - III, IV sau công nguyên. Ở lớp trên với nhiều mảnh gốm Chăm, sứ, bán sứ Trung Quốc, Islam, Việt Nam thể hiện rất rõ sự nối tiếp dân cư, văn hóa từ thế kỷ III, IV - XI, XV.

Bằng những chứng cứ hiện vật khảo cổ từ trong lòng đất Hội An, tham chiếu, đối sánh với những di tích khảo cổ học khác ở trong nước và khu vực cùng với kết quả của nhiều phương pháp xét nghiệm, giám định niên đại, tại hội thảo khoa học về văn hóa Sa Huỳnh ở Hội An tháng 11/1995 các nhà khảo cổ học đã thống nhất kết luận: Mảnh đất Hội An là nơi tập trung nhiều nhất, đậm đặc nhất của Văn hóa Sa Huỳnh thuộc giai đoạn muộn, cách ngày nay khoảng hơn 2.000 năm. Nét đặc trưng cho các di tích ở đây là sự hiện diện của những đồng tiền Ngũ Thù, Vương Mãng (*Trung Quốc*), chất nhựa kết dính giữa nắp và miệng chum, hay than tro, xương động vật trong đáy mộ chum hoặc những hiện vật sắt kiểu Tây Hán, dáng dấp kiểu Đông Sơn, Óc Eo và trong khu vực rộng hơn ở Đông Nam Á. Đặc biệt ở chuỗi một số hiện



nghiên cứu về giai đoạn chuyển tiếp giữa Sa Huỳnh muộn và Chăm sớm.

Song song với chương trình dự án "*Khai quật khảo cổ học về di tích văn hóa mộ chum Sa Huỳnh ở thị xã Hội An, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng*" từ năm 1993 - 1995 là chương trình điều tra, thám sát và

vật sắt còn dấu vết gỗ, vải khá rõ nét. Trong các di chỉ cư trú, tuy mang tính chất khác nhau giữa các điểm như bến, chợ ven sông, điểm thờ cúng nơi cư trú, nhưng hiện vật trong các lớp văn hóa đều đồng nhất, thể hiện sự chuyển tiếp từ văn hóa Sa Huỳnh sang văn hóa Champa. Mặt khác, cũng thể hiện rất rõ mối quan hệ, giao lưu văn hóa trong nước và trong khu vực. Có thể nói, từ thời Sa Huỳnh, Hội An đã là một tiền cảng thị (*pre - port town*) hay một cảng thị sơ khai (*embryonnary port town*) và chắc chắn là tiền đề cho sự hình thành các tiểu vương quốc ở khu vực miền Trung Việt Nam. Với nền văn hóa Sa Huỳnh muộn "*cổ điển*", ở đây đặt ra nhiều vấn đề khoa học lý thú về sự phát triển, chuyển tiếp từ văn hóa Sa Huỳnh lên văn hóa Champa, về táng thức, diện mạo thiết chế kinh tế, văn hóa, xã hội của cư dân thời kỳ này.

Trong những năm 1998 - 2006, một số di chỉ liên quan đến giai đoạn Chăm sớm được phát hiện như di chỉ Ruộng Đồng Cao, di chỉ Ruộng rau muống chùa Bà Mụ (phía sau chùa Cầu). Bộ sưu tập hiện vật tại các di chỉ này khá đặc trưng, cung cấp nhiều thông tin hấp dẫn để

khai quật tìm hiểu về các lớp kiến trúc, dân cư ở trong khu vực Khu phố cổ Hội An hiện nay của Trung tâm hợp tác nghiên cứu văn hóa Quốc tế, trường đại học Nữ Chiêu Hòa Nhật Bản, phối hợp với Trung tâm nghiên cứu văn hóa quốc tế trường Đại học quốc gia Hà Nội.

Tháng 9/1993, các nhà khảo cổ học đã tiến hành đào thám sát 12 điểm tại các sân sau hoặc trước của các di tích - nhà ở trên tuyến đường Trần Phú, Nguyễn Thị Minh Khai, tức là dãy phố trung tâm của khu phố cổ Hội An hiện nay. Kết quả thông qua hiện vật cho thấy rất rõ dấu vết cư trú, kiến trúc của cư dân thương cảng Hội An thế kỷ XVI - XVII. Đặc biệt, tại địa điểm Đình Cẩm Phô, nhà số 16 Nguyễn Thị Minh Khai, Chùa Cầu phát hiện dày đặc đồ gốm sứ Hizen thế kỷ XVII cùng với bếp lò và dấu tích kiến trúc cùng niên đại đã hé mở nhiều thông tin lý thú về khu vực cư trú của kiều dân Nhật Bản trên đất Hội An xưa.

Về biển đảo Cù Lao Chàm, từ năm 1998, khảo cổ học ở Hội An tiếp tục thu được nhiều kết quả tốt đẹp liên

quan đến thời kỳ Tiền Sa Huỳnh và Champa. Trong đó đáng quan tâm là việc phát hiện di chỉ Bãi Ông, di chỉ Bãi Làng ở Cù Lao Chàm, xã Tân Hiệp. Di chỉ Bãi Ông cho biết hơn 3000 năm trước đã có con người cư trú trên mảnh đất Cù Lao Chàm. Đây cũng là di tích có niên đại sớm nhất được biết ở Hội An đến hiện nay và lại nằm trên hòn đảo nên nó còn có ý nghĩa đóng góp quan trọng liên quan đến thời Tiền sử của cư dân Xứ Quảng và cả chuỗi Nam đảo ở Đông, Đông Nam Châu Á. Những hiện vật phát hiện ở di chỉ Bãi Làng như gốm sứ Champa, Trung Quốc, gốm sứ và đồ thủy tinh màu Trung Cận Đông đã chứng minh Cù Lao Chàm là điểm dừng chân, trao đổi thương mại của các thương thuyền quốc tế vào thế kỷ VII-X. Liên tiếp các năm 1997, 1998 và 1999, các nhà khảo cổ học Việt Nam cùng các chuyên gia khảo cổ học, sử học của Đại học Oxford (*Anh*), KeBang Sean (*Malaysia*), Cộng hòa Séc, với sự liên doanh đầu tư của công ty Saga (*Malaysia*) và Visal (*Việt Nam*), các công ty chuyên trục vớt tàu đắm tiến hành khai quật tàu đắm cổ ở vùng biển Cù Lao Chàm. Kết quả đã khai quật được hơn 278.000 hiện vật chủ yếu là đồ gốm Việt Nam (*sản xuất tại Chu Đậu, Hải Dương*), một số ít của Trung Quốc và một số vật dụng khác có niên đại vào thế kỷ XV-XVI. Điều này cũng khẳng định gốm sứ Việt Nam đã có mặt, tham gia vào con đường gốm sứ trên biển Đông từ nhiều thế kỷ trước.

Kết quả khảo cổ học ở Hội An trong 30 năm qua đã tạo cơ sở cho sự hình thành các bảo tàng chuyên đề ở Hội An: Bảo tàng Lịch sử - Văn hóa, Bảo tàng Văn hóa Sa Huỳnh và Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch. Đây cũng là

những minh chứng về kết quả mà các nhà khảo cổ học đã đạt được ở Hội An. Trên cơ sở này, các nhà khảo cổ học có thể dựng lại một cách khái quát diễn trình lịch sử của Hội An từ thời Tiền - Sơ sử qua thời kỳ Champa rồi Đại Việt - Đại Nam. Trong suốt diễn trình đó, tuy sự hưng thịnh có khác nhau ở mỗi thời kỳ, Hội An vẫn luôn đóng vai trò là giao điểm trung chuyển mậu dịch, giao lưu văn hóa của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á. Sự xuất hiện của hiện vật thủy tinh màu, gốm sứ Islam ở vùng Trung cận Đông và gốm sứ Trung Quốc, Nhật Bản vào các thế kỷ IX - X đến thế kỷ XVI - XVII càng khẳng định thêm vai trò của Đô thị thương cảng Hội An.

Tuy nhiên, kết quả đạt được chưa phải là nhiều so với thực tế bề dày lịch sử vốn có của một Đô thị thương cảng cửa sông - ven biển. Còn khá nhiều vấn đề khoa học được đặt ra cho từng giai đoạn, từng thời kỳ lịch sử, kể cả sự chuyển tiếp của nó. Đặc biệt là vấn đề sự chuyển hóa tiếp nối từ văn hóa Sa Huỳnh lên văn hóa Champa và vai trò của Đô thị thương cảng Hội An đối với con đường gốm sứ mậu dịch trên biển ở khu vực Đông Nam Á mà kết quả khảo cổ học ở Hội An trong những năm qua đã cho nhiều dấu hiệu, thông tin khoa học quý giá. Cho nên, chắc chắn những kết quả này, mới chỉ khai phá bước đầu, làm cơ sở cho khảo cổ học ở Hội An với nhiều niềm tin đầy hứa hẹn, hấp dẫn và lý thú. Bởi tiếp tục khảo cổ học ở Hội An sẽ tiếp tục thu được nhiều thông tin khoa học quan trọng không chỉ đối với ngành khảo cổ học mà cả ngành khoa học xã hội nói chung ở Việt Nam và trong khu vực♣

THÔNG TIN VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ CÁCH MẠNG BẾN ĐÒ THÔN 2 Ở CẨM THANH

Nguyễn Cường

Cẩm Thanh là một xã nằm về phía Đông thành phố Hội An. Phía Bắc và phía Đông giáp phường Cửa Đại, phía Tây giáp phường Cẩm Châu, phía Nam giáp xã Duy Nghĩa (*huyện Duy Xuyên*) bởi hạ lưu sông Thu Bồn. Địa hình đặc trưng của xã là hệ thống kênh rạch chằng chịt, đan xen những vạt dừa nước bạt ngàn mà hạt nhân là khu Rừng dừa Bảy Mẫu. Chính vị trí và địa hình đặc trưng đó mà vùng đất Cẩm Thanh có vị thế đặc biệt quan trọng về nhiều mặt trong lịch sử, nhất là về mặt quân sự.

Riêng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, Cẩm Thanh là căn cứ địa cách mạng vững chắc của Thị ủy và các lực lượng vũ trang Hội An; nơi trú chân an toàn, đồng thời là bàn đạp để các lực lượng vũ trang tăng cường về Hội An tấn công vào các mục tiêu của địch trên địa bàn Thị xã. Cẩm Thanh lúc bấy giờ còn là điểm nút quan trọng trên tuyến giao thông huyết mạch nối liền Hội An với các địa phương trong Tỉnh bởi từ đây có thể đến các vùng tự do của Tỉnh ở phía Đông như Duy Xuyên, Thăng Bình thông qua đoạn sông chảy qua địa phận Cẩm Thanh (*Hội An*) và Xuyên Thọ (*Duy Xuyên*). Trên địa phận Cẩm Thanh, bến đò thôn 2 là điểm tập kết để cán bộ, chiến sĩ,

quần chúng cách mạng qua lại tuyến sông này. Từ đây đã có hàng trăm đợt vượt sông của cán bộ, chiến sĩ, quần chúng cách mạng diễn ra, nhiều lần thành công nhưng cũng không ít lần bị tổn thất trước làn mưa đạn của kẻ thù. Mặc dù thường xuyên bị đánh phá, đường dây liên lạc huyết mạch qua bến đò vẫn luôn được thông suốt, góp phần đưa các cuộc kháng chiến đến ngày thắng lợi hoàn toàn.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, khi cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công chưa được bao lâu thì thực dân Pháp quay lại đánh chiếm nước ta lần nữa. Đầu năm 1947, thực dân Pháp tái chiếm Hội An. Sau đó chúng chọn Hội An làm thị xã tỉnh lỵ của tỉnh Quảng Nam, đặt trụ sở của các cơ quan đầu não, đồng thời xây dựng hệ thống đồn bót xung quanh nội ô, tăng cường đánh phá các vùng ngoại ô hòng triệt phá cơ sở cách mạng, đàn áp phong trào. Trước sự đánh phá của địch, trong năm 1947, cán bộ và lực lượng vũ trang Hội An phải tạm lánh sang hoạt động ở vùng Duy Xuyên; đồng thời Thị ủy chủ trương tản cư sang vùng hậu cứ của Tỉnh. Cùng với nhiều bến sông khác, bến đò thôn 2 cũng là nơi tập kết đông đảo đồng bào để được đưa đi tản cư. Tuy nhiên sau đó, để đảm bảo đời



năm. Bến dò thôn 2 lúc bấy giờ là nơi cán bộ, lực lượng vũ trang không chỉ của Hội An mà của Tỉnh thường xuyên tập kết qua lại đoạn sông này.

Nhận thức được vai trò quan trọng của tuyến sông này, địch nhiều lần vượt sông càn quét vào vùng tự do của ta ở Duy Xuyên, hay tăng cường kiểm soát hoạt

sống nhân dân, tạo tiềm lực để thực hiện cuộc kháng chiến trường kỳ, Thị ủy chủ trương đưa đồng bào hồi cư về quê cũ. Một lần nữa, bến dò thôn 2 là nơi tiếp nhận đồng bào ta hồi cư về lại quê hương làm ăn, hỗ trợ cho cuộc kháng chiến.

Sau khi tổ chức nhân dân hồi cư, đến năm 1948, Thị ủy chủ trương đưa Cấp ủy và Ủy ban kháng chiến Hành chánh cũng như Mặt trận và các đoàn thể về trên đất Hội An để lãnh đạo phong trào. Lúc bấy giờ Cẩm Thanh (thuộc Khu VI Thanh Hiệp) do đặc điểm tự nhiên có sông ngòi và đê nước bao bọc nên địch không thể đóng quân và bố phòng chặt chẽ. Vì thế Cẩm Thanh trở thành địa bàn đứng chân quan trọng của lực lượng cách mạng, trở thành căn cứ và là bàn đạp vững chắc để lực lượng ta tổ chức các trận đánh trên địa bàn Thị xã. Cũng từ đó, con đường giao thông huyết mạch của Tỉnh từ Duy Xuyên qua khu Thanh Hiệp và tỏa ra các vùng ở phía Bắc được thiết lập và giữ vững trong nhiều

động của ta đi lại trên sông. Ta cũng đã nhiều lần đánh địch bảo vệ tuyến giao thông này, gây cho chúng những tổn thất, tiêu biểu là trận đánh diễn ra vào tháng 2/1954, 04 chiếc canô địch bị ta bắn hỏng trên sông.

Bước sang giai đoạn kháng chiến chống đế quốc Mỹ, ngay khi tiếp quản Quảng Nam, chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm chọn Hội An làm tỉnh lỵ, đặt các cơ quan đầu não của chúng. Nhằm đánh phá phong trào cách mạng của ta, chúng đã gây ra nhiều vụ thảm sát tàn khốc trên địa bàn Tỉnh, tập trung ở các vùng tự do trước đây của ta như Vĩnh Trinh, chợ Được, Cây Cốc ... Trong hoàn cảnh khó khăn đó, năm 1955, Tỉnh ủy đã thành lập Phân ban Tỉnh ủy phía Nam nhằm tạo nên đường dây liên lạc thông suốt giữa các địa phương: Hội An, Duy Xuyên, Quế Sơn, Thăng Bình, Tam Kỳ, Tiên Phước để chuyển công văn tài liệu và đưa cán bộ Tỉnh đi lại công tác. Trụ sở của cơ quan này đóng tại Thuận Tỉnh do đồng chí Ngô Xuân Hạ phụ trách.

Với sự hoạt động tích cực của đồng chí Ngô Xuân Hạ, đường dây liên lạc giữa các địa phương trên theo hệ thống sông ngòi đã được chấp nối và thông suốt. Ngoài ra, tuyến giao liên đường sông từ Côn Chải, Vạn Lăng, Thuận Tình, Thanh Tam cũng được xây dựng và thường xuyên hoạt động. Bến đò thôn 2 là một trong những nơi đưa đón cán bộ trên tuyến giao thông này.

Ngày 27/9/1964, nhân dân Cẩm Thanh nhất tề đồng khởi thắng lợi. Năm 1965, Thị ủy Hội An xây dựng Rừng dừa Bảy Mẫu làm căn cứ địa cách mạng, nơi đứng chân của Thị ủy và lực lượng vũ trang Thị xã. Nằm trong địa phận rừng dừa, lại là nơi tiếp giáp với đoạn sông để qua huyện Duy Xuyên, bến đò thôn 2 trở thành một địa điểm quan trọng kết nối vùng tự do của ta ở Hội An với các địa phương bạn. Để phục vụ cho việc qua lại, lúc bấy giờ ở bến đò xây dựng được các tổ bám bến do xã tổ chức. Mỗi tổ có 3 người luân phiên nhau hoạt động đưa đón lực lượng cách mạng.

Bước sang năm 1966, khi Mỹ bắt đầu tham chiến trên chiến trường Hội An, lực lượng địch được tăng cường về số lượng với nhiều sắc lính. Chúng liên tục tổ chức nhiều đợt càn quét bình định để mở rộng vùng chiếm đóng. Ở Cẩm Thanh, chúng thực hiện các đợt Bình Thanh quy mô nhằm xóa bỏ căn cứ địa cách mạng quan trọng này của ta. Chúng còn thiết lập duyên đoàn hải thuyền tại Cửa Đại. 12 chiếc hải thuyền, mỗi chiếc biên chế 12 tên, được trang bị vũ khí đầy đủ làm nhiệm vụ kiểm soát, ngăn chặn đường dây liên lạc của ta trên tuyến sông, ven biển. Ban ngày, chúng hoạt động ven

biển, đêm đến thì thường cho 6 chiếc tuần tiễu trên sông, lùng sục bắn phá, gây không ít khó khăn cho phong trào cách mạng Hội An và Duy Xuyên. Để bảo vệ duyên đoàn này, cứ đến 18 giờ hằng ngày địch buộc tất cả tàu thuyền đánh cá về neo đậu thành các hàng ngang ở phía thượng lưu, làm lá chắn đảm bảo an toàn cho chúng. Phía bên bờ sông Duy Nghĩa, đối diện cảng duyên đoàn là vùng kiểm soát của ta, nên về đêm chúng dùng ĐKZ bắn dọc bờ sông, đề phòng quân ta tấn công từ phía này. Có thể nói giai đoạn 1966 – 1975 là khoảng thời gian diễn ra chiến sự vô cùng ác liệt trên địa bàn Cẩm Thanh. Mặc dù vậy, đường dây liên lạc huyết mạch giữa Hội An và Duy Xuyên vẫn luôn được củng cố, bảo vệ thông suốt.

Để phục vụ cho chiến dịch Tết Mậu Thân năm 1968, Thị ủy thành lập Ban tiền phương do đồng chí Trần Văn Xe phụ trách. Địa bàn hoạt động của Ban tiền phương ở khu vực bến đò với nhiệm vụ canh trực tình hình địch trên sông, trên bờ; chuyển thư từ; huy động ghe thuyền đưa, đón cán bộ, bộ đội qua lại sông; tải thương binh sau các trận đánh lớn. Trụ sở Ban tiền phương đóng tại vườn nhà ông Đặng Ân cách bến đò khoảng 100m. Để bảo vệ bến đò, Ban tiền phương phân công người bám bến hàng ngày, đồng thời bố trí điểm bám địch (*theo dõi tình hình địch*) cách khoảng 100m phía dưới bến. Khi có yêu cầu, Ban tiền phương nhanh chóng đảm bảo ghe để cán bộ, bộ đội đi lại. Sau khi vận chuyển về, ghe được cất dẩu cẩn trọng tại mương bà Mùi thông với bến đò (*ghe được nhấn chìm dưới nước, khi cần thì lấy*

lên đi). Lực lượng của Ban tiền phương thường xuyên duy trì khoảng 20 người, chia thành 2 đội bố trí canh trực ở hai bờ sông. Riêng trong chiến dịch tết Mậu Thân năm 1968, Ban đã huy động số lượng người lớn, chủ yếu người dân địa phương với số ghe khoảng 200 chiếc tham gia vận chuyển bộ đội, nhân dân.

Nhờ sự hoạt động của Ban tiền phương mà hàng trăm cán bộ, lực lượng vũ trang không chỉ của Hội An mà của Tỉnh về tăng cường đều được đưa đón qua lại đoạn sông thông qua bến đò này. Một trong những lực lượng của Tỉnh gắn bó với chiến trường Hội An là Tiểu đoàn 2 (*mật danh V25*), mỗi khi về Hội An chiến đấu đều qua bến đò này. Từ đây, Tiểu đoàn tổ chức nhiều trận tập kích thắng lợi vào những mục tiêu quan trọng của địch trong Thị xã như: tập kích lao xá Hội An năm 1967, tập kích tiểu đoàn công binh 102 ngày năm 1967, hai lần san bằng Chi khu quân sự - Quận lỵ Hiếu Nhơn năm 1967, tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu Thân năm 1968. Trong mỗi lần vượt sông, Tiểu đoàn đều được Ban tiền phương huy động

số lượng lớn ghe đưa bộ đội, vũ khí qua lại bến đò. Đặc biệt trong trận tập kích lao xá Hội An năm 1967, sau khi ta đã giải thoát hơn 1000 tù nhân, hàng trăm người tập trung về bến đò này. Tại đây, Ban tiền phương và quân chúng cơ ở các xã Cẩm Thanh, Xuyên Thọ, Xuyên Nghĩa huy động 15 chiếc ghe đưa khoảng 800 tù nhân vượt sông sang vùng giải phóng Duy Xuyên ngay trong đêm. Số còn lại tiếp tục được đưa qua sông vào tối hôm sau.

Trong chiến dịch tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu Thân năm 1968, ngoài đảm bảo đưa đón bộ đội qua sông, Ban tiền phương còn sáng tạo tổ chức đan ghe (*ghe nan bằng tre*), mỗi ghe chuẩn bị thêm 1 tấm trục trịch và 2 đoạn tre. Sau khi đưa bộ đội qua sông, Ban tiền phương huy động gần 40 chiếc ghe khiêng từ bến đò dọc theo nương bà Mùi qua đoạn sông Cỏ Cò tại Cồn Đàm (*Cẩm Châu*). Sau đó các ghe kết lại với nhau rồi trải các tấm trục trịch lên trên 2 đoạn tre đặt trên ghe, ghép lại làm cầu nổi đưa bộ đội qua sông tập kết vào căn cứ ở Xóm Chiêu, xã Cẩm Châu và Trà Quế, xã Cẩm Hà. Đến chiến dịch tổng tấn công



Ảnh: Rừng dừa Bàu Mầu

và nổi dậy giải phóng Hội An năm 1975, bến đò thôn 2 lại là nơi tiếp đón Tiểu đoàn 5 thuộc Bộ tư lệnh Mặt trận 4 của Tỉnh về tăng cường giải phóng Hội An.

Nhận biết vai trò quan trọng của bến đò trên tuyến giao thông huyết mạch của ta nhưng do địa hình cách trở nên địch không thể chốt giữ cố định để kiểm soát. Chúng chỉ có thể dùng cano của duyên đoàn 14 vòng lượn lên xuống đoạn sông này. Hàng đêm, bọn hải thuyền thường dùng thủ đoạn cho hai chiếc cano pha sáng rực chạy ngược dòng sông khá xa, khi quay lại chúng cho một chiếc tắt máy, tắt đèn thả trôi giữa sông để mật phục ta qua lại đoạn sông này. Nếu không nắm được quy luật hoạt động của địch, ta chèo thuyền sang sông, địch sẽ pha đèn và dùng khẩu đại liên bắn xối xả vào. Rất nhiều lần cán bộ, chiến sĩ, cơ sở giao liên của ta hy sinh trong hoàn cảnh như vậy. Địch còn cho máy bay do thám trên không. Tại khu vực bến đò, chúng đặt máy radio sông để kiểm soát việc di chuyển qua lại bến đò của ta. Ban tiền phương cũng đã mưu trí dò tìm và phá được 5 máy. Ngoài ra hàng đêm khoảng 7 giờ tối, cứ khoảng 5 phút 1 lần, địch bắn ca nòng từ khu vực bến đò bà Chân qua khu vực đoạn sông này để ngăn chặn ta vượt sông. Để chống lại sự đánh phá của kẻ thù, việc đi lại trên sông của ta cũng được cẩn trọng hơn. Ngoài trừ phục vụ những chiến dịch lớn, các hoạt động đi lại bí mật chủ yếu bằng hình thức lội sông, kể cả việc chuyển tải liệu của Ban tiền phương. Vào các ngày từ 14 đến 16 Âm lịch đi lại do trời có trăng dễ bị phát hiện. Có thể nói, sự

hiểm nguy luôn rình rập trong mỗi chuyến vượt sông. Rất nhiều người đã hy sinh khi chưa qua được đến bờ. Riêng nhân lực của Ban tiền phương đã có đến 105 người hy sinh. Có người hy sinh được đồng đội vớt chôn cất, nhưng đó chỉ là rất nhỏ, còn rất nhiều người phải nằm lại đoạn sông dưới dòng nước lạnh lẽo không tìm thấy được. Chính vì sự nguy hiểm, mất mát quá nhiều mà cán bộ, chiến sĩ đã đặt cho đoạn sông này là sông “giảm thọ”.

Năm tháng trôi qua với bao đổi thay của thời cuộc và giờ đây, dấu có nhiều biến đổi nhưng hình ảnh dòng sông, bến đò năm xưa vẫn còn khắc ghi sâu đậm trong tâm trí của những người từng sống, chiến đấu tại nơi này. Với thế hệ trẻ, đây là chứng tích lịch sử mang ý nghĩa giáo dục truyền thống sâu sắc, góp phần bồi đắp truyền thống đấu tranh yêu nước cách mạng, tri ân công lao của cha anh đi trước đã không tiếc hy sinh xả thân cho sự nghiệp cách mạng trên quê hương Hội An anh hùng♣

Tài liệu tham khảo

- BCH Đảng bộ thị xã Hội An, Lịch sử Đảng bộ thị xã Hội An (1930 - 1975), tháng 1/1996.

- Đảng ủy-BCH Quân sự thành phố Hội An, Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Hội An (1945 - 1975), NXB QĐND, 2014.

- Thông tin cung cấp của nhân chứng tại buổi gặp mặt ở UBND xã Cẩm Thanh ngày 14/11/2014.

VÀI THÔNG TIN VỀ CHÙA PHÁP BẢO Ở HỘI AN

Phạm Phước Tịnh

Vào đầu thế kỷ XX, cùng với nhiều diễn biến chính trị, xã hội và văn hóa, trong đời sống tôn giáo ở Việt Nam xuất hiện phong trào chấn hưng Phật giáo. Khởi phát của phong trào chấn hưng Phật giáo ở miền Nam và nhanh chóng lan tỏa ra khắp các vùng miền trong cả nước. Từ đây, nhiều tổ chức Phật học ra đời nhằm tập hợp các tín đồ Phật giáo trong một tổ chức để hoạt động, trong các tổ chức Phật học đó, tại miền Trung có Hội An Nam Phật học được thành lập, trụ sở đặt tại chùa Từ Đàm, tỉnh Thừa Thiên Huế, rồi nhanh chóng lan tỏa ra thành lập các Tỉnh Hội ở các tỉnh, các Chi hội ở các huyện, trong đó có Hội An, Quảng Nam với sự ra đời của chùa Tỉnh hội, sau này gọi là chùa Pháp Bảo.

Chùa Pháp Bảo hiện tọa lạc tại số 673 đường Hai Bà Trưng, phường Cẩm Phô, thành phố Hội An, là một trong những ngôi chùa hình thành khá muộn ở Hội An. Vào những năm 1934-1935, các Hòa thượng

Thích Đôn Hậu, Thích Mật Nguyên thuộc Hội An Nam Phật Học từ Huế vào Hội An để giảng dạy và thành lập các Chi hội, Tỉnh hội. Để có cơ sở hoạt động, các Hòa thượng đã mượn nhà thờ của ông Trịnh Văn Đăng làm Niệm Phật đường để giảng dạy cho các tín đồ và thành lập Tỉnh hội Phật giáo Quảng Nam. Càng ngày do số lượng tín đồ theo Đạo ngày càng đông, nhu cầu mở rộng cơ sở để hoạt động, Tỉnh hội đã vận động bà con, tín đồ mua đất xây chùa, đến năm 1936 sau khi có kinh phí đóng góp, Hội đã bắt đầu xây dựng chùa và đặt tên là chùa Tỉnh hội Phật giáo Quảng Nam, hay còn gọi là chùa Tỉnh hội, chùa Phật học.

Ban đầu, chùa không có trụ trì, mọi hoạt động đều do Ban trị sự Tỉnh



hội trực tiếp quản lý. Để giảng dạy Kinh Phật và quy y cho các tín đồ, Hội đã mời các Hòa thượng, Thượng tọa từ Huế vào. Từ khi thành lập cho đến năm 1946, Tỉnh hội đã thành lập được 8 chi Hội ở các huyện và 400 khuôn hội ở các xã, chùa Tỉnh hội cũng trở thành cơ sở đầu tiên của Phật giáo Quảng Nam.

Đến năm 1942, để hoạt động của chùa có tổ chức và trang trọng, chùa được Tỉnh Hội mời Đại đức Thích Đồng Chơn về làm trụ trì và Đại đức trở thành trụ trì đầu tiên của chùa. Đến nay, chùa đã trải qua nhiều đời trụ trì, trụ trì hiện nay là Hòa thượng Thích Hạnh Niệm.

Vào năm 1963, hòa cùng với Phong trào đấu tranh đòi tự do, bình đẳng tôn giáo chống lại chế độ Ngô Đình Diệm, chùa trở thành trung tâm lãnh đạo cuộc đấu tranh của các tín đồ Phật giáo Quảng Nam. Cũng thời gian này, chùa trở thành Văn phòng Đại diện Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tỉnh Quảng Nam. Đến năm 1967, Giáo hội Phật giáo Quảng Nam đổi tên thành chùa Pháp Bảo, lấy theo tên Tổ khai sơn Thiền phái Lâm tế Chúc Thánh tại Hội An. Kể từ đó, chùa mang tên Pháp Bảo cho đến ngày nay.

Sau năm 1975, khi quê hương Hội An được giải phóng, chùa Pháp Bảo vẫn là nơi các Tăng ni, Phật tử các huyện quy tụ về học đạo và sinh hoạt. Đến năm 1997, sau khi địa giới hành chính thay đổi, tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng được chia tách thành hai đơn vị hành chính độc lập là thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam, lúc này

chùa Pháp Bảo không còn là văn phòng của Tỉnh hội nữa, mà văn phòng của Tỉnh hội dời về chùa Đạo Nguyên tại Tam Kỳ.

Chùa Pháp Bảo trải qua nhiều lần tu bổ, tôn tạo vào các năm 1992, 2000, 2008... nhưng vẫn giữ được nét kiến trúc cổ kính. Bố trí thờ tự bên trong chùa gồm Phật Thích Ca ở giữa, bên trái đặt tượng Phật A Di Đà và bên phải đặt tượng Phật Di Lặc. Ấn thờ hai bên đặt tượng Bồ tát Quan Thế Âm và Bồ tát Đại Thế Chí.

Trải qua những biến động và thay đổi, chùa Pháp Bảo vẫn còn bảo tồn những nét kiến trúc cổ kính, hiện nay chùa là nơi đặt văn phòng đại diện của Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Hội An. Hằng năm, chùa Pháp Bảo là nơi diễn ra các hoạt động Phật sự lớn của Phật giáo Hội An như Đại lễ Phật Đản, lễ Thành Đạo, lễ Vu Lan... và nhiều hoạt động khác.

Có thể nói, chùa Pháp Bảo hình thành và phát triển góp phần làm phong phú thêm đời sống văn hóa, tôn giáo tín ngưỡng của một bộ phận tín đồ, Phật tử ở Hội An. Chùa còn là điểm tham quan du lịch thú vị mỗi khi du khách đến tham quan khu phố cổ Hội An♣

Tài liệu tham khảo

1 - Tỉnh Hội Phật giáo Quảng Nam, Thành hội Phật giáo thành phố Hội An, *Kỷ yếu lễ khánh thành Giảng đường, Tăng đường chùa Pháp Bảo*, 2010.

2 - Những thông tin thu thập được tại chùa Pháp Bảo do ông Trần Văn Tuyển cung cấp năm 2014.

VÀI THÔNG TIN VỀ NHÀ THỜ TỘC ĐẶNG SỐ 69/5 PHAN CHÂU TRINH - HỘI AN

Trần Thanh Hoàng Phúc

Nhà thờ tộc Đặng tại địa chỉ 69/5 Phan Châu Trinh, phường Minh An là di tích có giá trị cao về kiến trúc nghệ thuật và lịch sử. Đây là di tích loại II (theo Danh mục phân loại mức độ giá trị bảo tồn di tích trong khu vực I khu phố cổ), tọa lạc trên khu đất rộng nằm trong khu vực I khu phố cổ Hội An, trước đây là ấp Hương Thắng, làng/xã Minh Hương, nay thuộc tổ 16, khối An Thắng, phường Minh An. Trước đây, do điều kiện kinh tế eo hẹp, không có đủ tài chính để tiến hành tu bổ nên di tích ngày càng xuống cấp, nhiều cấu kiện gỗ hư hỏng, mục nát. Vào cuối năm 2014, đầu 2015, được sự hỗ trợ kinh phí từ chính quyền địa phương (hỗ trợ 65% toàn bộ kinh phí tu bổ từ nguồn ngân sách tỉnh Quảng Nam và thành phố Hội An), di tích đã được tu bổ lại khang trang, phục hồi lại nhiều yếu tố nguyên gốc của di tích.

Cụ bà Phạm Thị Huệ (con cháu tộc Phạm, có nhà thờ tộc tại 58/9 Lê Lợi, ở gần di tích nhà thờ tộc Đặng) về làm dâu tộc Đặng, sinh sống tại di tích từ rất lâu. Cụ là người duy nhất còn lại của tộc Đặng mà chúng tôi được biết,

tuy nhiên, hiện cụ đã cao tuổi (93 tuổi), cụ bà có chồng là ông Đặng Thắng, ông mất trong thời kháng chiến chống Pháp. Hiện tộc Đặng không còn con cháu nào hoặc đã thất lạc, duy chỉ có ông Nguyễn Văn Chuẩn (cháu gọi bà Huệ là di ruột) ở với bà từ nhỏ, lập gia đình (cưới bà Phan Thị Nga), sinh sống tại đây, chăm lo việc hương khói ông bà, tổ tiên tộc Đặng.

Căn cứ theo thông tin trên xà cò, di tích được cháu dâu, là người đàn bà có nghĩa tên là Trần Thị Chuy và ngoại tăng tôn là bát phẩm Văn Giai Phạm Văn Đính cúng tiền để xây dựng vào năm Kỷ Sửu. Tính theo can chi, năm Kỷ Sửu có thể là các năm 1949, 1889, 1829 hoặc sớm hơn. Hiện tại chưa có tư liệu để xác định năm sinh/mất của ông Phạm Văn Đính hay bà Trần Thị Chuy nên chưa khẳng định mốc thời gian cụ thể di tích được xây dựng.

Tính đến trước lần tu bổ vào cuối năm 2014, đầu 2015 kể trên thì ngôi nhà đã được sửa chữa vài lần. Trong đợt bão lớn trước năm 1990 (bà Nga không nhớ rõ, có thể là cơn bão số 2 năm 1989), hệ vách gỗ mặt tiền bị hư hại nghiêm trọng, gia đình thay thế vách gỗ bằng tường gạch. Sau này (bà

Nga không nhớ rõ mốc thời gian), gia đình có mua lại ngôi âm dương cũ từ các ngôi nhà khác trong phố cổ (họ tháo bỏ ngôi cũ khi sửa chữa) để dựng vá lại mái sau.

Di tích có mặt tiền xoay về hướng Tây, có cổng, tường rào bảo vệ. Lối vào từ đường kiệt 69 Phan Châu Trinh là lối duy nhất vào di tích. Di tích chỉ có duy nhất một nếp nhà, dùng để ở và thờ tự. Nền sân bằng đất, chính giữa sân có bồn hoa xây bằng gạch. Phía sau nhà chính có một khoảng sân hẹp, trồng cây lá gai (làm bánh ít). Công trình phụ (nhà vệ sinh) nằm ở góc Đông Bắc khuôn viên di tích. Nhà chính có dạng nhà 3 gian 2 chái. Hệ

khung chịu lực (cột, kèo, trính, xiên) bằng gỗ, tường bao che xây gạch, nền lát xi măng, mái dốc lợp ngói âm dương.

Nhà có hiên trước rộng 1,70m. Nền hiên thấp hơn nền nhà 0,20m, lát xi măng. Phần hiên tại hai chái xây tường gạch bao che, mỗi bên tường có ô cửa sổ song gỗ, kích thước mỗi ô: 0,64m x 0,50m. Tường biên bên trái (trong nhà nhìn ra) tại vị trí hiên có lối đi hình vòm rộng 0,84m, cao 1,75m (tính từ nền hiên). Phần tường trên đầu cửa gắn một chốt xoay bằng đá, chốt xoay còn lại đã mất, chỉ

còn dấu vết (hốc) trên tường. Điều đó chứng tỏ tại vị trí này trước đây có một bộ cửa đi 02 cánh dùng chốt xoay (có thể là cửa bản gỗ), nay không còn. Tường biên bên phải ở hiên còn dấu vết một lối đi hình vòm với kích thước tương tự, nhưng đã bị xây bít bằng tường gạch, bên trên cửa còn đủ 2 chốt xoay bằng đá.

Toàn bộ tường bao che xây bằng gạch. Cửa đi ba gian giữa là cửa 4 cánh pano gỗ. Trên đồ cửa gian chính giữa gắn đôi mắt cửa trang trí hình hoa

cúc 6 cánh xoay ngược chiều nhau. Hệ vách gỗ mặt tiền ở hai gian chái khá đẹp và độc đáo, ít thấy hình thức này ở các di tích



khác trong khu phố cổ: chính giữa là bộ cửa bản gỗ 2 cánh, hai bên là vách pano. Ngạch cửa tại vị trí này khá cao (0,40m), bên dưới ngạch cửa là ô thoáng có trang trí các thanh gỗ đứng.

Hệ cột chịu lực đều là cột tròn, kích thước cột khá đồng đều. Cột lòng nhất tiền, hậu, cột lòng nhì tiền có đường kính 22cm, cột lòng nhì hậu, cột hiên có đường kính 16,5cm. Chân cột có đế đá tán (tròn). Kèo kiểu kẻ chuyển, đuôi kèo vát cong nhẹ và được chạm khắc đơn giản, trụ đội gỗ đỡ hai đầu kèo tại vị trí giao nguyên. Kèo quyết và kèo đấm đỡ kết cấu mái tại các góc chái. Hệ kèo tại vị trí tiếp giáp

khu dĩ còn có thêm vách gỗ (*lam gỗ đứng*) trang trí. Liên kết cột lòng nhì tiền và cột lòng ba (*cột hiên*) không phải kéo kẻ chuyển mà là vài trính chồng - trụ đội với hai lớp trính chồng lên nhau, trụ đội có hình quả bí, đuôi trính chạm khắc hình rồng lá mềm mại, đẹp mắt. Mái ngói âm dương được lợp theo kiểu bình ngõa. Bờ nóc, bờ chảy uốn lượn, giạt cấp nhẹ ở khu dĩ. Giữa tường biên bên phải có cửa đi 01 cánh pano gỗ để đi ra công trình phụ và sân sau.

Di tích hiện nay được dùng để ở và thờ tự (*nhà thờ tộc Đặng*). Bên trong nhà chính hoàn toàn trống trải, không có tường hay vách gỗ ngăn chia không gian sử dụng. Chái bên trái là nơi đặt bếp và các vật dụng gia đình. Chái bên phải bố trí giường ngủ. Gian chính giữa nhà dùng làm nơi thờ tự ông bà tổ tiên tộc Đặng. Bàn thờ phía trước xây gạch, mặt bàn bằng tấm đan bê tông cốt thép, trên lát gạch đất nung, dùng để đặt chân đèn, lư hương. Khám thờ phía sau bằng gỗ được sơn màu đỏ, chạm trổ tinh tế bởi nhiều đồ án khác nhau, bên trong đặt ảnh thờ. Phía trên khám thờ có chữ: 祖德流芳 (*Tổ đức lưu phương - Đức tổ lưu thơm*). Hai bên khám thờ có đề câu đối chữ Hán sơn màu vàng có nội dung: 祖澤百年惟禮樂, 家風十世有箕裘 (*Tổ trạch bách niên duy lễ nhạc, Gia phong thập thế hữu cơ cừ - Tổ chơn trăm năm chỉ lễ nhạc, Mười đời gia phong nói nghiệp xưa*).

Xà cò nằm ở gian giữa, dưới đòn dông có khắc câu chữ Hán. Nguyên văn: 歲次己丑年四月十九日吉

孫媳義婦陳氏佳外曾孫八品文階范文訂全奉供.

Phiên âm: Tuế thứ Kỷ Sửu niên, tứ nguyệt, thập cửu nhật cát, tôn tước, nghĩa phụ Trần Thị Chuy, ngoại tăng tôn Bát phẩm Văn Giai Phạm Văn Đỉnh đồng phụng cúng.

Dịch nghĩa: ngày tốt ngày 19 tháng 4 năm Kỷ Sửu, cháu dâu là người đàn bà có nghĩa tên là Trần Thị Chuy, và chất ngoại là bát phẩm Văn Giai Phạm Văn Đỉnh cùng kính cúng [ngôi nhà này].

Gia tộc chấp mả vào ngày 30/11 ÂL, gộp chung giỗ ông Thắng vào ngày này. Ngoài ra, việc cúng giỗ cha mẹ ông Chuẩn cũng được tổ chức tại đây. Do con cháu tộc Đặng phần lớn đã thất lạc hoặc không còn nên mỗi khi giỗ chấp, chỉ có gia đình bà Huệ (*những người sinh sống tại di tích*) chứ không có con cháu tộc Đặng về tham dự.

Nhà số 69/5 Phan Châu Trinh là công trình kiến trúc gỗ với những nét đặc trưng rất riêng, ít thấy trong khu phố cổ, mang vẻ đẹp 'không trùng lặp', còn bảo tồn được nhiều yếu tố mỹ - kỹ thuật. Hiện nay, di tích là một yếu tố cấu thành, không thể tách rời của quần thể di tích kiến trúc Hội An, góp phần làm phong phú, đa dạng các loại hình kiến trúc nghệ thuật♣

Ghi chú

Trong bài viết này, phần phiên âm và dịch nghĩa các tư liệu chữ Hán do đồng nghiệp Ngô Đức Chí thực hiện.

VÀI THÔNG TIN VỀ PHỐ CỔ HỘI AN QUA TIẾP CẬN KHẢO CỔ HỌC Ở ĐƯỜNG TRẦN PHÚ

Võ Hồng Việt

Đường Trần Phú, thời Pháp thuộc gọi là Rue du pond Japonaise - đường cầu Nhật Bản, là một trong những tuyến đường chính của khu phố cổ Hội An hiện nay, là tuyến đường được hình thành khá sớm gắn liền với sự ra đời và phát triển phồn thịnh của đô thị thương cảng Hội An thế kỷ XVI, XVII. Đây có thể là Đại Đường nhai mà Thiền sư Thích Đại Sán đã ghi chép trong tác phẩm Hải ngoại ký sự vào những năm cuối thế kỷ XVII. Nhìn từ trên không xuống, đường Trần Phú kết hợp với đường Lê Lợi tạo thành trục chính hình chữ thập của khu phố cổ. Tuyến đường này nối dài từ cầu Nhật Bản (*chùa Cầu*) ở phía Tây đến đường Hoàng Diệu giáp hội quán

Triều Châu (*chùa Âm Bồn*) ở phía Đông. Cầu Nhật Bản (*Chùa Cầu*), hội quán Triều Châu (*chùa Âm Bồn*) là hai điểm giới hạn phạm vi nội ô của đô thị thương cảng Hội An về phía Tây và phía Đông như câu ca trong dân gian thường nhắc “*Thượng Chùa Cầu, Hạ Âm Bồn*”. Đường Trần Phú là nơi tọa lạc của nhiều di tích quan trọng có giá trị cao về khoa học, lịch sử, văn hóa, nghệ thuật. Trải qua thời gian, với những biến đổi thăng trầm của lịch sử, sự thay đổi của điều kiện tự nhiên đã tác động không nhỏ đến không gian, kiến trúc của đô thị thương cảng Hội An nói chung, trên từng tuyến phố nói riêng. Ngoài di sản kiến trúc đa dạng với hơn 1000 di tích hay kho tàng di sản Hán Nôm phong phú đã minh chứng một cách sinh động về lịch sử của thương cảng Hội An thì những cứ liệu qua tiếp cận khảo cổ học ở khu phố cổ Hội An nói chung, đường Trần Phú nói riêng lại hé mở nhiều thông tin thú vị.

Từ những năm cuối thập niên 80 của thế kỷ XX đến hết thập niên đầu thế kỷ XXI,



nhiều nghiên cứu về khảo cổ học ở khu phố cổ Hội An được thực hiện. Trong không gian phố/đường Trần Phú, nhiều địa điểm đã được đào thám sát. Song, trong bài viết này bước đầu xin chia sẻ những cứ liệu có được trong quá trình triển khai thi công các hạng mục của dự án “*Tôn tạo cơ sở hạ tầng trong khu phố cổ Hội An*” vào năm 2006. Những cứ liệu khảo cổ học này được thu thập từ các mộng đào trên vỉa hè và các hố đào trên lòng đường Trần Phú.

Những mộng đào trên vỉa hè rộng từ 80-110cm, sâu từ 60-90cm. Cụ thể:

Đoạn mộng đào trên vỉa hè trước nhà số 02-06 Trần Phú dài 1550cm, rộng 80cm, xuất phát từ điểm cách tìm đường Hoàng Diệu 2860cm. Kết cấu địa tầng diễn biến gồm trên cùng là lớp cát, gạch bê tông lát vỉa hè dày 8cm, kế đến là lớp đất xen lẫn gạch ngói vỡ dày 30cm; dưới cùng là đất màu vàng nâu hoặc sẫm đen dày 20cm.

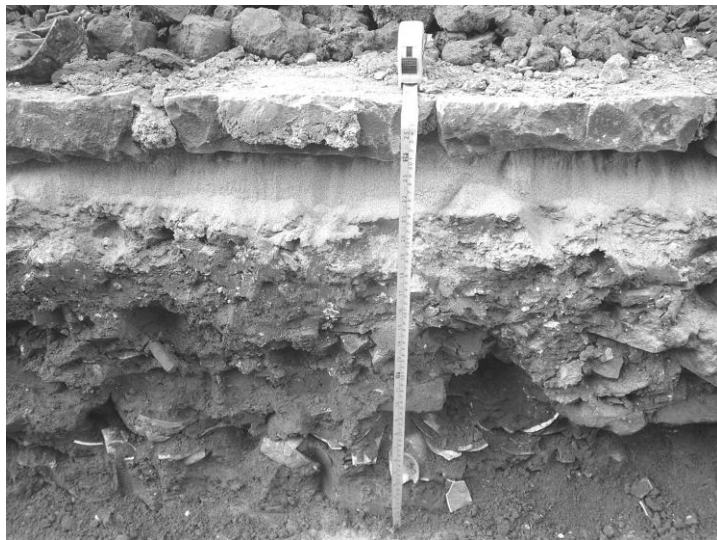
Đoạn mộng đào dài 1000cm trên vỉa hè trước hội quán Hải Nam cũng có kết cấu tương tự. Tuy nhiên, phía dưới lớp đất xen lẫn gạch ngói vỡ là lớp vôi ghè mỏng màu trắng.

Đoạn mộng đào dài 2225cm trên vỉa hè trước Minh Hương Tụy Tiên đường có kết cấu địa tầng gồm bên dưới lớp bê tông, giải hạ vỉa hè là lớp đất cát bột màu nâu. Trên mộng đào này, tại vị trí góc Đông

Nam của Minh Hương Tụy Tiên đường xuất lộ 01 hũ bằng đất nung nằm ở độ sâu 60cm, trong tư thế đứng, miệng ngang với lòng mộng đào. Đáy hũ có tro và một đồng tiền đồng. Hũ có dáng cân đối, miệng đứng bị tróc vỡ vài nơi, cổ thẳng có hai đường viền, vai nở, trên vai có hai đường viền sâu, từ vai thon dần về đáy, đáy bằng, da gốm màu đà, xương gốm mịn. Hũ có kích thước: cao 25,5cm, đường kính miệng 8,9cm, đường kính đáy 8,9cm, dày xương gốm 0,8-2cm. Đồng tiền hình tròn lỗ vuông đã bị gỉ, một mặt ghi chữ Hán thể chân phương “*Cảnh Hưng Nội Bảo*”, mặt kia đề trơn, đường kính 2,3cm, dày 0,1cm, lỗ vuông cạnh là 0,5cm.

Đoạn mộng đào trên vỉa hè trước nhà số 50 - 56 Trần Phú xuất lộ móng gạch trên vách Bắc tại trước nhà số 50, ở độ sâu 40cm so với mặt bằng hiện trạng, cách thềm nhà 240cm. Móng gạch này có trục Bắc Nam trùng với trục tường phía Đông nhà số 50. Kết cấu móng gồm hai phần, phần phía Tây gạch xếp nằm dọc, tuy nhiên 5 lớp dưới xếp nằm ngang, phần phía





vực trước nhà 49 Trần Phú xuất lộ 2 móng gạch có trục trùng với tường phía Đông và phía Tây của nhà số 49. Móng phía Tây nằm ở độ sâu cách mặt bằng hiện trạng 15cm, dày 34cm, cao 17 lớp gạch. Gạch có kích thước 32 x 14,5 x 4,5cm. Móng phía Đông nằm ở độ sâu 23cm so với mặt bằng hiện trạng, cách móng gạch phía Tây trước nhà 47 là 80cm, móng gạch dày

Đông có 13 lớp gạch nằm ngang vữa đất sét. Gạch có kích thước 29 x 15 x 4,5cm.

Đoạn mương đào trên vỉa hè trước nhà số 47-51 Trần Phú dài 2200cm, rộng 114cm, sâu 90cm. Tại đây xuất lộ một móng gạch trùng với trục tường Đông nhà số 47 và một móng khác nằm cách về phía Tây 630cm. Trên vách Bắc của mương đào xuất lộ 4 móng đặt đá tảng chân cột và một viên đá tảng hình vuông nằm trên móng thứ 2 tính từ phía Đông. Móng gạch phía Đông nằm ở độ sâu cách mặt bằng hiện trạng 13cm, dày 55cm, phần xuất lộ cao 80cm gồm 23 lớp gạch vữa đất sét. Gạch có kích thước 30 x 13,5 x 4cm. Móng gạch ở phía Tây nằm ở độ sâu 20cm so với mặt bằng hiện trạng, dày 60cm, phần xuất lộ cao 70cm gồm 16 lớp gạch vữa đất sét. Gạch có kích thước 30 x 13,5 x 4cm. Móng đặt đá tảng chân cột trên vách Bắc nằm ở độ sâu 63cm so với mặt bằng hiện trạng, các móng này nằm cách nhau 230cm, cao 30cm, chiều rộng trên vách dao động từ 50-60cm, được làm bằng vôi ghè. Tại khu

47cm, cao 12 lớp gạch vữa đất sét. Gạch có kích thước 32 x 14,5 x 4,5cm. Tại khu vực trước nhà 51 Trần Phú xuất lộ nền trụ cờ ở vị trí cách hiện nhà 100cm, cách tường phía Tây nhà số 51 là 300cm. Nền trụ cờ nằm ở độ sâu 32cm so với mặt bằng hiện trạng, có kích thước 140 x 120 x 53cm. Nền trụ được làm bằng vôi ghè rắn chắc, bên trong xen lẫn một số viên gạch và đá xanh. Mặt trên của nền trụ có một lỗ hình vuông kích thước 22x22cm, bên trên còn dấu vết chân trụ gỗ.

Đoạn mương đào trên vỉa hè trước nhà 111 đến nhà 113 Trần Phú dài 1830cm, rộng 100cm, sâu 60cm, cách lề đường 37cm. Tại khu vực trước nhà 111B Trần Phú xuất lộ 2 móng gạch chạy theo hướng Bắc Nam, vị trí kết thúc phía Bắc của móng gạch cách lề đường hiện trạng 87cm. Móng phía Đông nằm sát tường phía Tây của nhà số 111 Trần Phú, ở độ sâu 12cm so với mặt bằng hiện trạng, dày 60cm, kết cấu gồm 11 lớp gạch vữa đất sét. Gạch có kích thước 29 x 14 x 4,5cm. Móng phía Tây nằm cách móng phía Đông 945cm, sâu 12cm so với mặt

bằng hiện trạng, dày 60cm, kết cấu gồm 12 lớp gạch vữa đất sét. Gạch có kích thước 31 x 14,5 x 4,5cm. Trên vách Nam mương đào xuất lộ 2 cụm mảnh sứ. Cụm thứ nhất nằm tại vị trí cách móng phía Đông 30cm về phía Tây, ở độ sâu 50cm so với mặt bằng hiện trạng. Cụm mảnh sứ này dày 10cm, dài 230cm. Mảnh sứ phát hiện trong cụm này phần lớn thuộc loại hình bát có chân đế, men trắng vẽ lam. Dưới đáy của một số mảnh đế có ghi chữ “*Trung hữu mỹ ngọc nhĩ chế*”, “*Đại Minh Thành Hóa niên chế*”. Đây là những mảnh sứ Cảnh Đức Trấn cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII. Cụm thứ 2 nằm cách móng phía Tây 60cm về phía Tây, ở độ sâu 50cm. Cụm này dày 20cm, dài 120cm. Mảnh sứ phát hiện cụm này phần lớn thuộc loại hình bát/chén Hizen - Nhật Bản thế kỷ XVII.

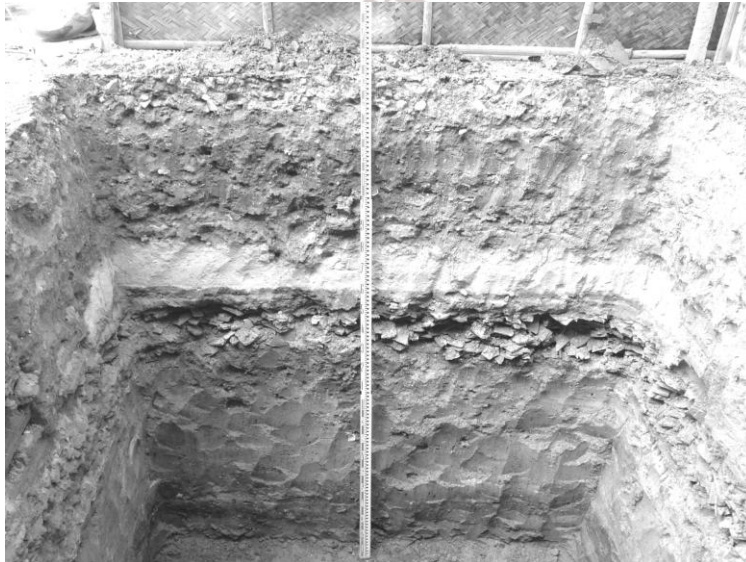
Trên lòng đường Trần Phú, đơn vị thi công đã đào rất nhiều hố hình vuông có cạnh dài trung bình 250cm, hố sâu trung bình 230cm. Khảo sát 16 hố từ vị trí trước nhà số 08 đến chùa

Cầu cho thấy:

Hố đào trước nhà 08 có một phần gồi lên vỉa hè phía Bắc. Kết cấu địa tầng vách Nam gồm đá dăm, đất đỏ, nhựa đường dày 50cm. Tiếp đến là lớp đất cát bột màu nâu dày 50cm. Bên dưới lớp đất này là tầng đất màu nâu dày 20cm, xen lẫn mảnh gốm, sành và gạch vỡ. Kế theo là lớp vỏ hén lẫn cát trắng dày 20cm. Dưới cùng là lớp đất cát pha lóm đóm đen. Tại hố đào này xuất lộ dấu vết kiến trúc gạch nằm ở độ sâu 70cm so với mặt bằng hiện trạng, kết cấu gồm 6 lớp gạch vữa vôi, bên dưới dấu vết kiến trúc gạch là phiến đá dựng đứng. Phiến đá này có kích thước 78 x 38 x 8cm. Ở độ sâu 150cm xuất lộ di vật bằng sứ nằm trong tầng đất cát có độ kết dính cao. Ngoài ra, còn có 01 bình vôi bằng đất nung xuất lộ ở độ sâu 170cm.

Hố đào trước hội quán Hải Nam có một phần gồi lên vỉa hè phía Bắc. Kết cấu địa tầng vách Nam gồm trên cùng là lớp đá dăm, nhựa đường dày 40cm, bên dưới là lớp đất xám đen lẫn gạch vỡ dày 40cm, tiếp theo là lớp đất

màu nâu sẫm dày 40cm, kế đến là lớp gạch ngói vỡ dày 30cm, bên dưới lớp này là lớp đất sét pha cát màu vàng dày 30cm, dưới cùng là đất cát trắng lóm đóm những vết đen dày 30cm. Tại hố đào này xuất lộ kiến trúc mương nước bằng gạch, nằm ở độ sâu 80cm so với mặt bằng hiện trạng, chạy hướng Đông - Tây. Mương có bề ngang 80cm, cao 40cm gồm 9



lớp gạch vữa đất sét, lòng rộng 20cm. Phần đáy mương đổ lớp vôi ghè dày 5cm. Gạch xây mương nước có kích thước 30 x 13 x 3,5cm.

Hố đào trước Minh Hương Tuy Tiên đường có một phần gồi lên vỉa hè phía Bắc. Kết cấu địa tầng vách Nam gồm trên cùng là lớp đá dăm, nhựa đường dày 40cm, tiếp đến là lớp gạch vỡ dày 5cm, kế theo là lớp đất màu nâu lẫn gạch vỡ dày 50cm, bên dưới là lớp đất toi xộp màu nâu dày 40cm, lớp đất bị oxyt hóa màu đỏ dày 15cm nằm tiếp theo phía dưới, dưới cùng là lớp đất cát chuyên dần từ màu trắng đến xám. Tại hố đào này xuất lộ 01 móng gạch hướng Bắc - Nam nằm ở độ sâu 10cm so với mặt bằng hiện trạng, móng cao 100cm, xây bằng gạch có kích thước 30 x 15 x 5cm.

Hố đào ở ngã ba Nguyễn Huệ - Trần Phú, cách nhà 26 Trần Phú 200cm. Kết cấu địa tầng trên vách Nam gồm trên cùng là lớp đá dăm nhựa đường dày 20cm, tiếp đến là lớp đất cát bột màu nâu dày 20cm, lớp gạch ngói vỡ dày 20cm, lớp đất bột lẫn cát trắng dày 35cm, lớp đất sét dày 102cm, đất màu nâu đen dày 28cm, dưới cùng là lớp đất cát dày 15cm.

Hố đào trước hội quán Phúc Kiến có một phần gồi lên vỉa hè phía Bắc. Kết cấu địa tầng trên vách Nam gồm trên cùng là lớp đá, nhựa đường dày 20cm, tiếp theo là lớp đất màu nâu đen lẫn gạch ngói vỡ dày 15cm, lớp cát bột lẫn gạch ngói vỡ dày 15cm, lớp đất màu nâu đen

lẫn gạch vỡ dày 25cm, lớp gạch ngói vỡ dày 5cm, lớp đất cát có độ kết dính cao dày 25cm, lớp đất sét, đất sét màu xám xanh dày 55cm, dưới cùng là lớp đất cát màu vàng dày 60cm. Tại hố đào này xuất lộ kiến trúc mương nước bằng gạch, nằm ở độ sâu 70cm so với mặt bằng hiện trạng, chạy hướng Đông - Tây. Mương có bề ngang 80cm, cao 40cm gồm 9 lớp gạch vữa đất sét, lòng rộng 20cm. Phần đáy mương đổ lớp vôi ghè dày 5cm. Gạch xây mương nước có kích thước 30 x 13 x 3,5cm.

- Hố đào trước nhà số 50 có một phần gồi lên vỉa hè phía Bắc. Kết cấu địa tầng trên vách Nam gồm trên cùng là lớp đá dăm nhựa đường dày 20cm, tiếp đến là lớp đất nâu đen dày 10cm, đất cát bột trắng xen lẫn gạch vỡ dày 10cm, đất màu nâu lẫn gạch ngói vỡ dày 25cm, lớp đất toi xộp màu nâu đen dày 25cm, lớp vôi ghè dày 05cm, lớp đất cát màu vàng có độ kết dính cao dày 85cm, lớp đất sét màu xám xanh gi sắt dày 30cm, đất cát màu vàng dày 20cm, đất cát màu xám dày 5cm, dưới cùng là lớp cát màu vàng dày 15cm. Tại hố đào này xuất lộ kiến trúc





xuất lộ một số mảnh sứ Trung Quốc, Nhật Bản và 01 tiền đồng “*Cảnh Hưng Thông Bảo*”.

Hố đào trước hội quán Dương Thương có một phần gôi lên vỉa hè phía Bắc. Kết cấu địa tầng trên vách Nam gồm trên cùng là lớp đá dăm nhựa đường dày 15cm, tiếp đến là lớp đất màu nâu xen lẫn gạch vỡ dày 70cm, lớp đất cát màu vàng nhạt dày 110cm, lớp đất cát có độ kết dính cao dày 50cm, dưới cùng là lớp đất cát màu xám dày 30cm. Tại hố này xuất lộ một số mảnh sứ Hizen ở độ sâu 50-90cm. Ở độ sâu 270cm xuất lộ một hàng cọc gỗ nhỏ chạy theo hướng Đông - Tây.

Hố đào trước nhà số 76 có một phần gôi lên vỉa hè phía Bắc. Kết cấu địa tầng trên vách Nam gồm trên cùng là lớp đá dăm nhựa đường dày 25cm, tiếp đến là lớp gạch vỡ dày 15cm, lớp đất màu nâu xen lẫn gạch vỡ dày 15cm, lớp đất cát màu xám dày 85cm, dưới cùng là lớp đất cát màu vàng hạt mịn dày 80cm. Tại hố đào này xuất lộ kiến trúc mương nước bằng gạch, nằm ở độ sâu 70cm so với mặt bằng hiện trạng, chạy hướng Đông - Tây. Mương có bề ngang 80cm, cao 40cm gồm 9 lớp gạch vữa đất sét, lòng rộng 20cm. Phần đáy mương đổ lớp vôi ghè dày 5cm. Gạch xây mương nước có kích thước 30 x 13 x 3,5cm.

Hố đào trước nhà số 98 có một phần gôi lên vỉa hè phía Bắc. Kết cấu địa tầng trên vách Nam gồm trên cùng

mương nước bằng gạch, nằm ở độ sâu 80cm so với mặt bằng hiện trạng, chạy hướng Đông - Tây. Mương có bề ngang 80cm, cao 40cm gồm 9 lớp gạch vữa đất sét, lòng rộng 20cm. Phần đáy mương đổ lớp vôi ghè dày 5cm. Gạch xây mương nước có kích thước 30 x 13 x 3,5cm. Tại đây cũng xuất lộ những mảnh sứ Hizen - Nhật Bản ở độ sâu 100cm.

Hố đào trước nhà số 58 có kết cấu địa tầng trên vách Nam gồm trên cùng là lớp đất đá nhựa đường dày 20cm, kế đến là lớp đất cát bột màu trắng xen lẫn gạch ngói vỡ dày 10cm, lớp đất tơi xốp màu nâu xen lẫn gạch vỡ dày 25cm, lớp đất tơi xốp màu đen dày 35cm, lớp vôi ghè dày 5cm, lớp đất màu nâu vàng dày 135cm, dưới cùng là lớp đất cát màu xám nhiễm bùn dày 20cm. Tại hố đào này xuất lộ kiến trúc mương nước bằng gạch, nằm ở độ sâu 80cm so với mặt bằng hiện trạng, chạy hướng Đông - Tây. Mương có bề ngang 80cm, cao 40cm gồm 9 lớp gạch vữa đất sét, lòng rộng 20cm. Phần đáy mương đổ lớp vôi ghè dày 5cm. Gạch xây mương nước có kích thước 30 x 13 x 3,5cm. Ngoài ra, còn

là lớp đá dăm nhựa đường dày 15cm, tiếp đến là lớp gạch vụn dày 20cm, lớp đất màu nâu xen lẫn gạch vỡ dày 120cm, lớp đất màu đen lẫn than cháy dày 5-10cm, lớp đất cát màu xám nhạt lốm đốm đen dày 40cm, lớp đất màu đen lẫn than dày 5cm, dưới cùng là lớp đất cát trắng hạt nhỏ dày 45cm. Tại hố đào này xuất lộ nhiều mảnh sành sứ gồm sứ Hizen - Nhật Bản, sứ Trung Quốc, gốm sành Việt Nam.

Hố đào trước nhà số 118 có một phần gôi lên vỉa hè phía Bắc. Kết cấu địa tầng trên vách Nam gồm trên cùng là lớp đá dăm nhựa đường dày 15cm, tiếp đến là lớp đất màu nâu lẫn gạch vụn dày 25cm, dưới cùng là đất cát trắng hạt nhỏ dày 210cm.

Hố đào trước nhà số 128 có kết cấu địa tầng trên vách Nam gồm trên cùng là lớp đá dăm nhựa đường dày 15cm, tiếp đến là lớp đất tối xốp màu nâu lẫn gạch vỡ dày 25cm, dưới cùng là đất cát màu trắng hạt nhỏ dày 210cm.

Hố đào trước công viên số 138 có một phần gôi lên vỉa hè phía Bắc. Kết cấu địa tầng trên vách Nam gồm trên cùng là lớp đá dăm nhựa đường dày 20cm, tiếp đến là lớp đất cứng màu nâu nhạt dày 50cm, lớp đất cát có độ kết dính cao dày 70cm, lớp đất màu đen dày 5cm, đất cát có độ kết dính cao dày 65cm, lớp đất màu đen dày 5cm, dưới cùng là lớp đất cát có độ kết dính cao dày 30cm.

Hố đào trước nhà số 144 có một phần gôi lên vỉa hè phía Bắc. Kết cấu địa tầng trên vách Nam gồm trên cùng là đá dăm nhựa đường dày 20cm, tiếp đến là lớp đất lẫn gạch vỡ dày 15cm,

lớp gạch ngói vỡ dày 15cm, lớp vỏ hến dày 5cm, lớp gạch ngói vỡ dày 45cm, lớp đất cát màu vàng có độ kết dính cao dày 54cm, lớp đất màu đen dày 6cm, lớp đất cát màu vàng có độ kết dính cao dày 40cm, lớp đất sét màu xám dày 35cm, dưới cùng là đất sét màu đen dày 15cm.

Hố đào tại ngã ba đường Hai Bà Trưng - Trần Phú có kết cấu địa tầng trên vách Nam gồm trên cùng là lớp đá dăm nhựa đường dày 20cm, tiếp đến là lớp đất bột lẫn gạch vỡ dày 40cm, lớp đất màu đen dày 30cm, lớp vôi ghè dày 5cm, lớp đất màu nâu vàng dày 95cm, dưới cùng là lớp đất sét màu vàng dày 40cm.

Hố đào trước hội quán Quảng Triệu có một phần gôi lên vỉa hè phía Bắc. Kết cấu địa tầng trên vách Nam gồm trên cùng là lớp đá dăm nhựa đường dày 20cm, tiếp đến là lớp đất màu nâu xen lẫn gạch vỡ dày 40 -



85cm, vệt đất đen lẫn dày 5cm, đất sét màu nâu xám dày 90cm, dưới cùng là lớp đất cát màu vàng gi sét có độ kết dính cao dày 60cm. Tại hố này xuất lộ móng gạch ở độ sâu 40cm so với mặt bằng hiện trạng, cao 30cm.

Hố đào bên cạnh chùa Cầu: Tại khu vực phía Đông chùa Cầu có hai hố đào nằm sát vỉa hè phía Bắc và phía Nam đường Trần Phú.

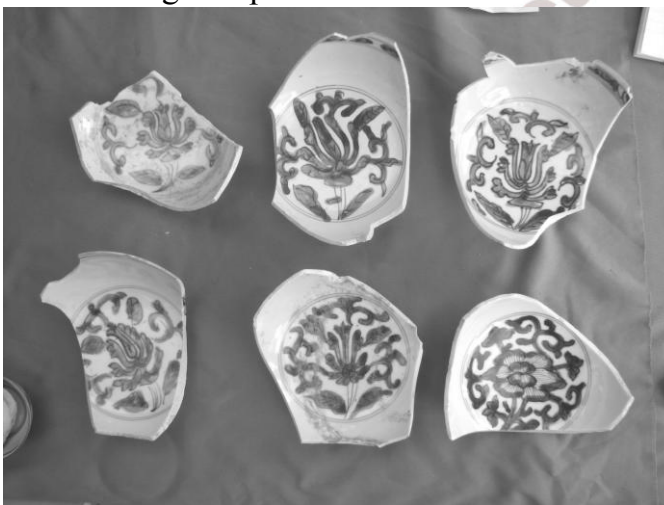
Hố đào ở phía Bắc cách chùa Cầu 230cm, cách thềm nhà 186 là 290cm. Hố đào sâu 270cm. Kết cấu địa tầng trên vách Nam gồm trên cùng là lớp đá

dăm nhựa đường dày 15cm, tiếp đến là lớp đất thịt màu vàng nhạt dày 15cm, lớp đất màu nâu xen lẫn gạch vỡ dày 30cm, lớp đất cát màu nâu vàng có độ kết dính cao dày

170cm, dưới cùng là lớp đất bùn dày 40cm. Tại hố này xuất một bậc cấp bằng đá và một đồng tiền. Bậc cấp bằng đá nằm ở độ sâu 35cm so với mặt bằng hiện trạng, cao 30cm, kéo dài 160cm từ phía Tây về hướng Đông. Đồng tiền được phát hiện ở độ sâu 155cm so với mặt bằng hiện trạng, đồng tiền đã bị gi nên không rõ chữ. Tại hố đào này còn xuất lộ một cổng gạch cổ. Cổng gạch nằm ở độ sâu 185cm so với mặt bằng hiện trạng, nằm cách chùa Cầu 320cm, chạy theo hướng Bắc - Nam. Cổng cao 45cm, rộng 70cm, rộng lòng 34 x 28cm. Kết

cấu gồm gạch vữa vôi. Đoạn đường cổng xuất lộ trong hố được lấp đầy bởi 3 lớp gạch, trong đó lớp gạch trên cùng có kích thước 25 x 10 x 3,2cm, 2 lớp gạch bên dưới có kích thước: 46 x 46 x 6,5cm. Gạch xây thành cổng có kích thước 25 x 10 x 3,2cm. Khu vực xung quanh cổng gạch chúng có rất nhiều cọc gỗ. Ngoài ra, tại hố đào này còn xuất lộ rất nhiều mảnh sứ bao gồm sứ Hizen và sứ Trung Quốc.

Hố đào phía Nam cách chùa Cầu 200cm. Tại hố đào này xuất lộ dấu vết của nền đá lát đường, dấu vết kiến



trúc gỗ, dấu vết cổng gạch giống như hố ở phía Bắc. Ngoài ra, tại góc Đông Nam của hố đào xuất lộ móng kiến trúc đá vôi ghe nằm ở độ sâu 80cm. Từ độ sâu 170cm

trở xuống xuất hiện rất nhiều mảnh sành sứ. Kết cấu địa tầng trên vách Bắc gồm trên cùng là lớp đá dăm nhựa đường, tiếp đến là lớp đất sét màu vàng và màu nâu, sau đó là lớp gạch vỡ, kế theo là lớp đá, bên dưới nữa là đất sét màu vàng rồi đến lớp đất màu nâu vàng pha lẫn than tro, dưới cùng là lớp đất thịt màu đen.

Qua những dấu vết, hiện vật xuất lộ tại các mương, hố đào, bước đầu có một vài nhận xét sau:

- Từ vị trí dấu vết kiến trúc gạch xuất lộ trên vỉa hè trước nhà số 47 -

51, 111 - 113 Trần Phú, có thể nghĩ rằng đó là móng tường của những ngôi nhà cổ đã bị tàn phá/dỡ bỏ và có thể xưa kia giữa nhà số 47 và nhà số 49 Trần Phú có một con hẻm hay lối đi vào nếp nhà sau. Hoặc trước đây, nhà số 47 Trần Phú nằm sát lề đường hiện trạng; nhà số 111B Trần Phú nằm cách lề đường hiện trạng 87cm. Dấu vết kiến trúc gạch xuất lộ tại các khu vực khác trên vỉa hè hiện chưa có cơ sở để đoán định chức năng.

- Qua các mương, hố đào cho thấy những mảnh sứ Hizen - Nhật Bản xuất lộ dọc đường Trần Phú từ phía Đông chùa Cầu đến trước hội quán Phước Kiến. Trong đó tập trung nhiều nhất ở khu vực phía Đông chùa Cầu, vỉa hè trước nhà 111, trước nhà số 98, hội quán Dương Thương, nhà số 50, 58. Những mảnh sứ Trung Quốc xuất lộ ở nhiều nơi đặc biệt là khu vực vỉa hè trước nhà số 111, nhà số 50 - 60. Những mảnh sứ Trung Quốc xuất lộ tại vỉa hè trước nhà số 111 được sản xuất tại Cảnh Đức Trấn và có niên đại cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII.

- Dựa vào vị trí, kết cấu của dấu vết đường cống xuất lộ tại các hố đào trước hội quán Hải Nam, hội quán Phước Kiến, nhà số 50, 58, 76, 109, 111, 117, 127, 141 Trần Phú, có thể nghĩ rằng có một đường cống chạy dọc theo đường Trần Phú, kéo dài ít nhất là từ trước hội quán Hải Nam đến trước nhà số 141 Trần Phú. Tại vị trí trước hội quán Hải Nam đường cống nằm phía dưới vỉa hè phía Bắc, trước hội quán Phước Kiến thì nằm cách vỉa hè phía Bắc 50cm, trước nhà số 76 Trần Phú nằm cách vỉa hè phía Bắc 90cm,

nằm cách vỉa hè phía Nam trước nhà số 109 là 130cm, trước nhà số 111B là 20cm, trước nhà số 117 là 80cm, trước nhà số 127 là 130cm, trước nhà số 141 là 105cm. Từ thông số về kích thước, chất liệu cũng như màu sắc gạch cho phép suy nghĩ gạch được sản xuất cùng một địa điểm và có niên đại khoảng cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX.

- Qua kết cấu địa tầng các hố cũng như mương đào cho thấy rằng có thể đường Trần Phú đã được nâng cấp nhiều lần và mặt đường trước khi thảm nhựa là đường đất hoặc đường đất rải gạch ngói vỡ. Tại một số vị trí, đặc biệt là trước những di tích quan trọng người xưa thường lát đá, gạch hoặc rải gạch vỡ trên mặt đường như ở khu vực phía Đông chùa Cầu, trước hội quán Phước Kiến... Qua địa tầng còn cho thấy khu vực từ chùa Cầu đến trước nhà số 144 Trần Phú xưa kia là bờ/lòng sông; khu vực từ nhà số 128 - 118 Trần Phú là phía Nam của cồn cát và khu trước nhà số 98, 138 có thể là chân cồn cát. Tại các hố đào trước nhà 98, hội quán Dương Thương, hội quán Phước Kiến xuất hiện nhiều cọc gỗ nhỏ ở độ sâu 2m40 nhưng hiện nay chưa thể xác định rõ chức năng. Những cọc gỗ xuất hiện tại hố đào phía Đông chùa Cầu có thể là dấu vết của công trình kiến trúc cổ. Kết hợp địa tầng và dấu vết kiến trúc xuất hiện ở độ sâu 230cm tại hố đào trước nhà 73 với dấu vết kiến trúc gỗ xuất hiện tại hố đào trước nhà 80 Lê Lợi, phía Tây nhà 136 Nguyễn Thái Học cho phép đoán định rằng đây có thể là dấu vết kiến trúc bến cảng xưa♣

LỄ CÚNG TIỀN HIỀN Ở CẨM KIM

Trần Thị Lệ Xuân

Làng Kim Bồng xưa, nay thuộc xã Cẩm Kim nằm ở hạ lưu sông Thu Bồn, được ngăn cách với Khu phố cổ bởi một con sông, cách trung tâm thành phố Hội An khoảng chừng 3km về phía Tây. Đây là một trong những làng được hình thành khá sớm ở thượng cảng Hội An.

Dựa vào một số tư liệu liên quan đến làng Kim Bồng xưa, vào cuối thế kỷ XV, đầu thế kỷ XVI, những cư dân thuộc các tộc Nguyễn, Huỳnh, Phan, Trương từ vùng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ đã vào vùng đất này dựng nên làng Kim Bồng. Sau đó, các tộc Đỗ, Bùi, Lê, Phạm đến cộng cư, họ đã cùng nhau xây dựng làng xã và cũng từ đó, cộng đồng dân cư đã hình thành nên một số nghề đặc trưng, gắn liền với vùng đất Kim Bồng như nghề nông, nghề đánh bắt sông nước, nghề mộc..., góp phần phát triển làng Kim Bồng xưa. Cho đến hiện nay, làng Kim Bồng, Cẩm Kim vẫn còn bảo tồn được nhiều sinh hoạt văn hóa truyền thống, trong đó có loại hình lễ hội và một trong những lễ hội truyền thống đặc trưng của Cẩm Kim, đó là lễ cúng Tiền Hiền.

Theo một số cụ cao niên tại địa phương, trước đây, khi chưa có đình Tiền Hiền thì lễ cúng Tiền Hiền của

làng Kim Bồng được tổ chức tại nhà thờ tứ phái (gồm 4 tộc: Nguyễn, Huỳnh, Phan, Trương), tại vị trí nhà thờ tộc Trương cũ, hiện ở thôn Phước Thắng. Thời gian sau, cư dân làng Kim Bồng xây dựng một đình Tiền Hiền lớn, gồm có 5 gian (nên còn gọi là đình Năm Căn, hiện nay là vị trí trường THCS Lý Thường Kiệt - Thôn Trung Hà - xã Cẩm Kim) để cúng Tiền Hiền của làng. Sau đó, do đình Năm Căn bị hư hại trong chiến tranh nên vào khoảng những năm 1930 ngôi đình Tiền Hiền lại được xây dựng (tại vị trí thôn Phước Thắng hiện nay) và là nơi cúng tế Tiền Hiền của làng Kim Bồng, Cẩm Kim.

Theo lệ xưa truyền lại cho đến ngày nay, lễ cúng Tiền Hiền được tổ chức mỗi năm hai lệ, lệ xuân vào ngày 12 tháng Giêng và lệ thu vào ngày 20/7 âm lịch, tại đình Tiền Hiền Kim Bồng - thôn Phước Thắng - xã Cẩm Kim. Mục đích của lễ cúng nhằm nhớ ơn đến các vị Tiền Hiền đã có công khai mở vùng đất, lập làng, tạo dựng nghề nghiệp cho làng, đồng thời, qua đó cũng là dịp cầu an, cầu tài lộc đầu năm của làng, xã. Tuy nhiên, mỗi năm chỉ tập trung chủ yếu cho lễ cúng vào đầu năm (12 tháng Giêng), còn lệ cúng vào mùa thu chỉ trăm trà hoa quả.

Để cho lễ cúng Tiên Hiền đầu năm được chu đáo, ngay từ tháng Chạp, các chư tộc phái trên địa bàn xã Cẩm Kim (*hiện có 27 tộc*) tập hợp lại để chuẩn bị cho lễ cúng, như chọn ra ban tế lễ (*đặc biệt là chọn chánh tế*), thường thì mỗi năm, mỗi tộc sẽ tự chọn ra một chánh tế là người trong gia tộc (*trước đây chánh tế phải là người con cháu của Tiên Hiền*), ban hậu cần, đóng góp kinh phí... Sau khi kết thúc ba ngày Tết bảy ngày xuân cũng là lúc các chư tộc phái tập trung lại để cùng nhau mua sắm, chuẩn bị lễ vật cho lễ cúng Tiên Hiền của làng.

Lực lượng tham gia trong ban tế lễ tại lễ cúng Tiên Hiền gồm có hai chánh tế, một người cúng ở ngoài và một người cúng ở trong. Chánh tế thường có độ tuổi trên 60, người không mắc tang và phải là người có gia đình song toàn (*đủ vợ, đủ chồng, có con*), hoà thuận và có uy tín trong

làng, trang phục khăn đóng, áo dài màu xanh, quần trắng. Đối với tả hữu phân hiến thì chỉ cần chọn người biết làm, không mắc tang, độ tuổi khoảng 50 là được, trang phục khăn đóng, áo dài màu đen, quần màu trắng. Một người đọc văn tế, là người chuyên đọc văn tế và có chất giọng hay. Ngoài ra, có một người xướng, người này đòi hỏi là người phải nắm rõ trình tự lễ cúng, đồng thời có chất giọng tốt. Khác với chánh tế và tả hữu phân hiến, người xướng trang phục áo rộng màu xanh, quần dài màu trắng, đội mũ lễ. Tại lễ cúng Tiên hiền ở đình Kim Bồng từ trước đến nay không có đi gia lễ.

Ngoài ban tế lễ, có đội cổ nhạc gồm ba người (*một người đánh trống, một người sử dụng đàn cò và một người sử dụng xập xoã*). Trước đây, đội cổ nhạc thường có từ 5 → 8 người và là người địa phương, nhưng hiện tại



địa phương không có đội cổ nhạc nên phải thuê ở các địa phương khác, như ở Cẩm Nam, Duy Xuyên...

Vào ngày 12 tháng Giêng, từ rất sớm các bô lão của các chư tộc phái tại địa phương tập trung về đình Tiên Hiền để trang trí bàn thờ, bố trí lễ vật, còn lớp thanh niên, phụ nữ thì lo nấu nướng, sắp xếp bàn ghế, chiêng, trống... Nếu công tác chuẩn bị xong sớm thì vào khoảng 9h lễ tế bắt đầu. Trước tiên là lễ tế Âm Linh ở bên ngoài, lễ vật gồm có đầu heo, bên cạnh có đặt một con dao nhọn và ít hột muối sống (nếu không cúng đầu heo thì cúng một con gà giò), thịt lợn, chè xôi, hoa quả, áo giấy, trầu cau, gạo muối và một lễ vật mà không thể thiếu từ trước đến nay trên bàn thờ (bàn thờ âm linh và bên trong chính điện) đó là cháo xương heo.

Lễ tế Âm Linh được diễn ra bài bản và theo quy cũ. Trước tiên là phần hành nghi tế lễ, người xướng điều khiển theo trình tự sau: Chắp sự giả các tư kỳ sự (các vị chắp sự chuẩn bị để tiến hành lễ cúng) → Khởi chinh cô (đánh chiêng trống, đánh 3 hồi chiêng rồi đánh 3 hồi trống) → Nhạc sanh khởi nhạc (Ban nhạc khởi nhạc) → Nghệ quán tẩy sở (chánh tế vào vị trí chuẩn bị rửa tay) → Quán tẩy (rửa tay) → Thuế cân (sửa khăn) → Phân hiến các tỳ vị (tả hữu phân hiến vào vị trí) → Chánh tế tỳ vị (chánh tế vào vị trí) → Nghệ hương án tiền (Tả hữu phân hiến và chánh tế vào đứng trước bàn thờ) → Quy (chánh tế quỳ) → Giai quy (tả hữu phân hiến quỳ) → Phân hương (có người đốt hương đưa cho chánh tế và tả hữu phân hiến) → Thượng hương (thắp hương) →

Nghinh tiên linh cúc cung bái (lạy tiên linh) → Hưng bái (đứng lên - lạy), Hưng bái, Hưng bái, Hưng bái → Hưng, bình thân (đứng lên về vị trí cũ).

Kết thúc phần hành nghi tế lễ là phần sơ hiến lễ (lễ lần 1): Sau khi chánh tế, tả hữu phân hiến đứng trước bàn thờ → Quy (chánh tế quỳ) → Giai quy (tả hữu phân hiến quỳ) → Chước tửu (có người ở ngoài rót rượu) → Phủ phục hưng (cúi đầu lạy sát đất rồi đứng lên) → Hưng, bình thân (đứng im một chỗ) → Nghệ độc chúc vị (người đọc văn tế vào vị trí chuẩn bị đọc văn) → Quy (chánh tế quỳ) → Giai quy (tả hữu phân hiến quỳ) → Chuyển chúc (chuyển văn tế cho người đọc) → Độc chúc (đọc văn tế) → Phủ phục hưng (lạy sát đất rồi đứng lên) → Hưng bái (đứng lên - lạy), Hưng bái → Hưng, bình thân (đứng lên về vị trí cũ).

Tiếp theo là phần á hiến lễ (lễ lần 2): Sau khi chánh tế, tả hữu phân hiến đứng trước bàn thờ → Quy (chánh tế quỳ) → Giai quy (tả hữu phân hiến quỳ) → Chước tửu (rót rượu) → Phủ phục hưng (lạy sát đất) → Hưng (hai lạy) → Bình thân (bình thân, về vị trí cũ).

Sau cùng là phần chung hiến lễ (lễ lần 3): Quy (chánh tế quỳ) → Giai quy (tả hữu phân hiến quỳ) → Chước tửu (rót rượu) → Phủ phục hưng (lạy sát đất rồi đứng lên) → Bình thân (đứng im một chỗ) → Thiêu khước (tuần tự mời bà con vào lạy) → Phục vị (chánh tế, tả hữu phân hiến vào lại vị trí) → Nghệ ẩm phước vị (đến nơi ẩm phước) → Quy (chánh tế quỳ) → Giai quy (tả hữu phân hiến quỳ) → Ẩm phước (nhận rượu phước) → Thọ

huê (nhận thịt do Thần ban) → Phủ phục hưng (2 lạy) → Hưng bình thân (đứng lên, về vị trí) → Điem trà (rót nước trà và hiến trà) → Lễ từ cức cung bái (4 lạy) Hưng bái, Hưng bái, Hưng bái, Hưng bái → Phần chúc (đốt văn tế, áo giấy) → Lễ thành (đánh một hồi chiêng trống và có lại dùi).

Trong lễ tế Âm Linh, các vị Thần được cung thỉnh gồm có Tiêu Diện Đại Sĩ Diệm Khẩu Quý Vương, Nguru Đầu Mã Diện Nhị vị Đại tướng quân, Bồn xứ Thành Hoàng, Phước Đức Chánh Thần, Thổ Địa Phước Đức Chánh Thần, Thổ Thần, chiến sĩ trận vong, âm hồn, cô hồn. Lễ tế diễn ra trong vòng khoảng một tiếng đồng hồ là kết thúc. Sau đó ban tế lễ, đội cổ nhạc... nghỉ trong giây lát rồi chuẩn bị bước vào lễ tế chính. Trình tự của lễ tế chính cũng diễn ra tuần tự theo 3 tuần (sơ hiến lễ, á hiến lễ và chung hiến lễ) như lễ cúng Âm Linh nhưng sau khi lễ tất thì đánh một hồi chiêng trống dài và không lại dùi, coi như lễ đã hoàn tất. Nội dung văn tế Tiên Hiền nhằm ca ngợi công đức của các vị Tiên Hiền khai khẩn, Hậu Hiền khai cơ, qua đó giúp cho mọi người, đặc biệt là thế hệ trẻ ghi nhớ công ơn của các vị khai hoang lập làng, nhớ đến nguồn cội tổ tiên. Đối với lễ cúng Tiên Hiền ở Cẩm Kim, sau phần nghi lễ cúng tế, không có tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí gì cả mà mọi người cùng ngồi lại với nhau để dùng những cúng phẩm đặc trưng của địa phương như cháo thịt heo, mì Quảng,... do những chị em phụ nữ trong các chư tộc phái chuẩn bị. Kinh phí tổ chức lễ cúng Tiên Hiền do tất cả các chư tộc trên địa bàn xã Cẩm Kim đóng góp. Trước đây, vào

ngày cúng Tiên Hiền, cư dân làng Kim Bồng tham dự rất đông, từ độ tuổi già cho đến trẻ, hầu như nhà nào cũng tham gia, vì vậy trong dân gian còn lưu truyền câu: “Việc nhà thì nhác, việc cô bác thì siêng. Đám giỗ Tiên Hiền, vất vả sau lưng”. Nhưng hiện nay thành phần tham gia lễ cúng Tiên Hiền chủ yếu là những vị cao niên của các chư tộc phái. Mặc dù vậy, đây là lễ hội lớn của làng nên vẫn thu hút được đầy đủ đại diện các chư tộc phái trên địa bàn Xã tham gia.

Cẩm Kim là vùng đất có bề dày lịch sử, đồng thời là vùng đất có địa hình sông nước nên những lễ lệ, lễ hội dân gian của Cẩm Kim mà cụ thể là làng Kim Bồng xưa rất đặc trưng, gắn liền với vùng đất. Vì vậy, với việc gìn giữ và bảo tồn loại hình lễ hội truyền thống ở Cẩm Kim là nhằm bảo tồn, phát huy vốn di sản văn hoá riêng có của địa phương, trong đó lễ cúng Tiên Hiền là một sản phẩm văn hoá đặc trưng của làng quê sông nước này. Đây là lễ hội nhằm thể hiện lòng thành kính, tri ân đối với những vị Tiên Linh, đồng thời là sợi dây gắn kết cộng đồng địa phương lại với nhau♣

Tài liệu tham khảo

1 - Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An, Lễ lệ lễ hội Hội An, Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Quảng Nam, 2008.

2 - Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa, Lý lịch di tích đình Tiên hiền Kim Bồng, năm 2007.

3 - Văn tế Tiên Hiền đình Tiên Hiền Kim Bồng, xã Cẩm Kim (Hiện lưu giữ tại nhà ông Lê Thuỳ - thôn Trung Châu - Cẩm Kim).

NGHỀ ĐÁNH BẮT HẢI SẢN BẰNG LƯỚI Ở CÙ LAO CHÀM

Trương Hoàng Vinh

Trong mô tả của nhà sư Thích Đại Sán vào cuối thế kỷ XVII, Cù Lao Chàm còn có tên là Cù Lũ (*theo cách phiên âm của Thích Đại Sán từ tiếng dân bản địa*) và là nơi cung cấp nguồn củi, nước dự trữ cho tàu thuyền qua lại và cũng là nơi tránh bão của các tàu thuyền lớn qua lại trên biển Đông. Lúc bấy giờ, cư dân của Cù Lao Chàm có khoảng 300 tráng đinh, chưa kể người già và trẻ con, người dân sống chủ yếu bằng nghề đánh cá, lấy củi, trồng rau. Ngoài ra còn có một số tư liệu cổ khác cũng mô tả ở Cù Lao Chàm có nghề đánh bắt thủy hải sản nhưng không nói rõ cụ thể là nghề gì.

Qua tìm hiểu nhiều người dân cao tuổi ở đây cho thấy: ở Cù Lao Chàm có nghề lưới rùng (*trước năm 1968 có ông Đẹp, ông Cần, ông Rì, ông Trần Tân đánh lưới rùng, riêng nghề lưới rùng đã xác định ít nhất có ba đời đánh bắt*), lưới quất, nghề câu tay (*câu khẩu*), nghề lưới bén.... là các nghề đánh bắt thủy hải sản lâu đời, bản địa của Cù Lao Chàm. Đa số các nghề này hoạt động sát bờ (*cách bờ vài chục mét đến vài km*). Lý do là cách đây khoảng 50 năm trở về trước, chưa có phương tiện đánh bắt bằng máy nên chưa thể sử dụng các loại lưới đánh bắt xa bờ. Hiện nay, cũng chưa xác định được ai

là tổ nghề đánh bắt hải sản ở Cù Lao Chàm nói chung và nghề lưới nói riêng. Đa số những hộ làm nghề lưới hiện nay có cha mẹ, ông bà từ đất liền tân cư ra Cù Lao Chàm sinh sống vào khoảng từ năm 1964.

Kể từ năm 1964 đến nay (*kể từ khi có đợt di dân lớn đầu tiên từ đất liền ra Cù Lao Chàm*) thì các ngư dân ở Cẩm An, Cẩm Thanh, Cẩm Kim, Cửa Đại, Duy Vinh, Duy Nghĩa, Duy Hải... đã du nhập nhiều nghề đánh cá bằng lưới mới từ đất liền. Cũng trong thời gian cuối những năm 1960, những năm đầu 1970, ghe máy bắt đầu xuất hiện ở Cù Lao Chàm, tạo điều kiện đa dạng hóa nghề lưới ở đây. Các nghề lưới sưa, lưới 2, lưới chuồn, lưới trích, lưới thanh ba,... Theo đó, thì thời gian đánh bắt ở Cù Lao Chàm cũng nói rộng hơn. Trước đây, với việc đánh cá bằng lưới quất, trũ, lưới rùng kéo gần bờ thì chủ yếu diễn ra vào mùa tháng 8 đến tháng Giêng âm lịch (*có nhóc - sóng lớn, áp di chuyển vào bờ, đánh được nhiều cá, lưới rùng đánh được ít nhất 9 loại cá, các loại cá chủ yếu là cá cơm, liệt, đồ mắt, nhông, ngán, kinh, dĩa, lác, suốt, hổ...*). Hiện nay, mùa nào đánh lưới đó, mùa từ tháng 3 - tháng 9 đánh lưới 2 (*đánh bắt ít nhất 13 loại cá chủ yếu là cá ngán, má,*



sòng, hổ, xước, bẹ, ngừ, rựa, chắt, đu, chai, căn, thu (nhỏ)...), mùa từ tháng 5 đến tháng 11 đánh lưới trích (đánh bắt ít nhất 3 loại cá, chủ yếu là cá trích, má, sòng), mùa từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau đánh lưới sưa (đánh bắt ít nhất 12 loại cá chủ yếu các loại cá thu, thu từ hủ, trắm, cá xác, măng, lằm, thiều (hủ), môm, chang vàng, bẹ, lỗ, nhám), mùa tháng 3 - 6 đánh cá chuồn (đánh ít nhất 4 loại cá, chủ yếu là cá chuồn, cá dôi, nhói, lười liềm), mùa tháng 9 đến tháng 4 năm sau đánh lưới ghe (đánh được ít nhất 6 loại, chủ yếu là ghe, cá chim, cá chai, cá lười trâu, mực, tôm...), cả năm có thể dùng lưới thanh ba đánh cá (đánh được nhiều loại, chủ yếu là cá liệt, cá trích, cá ngân tôn, cua, mực ghe nhỏ)...

Về cự ly đánh bắt, từ chỗ chỉ đánh quanh bờ, cách bờ xa nhất chưa đầy 1km trong thời kỳ trước khi có ghe

máy (trước 1960) thì nghề lưới Cù Lao Chàm đã có nghề đánh bắt ở cự ly cách đảo Cù Lao Chàm trên 15 hải lý (nghề lưới vẩy rút chì), trên 10 hải lý (nghề lưới chuồn)... Nghề lưới sưa ở Cù Lao Chàm có khi đánh bắt ở Sa Huỳnh (Quảng Ngãi), Tam Quan (Bình Định), Hòn Nghê, Hòn Chộ (Đà Nẵng). Tính về độ sâu, có nghề đánh cá ở độ sâu 50, 60m (nghề lưới sưa).

Về phương tiện đánh bắt: Trước đây người ta đánh lưới rừng, lưới quát... bằng ghe chèo, dùng đèn tín hiệu là đèn măng xông (1970), đến nay đã có các phương tiện ghe máy, thuyền máy công suất hàng chục mã lực. Thuyền lưới sưa - 15cv, thuyền lưới chuồn - 20cv, thuyền lưới rừng - 8cv.

Về tổ chức: Trong các nghề lưới thì nghề lưới rừng, lưới quát đánh bắt sát bờ. Lưới của hai nghề này có hai đầu tay lưới dài hàng chục mét, ở giữa

có *đùng* bao để hướng đường, hứng cá và cuối cùng là *đut* để đựng cá. Tính tổng chu vi dàn lưới dài 150m. Khi thả, có một người ở một đầu tay lưới ở trên bờ, sau có kết hợp ghe nhỏ để thả lưới dài dần xuống nước và sau đó đi theo hình vòng cung để tay lưới còn lại lên bờ. Sau đó, những người cầm tay lưới ở hai bên trên bờ kéo lưới dần. Đánh cá bằng lưới rùng, lưới quất thường đánh vào mùa biển động vì lúc này biển động, cá ở ngoài khơi thường di chuyển vào gần bờ để trú ẩn. Hiện nay, do một số bãi biển ở Cù Lao Chàm được sử dụng khai thác du lịch và nguồn cá suy giảm do bị đánh bắt ở ngoài khơi bằng các phương tiện hiện đại nên nghề đánh cá bằng lưới rùng bị suy giảm mạnh.

Đối với nghề lưới rê (gồm các loại lưới có chì nặng, được kéo sát hoặc gần đáy biển, các nghề ở dạng này có lưới 2, lưới thưa...). Đối với nghề lưới sưa đánh cá thu, địa bàn đánh cá xa, có thể là Bình Định, Quảng Ngãi, Đà Nẵng. Đây là loại lưới đánh cá lớn cách xa bờ trên vài km đến vài chục km, đánh vào mùa biển động vì mùa này cá di chuyển vào gần bờ. Đánh vào lúc nước đứng lại (sau khi thủy triều lên, xuống). Về cách ăn chia, cách 30 – 40 năm, *lái* (chủ phương tiện, lưới) được hưởng 5 phần/10 phần, 5 phần còn lại chia ra làm năm, *lái* được hưởng công 1, còn 4 phần *bạn* được hưởng. Hiện nay, *lái* (chủ phương tiện, lưới) được hưởng 5 phần/10 phần, 5 phần còn lại chia đều cho *bạn*. Mỗi chuyến đi đánh bắt ít nhất là 4 ngày, lực lượng có ít nhất 5 người, 1 lái, 4 bạn (1 chèo mũi, 2 hoặc 3 người kéo lưới, gỡ cá).

Lưới 2 cũng là một loại 1 lưới rê, đánh ở nước sâu 10 sải, dựa vào rạn (đá, san hô) nơi cá núp để đánh bắt. Mùa đánh bắt vào mùa đông, biển động cá núp vào rạn để đánh. Địa bàn đánh bắt là khu vực biển ở Hòn Dài, Hòn Mồ, Hòn Lái, độ xa cách bờ 2km. Ăn chia 5(lái)/5(chia đều cho các bạn), 1 chuyến đi cần 4 người, 1 lái, 3 bạn, 2 người bủa, 1 người cầm lái, 1 người gỡ cá, đánh từ 3h sáng đến 6h sáng, đánh 3 lần (vác/giác).

Đánh cá bằng lưới chuồn ở Cù Lao Chàm là đánh lưới nổi (không có chì) gần bờ, bủa theo hình vòng cung, đánh từ tháng 3 đến tháng 6 âm lịch hàng năm, gần mặt nước để đón đường đi nổi của cá chuồn. Thường đánh ở Hòn Tai, Mũi Đông Nhân. 1 ghe đi 4 người, 1 lái, 3 bạn.

Lưới trích: đánh ở Hòn Dài, Mũi Đông Nhân, mực nước sâu 20m, đánh từ tháng 4- 9, đánh tốt vào lúc có nhóc (nhiều sóng), thả lưới theo đường ngang. Đi 3 người, 1 người cầm lái, 2 người bủa, đánh từ 3h30 - 9h sáng thì về nếu vào thời điểm có nhiều cá thì tiếp tục đánh vào lúc buổi chiều. Lưới trích đánh gần bờ.

*** Về quy trình thực hành nghề**

Mỗi nghề lưới có một một số đặc điểm đánh bắt riêng, nhưng nhìn chung các nghề cá có qui trình chung là: Chuẩn bị ngư lưới cụ, xăng dầu, kiểm tra máy móc - xuất bến - đến ngư trường - Neo ghe - Nổ điện - thả bè điện - cá tụ trước giàn điện - kéo bè vào gần ghe - cúp điện - giăng màn - cá đóng - tắt điện - gỡ cá - tiêu thụ - vệ sinh ngư lưới cụ.

*** Về đối tượng đánh bắt của nghề lưới khá đa dạng:** Có nghề đánh bắt với đối tượng rộng, có nghề với tên gọi cũng biết được đối tượng đánh bắt chính của nó. Lưới rùng: *các loại cá chủ yếu là cá cơm, liệt, đồ mắt, nhồng, ngán, kình, đĩa, lác, suốt, hổ...* Lưới 2: *các loại cá chủ yếu là cá ngán, má, sòng, hổ, xước, bẹ, ngư, rựa, chắt, đầu, chai, căn, thu (nhỏ)...* Lưới trích: *cá trích, má, sòng.* Lưới sưa: *cá thu, thu tù hủ, trắm, cá xác, măng, lẫm, thiêu (hủ), môm, chang vàng, bẹ, lỗ, nhám.* Lưới chuồn: *cá chuồn, cá dôi, nhói, lười liềm.* Lưới ghe: *ghe, cá chim, cá chai, cá lười trâu, mực, tôm...* Lưới thanh ba đánh *cá liệt, cá trích, cá ngán, tôm, cua, mực ghe nhỏ...*

Trong quá trình lao động, những người hành nghề cũng có nhiều kiêng cử. Trong khi đánh bắt không được làm rớt dụng cụ hành nghề xuống biển vì như vậy là động Bà Thủy. Nếu lỡ làm rớt xuống biển thì phải làm hình thế, sắm lễ vật cúng Bà Thủy, cầu mong tạ lỗi và thả hình thế xuống biển. Ngày xưa, nghề lưới sưa cúng vạn vào ngày 16/11 âm lịch tại miếu có vị trí tại Nhà ông Hưng - Lệ hiện nay. Ngoài ra tất cả các hộ làm nghề lưới đều phải tham gia cúng cầu ngư vào ngày 4/4 âm lịch. Ngoài ra, vào đầu năm cúng xuất hành, có cúng tại bến, rồi mở ghe, đi qua các miếu Hòn Dài cúng, cúng ở nơi đánh bắt.

Hiện nay, theo thống kê của Ủy ban Nhân dân xã Tân Hiệp, nghề lưới hiện có 70 nhân công làm nghề trong đó có nghề lưới chuồn có 1 hộ, nghề lưới rùng có 2 hộ, nghề lưới sưa có 2 hộ, nghề lưới 2 có 8 hộ, còn lại là lưới trích, lưới ghe, lưới thanh ba.

Nhiều ngư dân cho rằng số ngư dân nghề lưới ở Cù Lao Chàm hiện nay so với cách đây 20, 30 năm có nhiều giảm sút. Nguyên nhân chủ yếu là:

+ Do dịch vụ hậu cần nghề cá ở Cù Lao Chàm chưa đảm bảo khiến việc đầu tư tăng cao, do sự khai thác (người đánh bắt cá xa bờ muốn ra khơi phải vào Hội An mua xăng dầu, mua đá ướp cá, bổ sung các ngư lưới cụ khác vì ở Cù Lao Chàm chưa có điểm dịch vụ qui mô, vì vậy chi phí đầu tư tăng cao);

+ Sự đánh bắt triệt để của các phương tiện đánh bắt hiện đại ở ngoài khơi (tàu giả cào, giả rút, mànhe cơm... đánh bắt bằng các phương tiện tầm ngư, định vị tận thu các sinh vật còn rất nhỏ) làm giảm nguồn cá trong vùng biển gần bờ.

+ Việc đầu tư kinh phí phục vụ đánh bắt gặp nhiều khó khăn mặc dù đã có sự hỗ trợ cho vay vốn của các chương trình khuyến ngư, của ngân hàng.

+ Nguồn nhân lực nghề lưới giảm sút một phần do hiện nay du lịch ở Cù Lao Chàm đang phát triển mạnh đã thu hút nhân công trong ngành ngư nghiệp với thu nhập cao hơn, điều kiện sống an toàn hơn.

+ Ngoài ra chúng tôi cũng thấy rằng tâm lý ngại vươn lên đánh bắt xa bờ của ngư dân vì tính may rủi trong hoạt động đánh bắt, trong đầu tư chi phí và thu nhập cũng như việc khó khăn trong kêu gọi nhân công (bạn nghề)♣

BÁNH BÈO CẨM KIM

Lê Thị Ngọc Hương

Cẩm Kim là vùng đất nằm ở hạ lưu sông Thu Bồn, xung quanh sông nước bao bọc, cách trung tâm thành phố Hội An 1,5km về phía Nam, phía Bắc giáp với phường Minh An, Cẩm Phô, phía Đông giáp với phường Cẩm Nam, phía Tây và Nam giáp với Duy Vinh, Duy Xuyên, xã Điện Phương huyện Điện Bàn. Có thể nói xã Cẩm Kim như một “ốc đảo” của Thành phố được bao bọc bởi nhánh sông Thu Bồn tạo nên khung cảnh hữu tình, lãng mạn nên thơ của một vùng quê đường như chưa bị quá trình đô thị hóa “tấn công”. Cẩm Kim giờ đây không chỉ nổi tiếng với nghề mộc mang tên “Kim Bông” mà còn nổi tiếng với khung cảnh hữu tình của làng quê êm ả, bình dị, dần dần trở thành điểm lựa chọn của du khách thích khám phá làng quê du lịch sinh thái. Sự mộc mạc, dung dị của vùng đất, con người nơi đây dường như đã khắc sâu trong lòng của những ai một lần đến đây, điều đó được thể hiện trong đời sống hằng ngày của người dân, từ cách sống, cách ăn, ở... ẩn chứa trong đó một sự giản dị lạ thường. Người ta vẫn sống chậm rãi với công việc thường nhật của mình không xô bồ, tất bật như nơi phố thị, sự dung dị đó còn thể hiện ngay cả trong ẩm thực của người dân nơi đây với những món ăn đơn giản như bắp rang trộn với canh hến, khoai chà, đậu

bắp, xôi, mỳ quảng, bánh xèo, bánh gói, bánh tét,... Mỗi món ăn họ có cách chế biến riêng của mình. Khi nhắc đến ẩm thực nơi đây, không thể bỏ qua món bánh bèo thơm ngon đặc biệt.

Bánh bèo là một món bánh rất thịnh hành ở miền Trung, ngoài ra cũng có nhiều ở miền Nam. Tại miền Trung, bánh bèo thường được phân làm hai loại là bánh bèo Quảng Nam và bánh bèo Huế. Bánh bèo Quảng Nam thường to, dày, ăn với nhưn gồm có thịt, tôm băm, khi ăn bỏ thêm ít hành phi, ớt băm. Bánh bèo Huế có khác chút ít, bánh mỏng hơn, có bột tôm sấy, khi ăn kèm theo da heo chiên giòn. Bánh bèo miền Trung đa phần đúc bằng chén (*bánh bèo chén*). Sang tới miền Nam thì bánh bèo có nhiều kiểu cách khác nhau, nhưng thường là ăn chung với nhiều loại bánh và gia vị khác.

Bánh bèo Cẩm Kim - Hội An nằm trong đặc tính chung của bánh bèo Quảng Nam, nhưng chắc hẳn mỗi vùng cũng sẽ có những hương vị và cách chế biến riêng làm nên tính riêng biệt trong văn hóa ẩm thực vùng miền.

Để có món bánh bèo thơm ngon, đòi hỏi người làm cần nắm rõ cách thức chế biến, bên cạnh đó là kinh nghiệm trong việc lựa chọn nguyên

liệu để cho ra những chén bánh đạt yêu cầu. Nguyên liệu chính để làm bánh bèo là gạo. Theo một số người chuyên làm bánh bèo cho biết, loại gạo làm bánh bèo có độ mềm vừa phải không dẻo làm bánh mới ngon, khi nấu bánh mới xoáy ở giữa (*lõm xuống chỗ tâm bánh*). Gạo phải được vo sạch cám, đổ nước vào ngâm (*nếu sáng ngày xay thì tối phải ngâm gạo*), gạo được ngâm lâu chén bánh mới dẻo ngon, có độ dai dai khi ăn. Sau đó xay gạo có pha thêm nước tạo thành dung dịch nước bột gạo, khi xưa người ta xay gạo bằng cối đá, xay đi xay lại 3 lần bột mới mịn, chén bánh khi hấp đạt độ bóng mượt, nhưng ngày nay có máy xay nên công đoạn này nhanh hơn không tốn quá nhiều thời gian. Công đoạn không kém phần quan trọng đó là công đoạn “*lấy trùng*” để chuẩn bị đồ bánh. “*Lấy trùng*” là cách pha thêm nước vào dung dịch nước bột gạo để dung dịch này đạt yêu cầu là sẽ tạo ra những chén bánh ngon khi hấp. “*Lấy trùng*” sao cho đúng, đạt yêu cầu là một kinh nghiệm quan trọng trong quá trình chế biến. Nếu lỏng quá hoặc đặc quá thì bánh sẽ không xoáy, mặt bánh nổi nước hoặc bị nhão. Để “*lấy trùng*” cho đúng trước khi pha bột người ta để riêng một ít bột đặc, sau đó pha bột, dùng vá múc bột lên đồ xuống nhìn bột hơi dính dính là có thể đổ bánh được. Công đoạn hấp bánh cũng lại là một kinh nghiệm, bởi việc quyết định bánh ngon hay dở là công đoạn này. Trước khi hấp bánh phải bắt nồi nước lên bếp củi (*xưa người ta hay dùng củi để hấp bánh, hiện nay ít dùng củi mà dùng than tổ ong, hoặc là vỏ trấu để hấp nên chén bánh ít xoáy, ít ngon*), dùng 2 cây gỗ đặt chéo trong đáy nồi, đặt vỉ

đan bằng tre lên trên, nấu đến khi nước sôi, sắp chén bánh vào, dùng vá múc bột đổ vào trong chén, nhiều hay ít tùy thuộc vào người đổ bánh (*trước đây có một vài người dùng loại chén to như chén ăn cơm để đổ bánh, nhưng đa phần vẫn dùng loại chén nhỏ dành riêng cho bánh bèo, ngày xưa đổ chén bánh dày hơn bây giờ*). Để kiểm tra bánh đạt yêu cầu hay không phải chờ bánh đầu tiên trong vòng 5 phút dỡ nắp kiểm tra nếu bánh xoáy, bóng mượt thì tiếp tục để 1 vỉ tre khác lên trên, sắp chén đồ bột vào, mỗi lớp bánh cách nhau 5 phút, nếu khi dỡ nắp ra mặt bánh không xoáy thì cho thêm phần bột còn lại vào còn nếu bánh cứng thì phải pha thêm nước khi đổ bánh mới đạt độ chuẩn. Tùy theo nồi hấp bánh to hay nhỏ mà người ta đặt 3 hay 5 lớp bánh chồng lên nhau để hấp, thời gian hấp bánh cũng khác nhau, nếu nồi bánh hấp được 3 lớp thì khoảng 15 phút là bánh chín. Bánh đạt độ chín ngon là khi dỡ nắp ra thấy bánh phồng lên là đạt yêu cầu, vớt bánh ra để nguội có thể dùng được. Bánh ngon là bánh phải xoáy, mặt bánh mượt, khi ăn bánh mềm có độ dai dai. Không biết vì lý do gì nhưng theo kinh nghiệm những người làm bánh lâu năm cho biết, bánh ở lớp trên chín trước và bao giờ ăn cũng ngon hơn lớp dưới.

Không kém phần quan trọng món bánh này phải kể đến là nhun bánh. Nhun bánh được làm từ tôm, thịt và một ít bột gạo nhưng để làm nhun ngon đòi hỏi người làm có bí quyết riêng của mình. Vùng đất Cẩm Kim được bao bọc bởi nhánh sông Thu Bồn thích hợp với nhiều loại hải sản sinh

sống, nên việc chọn mua loại tôm tươi sống trong nguyên liệu làm nhun không quá khó khăn. Tôm đất tươi sống là lựa chọn hàng đầu, bởi theo kinh nghiệm tôm này tuy nhỏ nhưng thịt ngon, ngọt và thơm hơn các loại tôm khác. Thịt làm nhun phải là loại thịt heo ba chỉ, thịt cắt hạt lựu, tôm phải được băm nhuyễn ướp gia vị và không quên cho 1 ít đường bát. Trước khi nấu nhun phải khử dầu phộng (*phụng*) bằng hành, nén cho thơm, múc một chén dầu đã phi hành ra để riêng. Sau đó đổ tôm thịt đã ướp vào khay đều cho 1 ít nước sôi, tiếp đó cho một ít bột gạo vào để nhun có độ sền sệt là được, bỏ hành lá đã cắt nhỏ vào trộn đều. Nhun chín đổ ra thau cho phần dầu còn lại lên mặt trên lớp nhun, cho một ít tiêu để nhun được thơm ngon.

Bánh bèo ăn kèm với nước mắm ớt tươi, trước đây nước mắm ăn bánh bèo là nước mắm mặn không pha mà chỉ cho ớt tươi và tỏi. Hiện nay người ta dùng nước mắm cho thêm ít đường để tạo độ ngọt, pha thêm ít chanh, ớt, tỏi. Bánh bèo khi ăn cũng có cách ăn riêng, bánh được chan ít nhun lên trên, có một số nơi cho thêm ram chiên giòn (*làm từ sợi mì, cao lầu đã được phơi khô chiên với dầu nóng*), đậu phộng giã nhuyễn, một ít nước mắm ớt tươi. Dụng cụ để ăn bánh bèo không phải là đũa, cũng không phải muỗng mà là một thanh tre vót hình lưỡi dao, gọi là “*giáo*”, đây cũng là một trong những lối ẩm thực khác biệt giữa bánh bèo với các loại bánh được chế biến bằng gạo. Dùng “*giáo tre*” xắn từng đường hình dấu cộng, lấy que cắm từng miếng bánh cho vào miệng, sự hòa

quyện của miếng bánh mềm, dai với vị thơm, béo của nhun tôm, thịt; vị cay cay của mắm ớt tất cả làm nên hương vị thơm ngon trong từng miếng bánh, tạo cảm giác nao lòng cho người thưởng thức.

Bánh bèo Cẩm Kim thường bán vào buổi sáng sớm cho những người làm nông, học sinh... Ở Cẩm Kim hiện nay có khoảng 3 đến 4 hộ làm nghề bán bánh bèo. Một số người hiện nay đã nghỉ bán do tuổi đã lớn, nhưng khi hỏi đến món bánh bèo Cẩm Kim ai chế biến ngon và có tiếng nhất thì dường như những cái tên như bà Nguyễn Thị Khuê (*tên thường gọi là bà Thị*) - Thôn Phước Thắng, hay bà Nguyễn Thị Uyên (*tên thường gọi là bà Hành*) - Thôn Trung Hà vẫn được nhắc đến. Hiện nay các con của bà vẫn còn duy trì nghề làm và bán bánh, có người bán bên phố Hội An, có người bán tại địa phương. Với đôi giồng gánh làm bằng mây, 2 cái thúng (*mủng*), đặt trên là 2 cái trệt, 1 thúng để bánh bèo, 1 thúng để nôi nhun,... rong ruổi khắp các ngã đường làng để bán bánh. Có thể nói, một nét hồn quê vẫn còn được gìn giữ cho đến ngày nay.

Bánh bèo Cẩm Kim - Hội An là một món ăn dân dã khác với loại bánh bèo mang tính cung đình của Huế hay các vùng miền khác. Nó vừa ngon, vừa rẻ, lại gần gũi với người dân, chính vì thế, món bánh này luôn chiếm được sự ưa thích của đông đảo người ăn. Bánh bèo đã thực sự trở thành món ăn truyền thống, dung dị của người dân Cẩm Kim từ rất lâu ♣

LƯỜNG PHẢNH

Nguyễn Thị Tình

Có lẽ từ lâu, ẩm thực đường phố đã trở thành một nét không thể thiếu của người dân phố Hội. Sáng thì có quà sáng nào phở, nào xôi, nào bún; chiều có quà chiều nào bánh giò, bánh cuốn, bánh căn... Và sau những hành trình tham quan các di tích, chụp những tấm ảnh kỉ niệm hay lang thang dạo xem những món quà lưu niệm nhỏ nhắn, du khách có thể dừng chân nghỉ ngơi và có dịp thưởng thức những món quà vật giản dị, rẻ tiền mà mát lạnh như chè đậu xanh, đậu đen, xí mại, lường phảnh...

Nói đến “lường phảnh”, không đơn giản chỉ là sự cảm nhận ở hương vị của món ăn ngon hay không mà điều quan trọng hơn hết là sự cảm nhận ở tâm hồn của người chế biến nên món ăn này. Để có được chén lường phảnh đen lóng lánh, vừa đủ độ mềm, vừa đủ độ dai không phải là điều đơn giản. Đó là cả một quá trình đúc kết kinh nghiệm mà cho đến ngày nay người dân Hội An vẫn còn gìn giữ, duy trì như một nét văn hóa truyền thống qua bao đời đó là “nghề làm lường phảnh”. Và đến bây giờ, người có thể cho là duy nhất vẫn còn lưu giữ nét tinh hoa của nghề làm lường phảnh chính là cụ bà Đặng Thị Cúc và con trai đang nổi nghiệp là anh Lê Ngọc Tâm ở tại nhà số 37 Lê Quý Đôn

phường Cẩm Phô thành phố Hội An. Theo lời kể của cụ bà thì nghề làm lường phảnh đã gắn bó với gia đình qua 4 thế hệ (khoảng hơn 60 năm), từ thời bà ngoại, mẹ, bà và con trai hiện tại đang nổi nghiệp. Với gia đình bà, đây không chỉ là cái nghề để kiếm sống mà đây còn là nét truyền thống quý báu mà con cháu trong gia đình phải luôn luôn tôn trọng và gìn giữ.

Từ lời kể của cụ bà và một số tư liệu sách xưa thì có thể khẳng định nguồn gốc của nghề làm Lường phảnh có xuất xứ từ Trung Hoa. Chính vì thế, ngoài tên gọi là “lường phảnh” (có người gọi chệch đi thành đường phảnh) là cách gọi địa phương của món ăn, thì đối với người Hoa món ăn này còn được gọi là Lương Phấn. Lương có nghĩa là mát, lạnh; Phấn là bột. Đó là loại bột mát lạnh và bổ dưỡng.

Nguyên liệu chính làm nên món ăn này là cây lường phảnh (người trong nghề hay gọi là cỏ), một loại cây giống rau dền khô. Cây lường phảnh được trồng trên khoảng đất rộng, với số lượng khá lớn, giống như lúa, kể từ khi gieo trồng được vài tháng cây già đi, người ta nhổ và phơi khô, bó lại thành từng bó to hay nhỏ tùy theo yêu cầu của người mua. Trước đây, cây lường phảnh chỉ có mặt và được trồng

tại Trung Quốc, vì vậy những người theo nghề làm lường phảnh luôn gặp khó khăn về giá cả cũng như số lượng của nguồn nguyên liệu do phải vận chuyển đường xa. Nhưng hiện nay cây lường phảnh đã được gieo trồng ở những vùng đồi núi cao phía Bắc như Cao Bằng, Lạng Sơn bởi đây là những vùng đất được cho là thích hợp nhất đối với sự phát triển của loài cây này. Và cho đến hiện tại thì Hà Nội chính là nơi cung cấp nguồn nguyên liệu chính cho những người chế biến lường phảnh trên khắp cả nước. Ngày nay, với công nghệ sấy ép, đóng gói hiện đại thì việc bảo quản nguồn nguyên liệu cũng không còn thô sơ và khó khăn như trước đây, giúp cho những người làm nghề yên tâm hơn trong việc nhập và bảo quản nguyên liệu.

Muốn cho ra đời một món lường phảnh ngon, để lại ấn tượng trong lòng người ăn đòi hỏi người nấu phải khéo léo, tỉ mỉ trong từng khâu chế biến. Đầu tiên, cây lường phảnh được ngâm nước, rửa thật sạch cho vào nồi hầm. Lúc hầm, canh lửa sao cho vừa phải để lường phảnh không quá chín, ảnh hưởng đến độ cứng và dai của chén lường phảnh, thời gian hầm khoảng 6 tiếng. Sau đó có thể cho thêm các vị thuốc bắc như đương quy, thực địa để tăng thêm hương vị. Sau cùng, cho nước tro đã lọc vào nồi với tỷ lệ vừa phải. Nếu không quen tay, cho nước tro nhiều hay ít quá sẽ ảnh hưởng đến chất lượng của mẻ lường phảnh. Khi lường phảnh chín tới ta đổ qua rổ lọc lấy nước, bỏ xác. Sau đó, đánh đều

một ít bột năng vào lượng nước lường phảnh đã lọc. Cuối cùng, chắt nước lường phảnh vào từng thau nhỏ. Độ vài giờ sau, nước ấy đông đặc lại thành khối và có màu đen lóng lánh.

Bên cạnh những khối lường phảnh vuông vắn, đen lánh thì phần nước đường ăn kèm với lường phảnh cũng là yếu tố khá quan trọng góp phần tạo nên chén lường phảnh thơm ngon và đậm đà hương vị. Với người dân phố Hội, đường bát xứ Quảng là sự lựa chọn duy nhất để tạo nên bát nước đường đặc trưng nhất. Khi nấu, đường bát được chắt nhỏ cho vào nồi nước sôi, giữ lửa nhỏ vừa phải, nấu thẳng lại sao cho có độ keo, ngọt lịm nhưng không bị khét. Đường thẳng tới vừa dẻo người ta vắt vào một ít chanh, thêm một ít gừng giã nhuyễn cho có vị cay cay, thơm thơm. Khi ăn, cắt lường phảnh thành những miếng nhỏ, hình vuông rồi chế nước đường vào. Tùy theo sở thích, người ta còn cho thêm vào một ít hạt é. Món ăn là sự kết hợp giữa vị riêng của lường phảnh vừa mềm vừa dai, hương thơm thoảng thoảng của thuốc bắc, ấm nóng của gừng già hòa trong vị ngọt của đường, cảm giác hoà quyện tuyệt vời.

Qua bao thăng trầm, thời gian thì cách thưởng thức cũng như sự cảm nhận về ẩm thực của người dân phố Hội cũng dần khác đi. Trước đây, lường phảnh là một món ăn đặc trưng và có tên gọi riêng cho mình, chén lường phảnh chỉ bao gồm những khối lường phảnh sừng sực, nhỏ vuông cùng vị ngọt ngọt, cay cay của muống

nước đường ăn cùng. Nhưng ngày nay, theo cách phổ biến thì lường phảnh không còn chất riêng ấy nữa mà thay vào đó là sự kết hợp cùng những nguyên liệu khác để tạo nên những món ăn đa dạng hơn về hương vị cũng như màu sắc. Đó là sự kết hợp với xoa xoa, với sương sâm hay chè đậu ván. Lường phảnh, xoa xoa có điểm giống nhau về cách bán cũng như cách thưởng thức, nhưng hương vị của lường phảnh có điểm độc đáo riêng. Lường phảnh không quá mềm như xoa xoa mà có độ cứng dai vừa phải. Cộng vào đó là màu đen lóng lánh rất đặc trưng và mùi hăng hắc của lường phảnh hòa cùng mùi một số vị thuốc Bắc mà ai đã một lần dùng qua lường phảnh sẽ có ấn tượng sâu sắc, khó quên. Sự kết hợp này khá dễ dàng, lại tăng thêm sức hấp dẫn khi thưởng thức nên du khách thập phương yêu thích hơn so với món lường phảnh đặc trưng trước đây.

Tuy nhiên, đối với người dân địa phương nơi phố Hội thì chén lường phảnh đậm chất, đặc trưng ấy vẫn mang một ý nghĩa riêng, một nét truyền thống riêng, vì vậy, nhiều người địa phương vẫn thích thưởng thức một chén lường phảnh đúng nghĩa với tên gọi của nó - chỉ duy nhất “lường phảnh”.

Lường phảnh không chỉ là món ăn ngon, độc đáo mà còn có tác dụng như một bài thuốc bổ, bởi bản thân các nguyên liệu dùng để nấu đều mang vị thuốc, có tác dụng bổ thận, giảm đau lưng, giải nhiệt cơ thể... Vì vậy, đây là

món ăn khá được yêu thích vào những ngày hè nắng nóng. Hiện nay, không chỉ có mặt trong phố cổ Hội An, lường phảnh còn có mặt trên cả khu vực Quảng Nam như Tam Kỳ, Đại Lộc, Điện Bàn... và còn có mặt ở cả thành phố Đà Nẵng. Tất cả đều do người Hội An nấu và phân phối như một món đặc sản của người phố Hội. Địa điểm phân phối lớn và có thể cho là duy nhất hiện nay tại Hội An chính là nhà cụ bà Đặng Thị Cúc hay con trai là anh Lê Ngọc Tâm ở tại nhà số 37 Lê Quý Đôn, phường Cẩm Phô, thành phố Hội An.

Nghề làm lường phảnh cũng giống như bao nghề khác, đều phụ thuộc vào thời tiết. Là món ăn giải khát ngày hè nên trong một năm khoảng thời gian lường phảnh được bán nhiều nhất là từ tháng 2 đến tháng 6, bắt đầu từ tháng 7 trở đi - thời tiết bắt đầu chuyển sang thu, không khí lạnh dần nên món lường phảnh cũng ít được thực khách thưởng thức. Vì vậy, người ta thường gọi nghề làm lường phảnh là nghề nửa năm.

Lường phảnh là một trong những món ăn khá quen thuộc với người dân Hội An. Vì vậy, nếu bạn có dịp về Hội An, lang thang nơi phố cổ, bạn sẽ dễ dàng tìm thấy những gánh hàng rong bán lường phảnh. Bạn đừng bỏ qua cơ hội tuyệt vời này nhé, hãy thưởng thức món lường phảnh thơm ngon ngay giữa lòng phố Hội sông Hoài để cảm nhận những hương vị đặc biệt của nó, để khi xa rồi lại vấn vương, lại nhớ nhung và mong sớm có một ngày được quay trở lại♣

TRÀ “MÓT” Ở HỘI AN

Trang Thi

*Cho tôi xin một ly trà đá
Góc phố nơi tôi hay về qua
Cho tôi quên tạm những vội vã
Nghe anh em chuyện đời vui
buồn...
Nhấp trên môi ly trà tôi thấy tôi
không nhỏ nhen và bon chen
Sát nhau lại sao bình yên những
phút nghĩ bình minh
...Và thấy bao điều ta dường
như đã quên ôi chuyện xưa, chuyện
hôm nay
Vẫn những khi ta cùng ngồi
uống...*

(Đinh Mạnh Ninh)

Uống trà là một nét văn hóa lâu đời trong phong tục của người Việt nói chung và của người dân Hội An nói riêng. Uống trà tạo nên một thú vui thanh tao làm cho người thưởng thức có cảm giác hương nội để thanh tâm, tĩnh trí,

hương ngoại để tri âm, tri kỷ.

Nói đến “trà” thì có rất nhiều loại: trà sen, trà móc cau, trà gừng... Uống trà không những giúp chúng ta giải nhiệt, ngăn ngừa các bệnh tim mạch, huyết áp cao... mà còn giúp chúng ta giảm stress và cân bằng cuộc sống. Giữa cái nắng oi bức và thời tiết khô hanh của mùa hè làm cho cơ thể con người trở nên mệt mỏi, uể oải, chỉ muốn bù đắp thật nhiều nước. Lấy cảm nhận từ bản thân, anh “Mót” đã nghĩ ngay ra một loại thức uống giải khát, thanh nhiệt và đem lại sức khỏe tốt cho mọi người mà chỉ riêng ở Hội An mới có, đó là trà “Mót”.

Khi đặt chân đến với phố cổ Hội An du khách cảm thấy vui thích với không gian yên tĩnh cùng với vẻ đẹp lung linh, huyền ảo quyện mùi hương



trầm phố cổ. Đặc biệt khi đến đây du khách lại được thưởng thức thêm một loại thức uống bổ dưỡng mà không nơi nào có được. Đó là trà “Mót”, một loại nước uống thảo mộc - sả chanh. Loại trà này đã đem lại cho người Hội An cũng như du khách đến tham quan thêm một cảm giác mới. Thưởng thức nó mọi người sẽ có cảm giác yên tâm bởi sự thanh khiết, trong trẻo, không phẩm màu hay bất cứ loại phụ gia nào.

Trà “Mót” được chế biến từ các loại thảo mộc: táo đen, gừng, quế, lá dứa, búp sen non và đặc biệt hai thứ không thể thiếu là sả và lá chanh. Cách chế biến loại thức uống này cũng rất đơn giản: đun nước sôi cùng với các loại thảo mộc sả, lá chanh, trà xanh đến khi sôi thì bỏ thêm ít đường phèn vào và đun cho đến khi tan hết đường, khoảng 30 phút sau nếm độ ngọt vừa phải là có thể cho ra ly và dùng ngay. Cách chế biến tưởng chừng như đơn giản nhưng để làm nên 1 loại thức uống ngon và tốt cho sức khỏe như vậy thì cũng cần có sự khéo léo trong

khâu chế biến từ chuẩn bị nguyên liệu cho đến cách chế biến, nên bỏ loại thảo mộc nào vào trước, loại nào vào sau tất cả là bí quyết của “chủ nhân”.

Trong khu phố cổ Hội An, mọi người có thể thưởng thức trà “Mót” tại một hàng quán nhỏ trước nhà số 150 Trần Phú. Quán hàng chỉ có 1 bảng hiệu nhỏ được kẹp bằng 2 cái móc bấm, 1 đèn dầu, 2 cái bàn nhỏ với 1 cái ghế xĩa thảo mộc, 1 cái ghế nồi nước thảo mộc vừa mới pha chế, bên cạnh trang trí 1 bình hoa sen trông rất bắt mắt. Cách trang trí cho ly nước thảo mộc cũng rất đơn giản nhưng toát lên được 1 cái nhìn thẩm mỹ. Cho 1 ít đá vào ly, mức khoảng 2 vá nước thảo mộc cho vào ly, bên trên trang trí bằng 1 trái táo đen, 1 lá trà xanh và lá sen trông rất hấp dẫn. Chủ quán hàng là anh “Mót”, một biệt danh mà khách hàng mến mộ đã đặt cho.

Khi thưởng thức trà “Mót” sẽ cảm nhận thấy sự tươi khỏe tràn đầy sức sống bởi mùi thơm dịu của các loại

thảo mộc, thanh ngọt của đường phèn.

Trong những đêm hè oi bức hay sau hành trình tham quan phố cổ về đêm, còn gì tuyệt vời hơn khi thưởng thức ly trà “Mót” thảo mộc dưới ánh đèn lồng lung linh huyền ảo của phố cổ - một nét đẹp chỉ riêng có ở Hội An♣



NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG KHOA HỌC TRONG TU BỔ DI TÍCH Ở HỘI AN - NHÌN TỪ GIẢI PHÁP TỔ CHỨC CÔNG TRƯỜNG THI CÔNG

Phan Văn Quang

Trong công tác tu bổ di tích, chất lượng khoa học luôn là yếu tố được xem trọng hàng đầu. Điều này cần được xem xét trong cả quá trình thực hiện một dự án, từ bước điều tra thu thập thông tin ban đầu, khảo sát đánh giá hiện trạng, lập hồ sơ thiết kế, tổ chức triển khai thi công cho đến khi hoàn thành một công trình tu bổ. Chất lượng khoa học ở mỗi giai đoạn triển khai đều có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với sự thành công của một dự án tu bổ di tích, trong đó, giai đoạn triển khai thi công luôn có ý nghĩa quyết định. Bởi đó chính là quá trình chuyển hóa các kết quả khảo sát, nghiên cứu

khoa học trước đó vào thực tế, cũng như kiểm chứng, điều chỉnh nó để tạo ra sản phẩm cuối cùng (công trình tu bổ) đạt chất lượng khoa học cao nhất có thể.

Chất lượng khoa học trong thi công tu bổ di tích được phản ánh qua sản phẩm cuối cùng (công trình tu bổ) liên quan đến nhiều yếu tố như: tính chân xác; yếu tố nguyên gốc; hồ sơ khoa học;... Theo đó, để đạt được chất lượng khoa học cao nhất, bên cạnh những điều kiện tiên quyết như: nguồn vật liệu; trình độ kỹ thuật, tay nghề của những người thợ, bậc nghệ nhân; năng lực quản lý, nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ trực tiếp tham gia quá trình tu bổ; nguồn lực tài chính,... thì việc tổ chức công trường thi công một cách bài bản, khoa học, đảm bảo đáp ứng các điều kiện cần thiết để phục vụ công tác thi công, bảo quản, khảo sát, nghiên cứu,... trong suốt quá trình triển khai cũng có ý nghĩa hết sức quan trọng.

Tổ chức công trường thi công tu bổ di



tích đang nói ở đây là các điều kiện về mặt bằng, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và phương án tổ chức triển khai. Nó có thể bao gồm nhà bao che công trình di tích, kết hợp tạo sân công tác phục vụ công việc tháo dỡ, lắp dựng; khu vực lưu giữ và bảo quản cấu kiện, bộ phận di tích sau khi hạ giải; khu vực gia công chế tác, gia cố cấu kiện thay thế, tận dụng; khu vực tập kết vật liệu, phế thải; khu vực trang bị phục vụ công tác quản lý, giám sát, nghiên cứu khoa học;... Chúng cần được tính toán thiết kế bố trí một cách phù hợp và đủ rộng để đáp ứng chu cầu che nắng mưa bảo quản di tích, cấu kiện, cũng như thuận tiện cho việc thao tác gia công, vận chuyển, sắp xếp và khảo sát đo vẽ, chụp ảnh, nghiên cứu cấu kiện, bộ phận di tích,...

Tại một số nước trên thế giới, thậm chí công trường thi công còn rộng hơn gấp nhiều lần so với di tích cần tu bổ, có khi còn được tổ chức khép kín trong giới hạn nhà bao che công trình. Theo đó, nhà bao che được lắp ráp bằng khung thép rất kiên cố bao quanh di tích, các dàn thép được tiếp tục liên kết để mở rộng ra xung quanh với khoảng cách khá lớn, toàn bộ được phủ mái kín để che mưa nắng. Trên khung thép nhà bao che, sàn công tác được thiết lập nhiều tầng, tạo thành một mặt bằng rộng rãi phục vụ rất nhiều chức năng trong suốt quá trình thi công. Từ công tác hạ giải, vận chuyển, tập kết và bảo quản cấu kiện theo từng bộ phận, công tác gia công chế tác, gia cố cấu kiện tại chỗ đến công tác khảo sát nghiên cứu, đo vẽ cấu kiện,...

Dĩ nhiên, để tổ chức được công trường như vậy thì điều quan trọng đầu tiên là di tích được tu bổ phải có không gian trống xung quanh đủ rộng (*đảm bảo có thể tổ chức công trường thi công theo kiểu khép kín hoặc phân tán*). Trong khi đó đối với di tích tại Hội An, đặc biệt là di tích nằm trong khu vực phố cổ, các công trình nằm liền kề nhau và trong một điều kiện không gian hết sức chật hẹp, chận chội còn không thể dựng được nhà bao che cho bản thân di tích, chứ chưa nói đến việc có thể bố trí các khu vực chức năng phục vụ thi công tu bổ khác. Thực tế công tác chuẩn bị điều kiện công trường thi công tu bổ di tích ở Hội An hiện nay đang là vấn đề bất cập, rất cần được quan tâm. Tất cả các di tích được tu bổ, cả trong và ngoài khu phố cổ đều không có nhà bao che công trình, chịu ảnh hưởng trực tiếp rất lớn của thời tiết nắng mưa. Do mặt bằng chật hẹp nên công trường luôn trong tình trạng ngốn ngang tại những thời điểm như hạ giải, lắp dựng. Điều kiện bảo quản cấu kiện gỗ hạ giải, về mặt bằng và phương tiện là rất hạn chế, kể cả cấu kiện nguyên trạng được tận dụng để lắp dựng lại. Mặt bằng chật hẹp, việc sắp xếp cấu kiện hạ giải thiếu bài bản cũng hạn chế rất nhiều đến công tác khảo sát, nghiên cứu, đo vẽ, xác định dấu vết di tích, cấu kiện,... Ngoài ra, nó còn gây ảnh hưởng đến các yếu tố khác như an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, tiến độ thực hiện,...

Có thể nhận thấy những ảnh hưởng của việc tổ chức không tốt công trường thi công đến chất lượng khoa học tu bổ di tích như:

- Di tích, cầu kiện nguyên trạng, đặc biệt là các yếu tố nguyên gốc không được bảo quản tốt do chịu nắng mưa, độ ẩm, sự va chạm gây gãy vỡ, mất mát,... dẫn đến góp thêm phần làm suy giảm giá trị, cũng như tính bền vững của di tích sau khi tu bổ.



- Gây vướng víu, xáo trộn cho hoạt động thao tác trong quá trình vận chuyển, chế tác, khó khăn trong việc cất, lấy cầu kiện cũng như hoạt động khảo sát nghiên cứu chúng,... ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng lập hồ sơ tư liệu khoa học tu bổ di tích cũng như tiến độ, chất lượng kỹ thuật và an toàn lao động của công trình.

- Mặt khác, một công trình tu bổ di tích được triển khai một cách kém bài bản, thiếu khoa học cũng có ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý và tâm thế của những người tham gia thực hiện.

Từ những phân tích như đã nêu, cho thấy việc tổ chức công trường thi công thực sự có ý nghĩa đối với một công trình tu bổ di tích và rất cần được quan tâm khắc phục đối với những hạn chế trong tu bổ di tích ở Hội An hiện nay. Để làm được điều đó, trong điều kiện thực tế khó khăn về mặt bằng, không gian như tại Hội An, xét thấy cần phải đầu tư xây dựng các xưởng thi công dành riêng cho công tác tu bổ di tích. Khi đó, sau khi hạ giải (đánh dấu, ký hiệu vào hồ sơ), sẽ được tập

kết về xưởng thi công, có thiết kế vị trí và hình thức đặt để phù hợp theo từng nhóm cầu kiện có liên quan nhằm vừa bảo quản vừa thuận lợi cho việc khảo sát, đo vẽ nghiên cứu, vừa dễ dàng cho việc gia cố sửa chữa, chế tác phục hồi,... Về hình thức thực hiện, nhà nước có thể giao hoặc cho thuê đất tại một số nơi quy hoạch khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp,... với giá ưu đãi, doanh nghiệp đầu tư hạ tầng (hoặc nhà nước hỗ trợ một phần). Dĩ nhiên, việc lựa chọn doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực trên phải được cân nhắc và có sự lựa chọn phù hợp, liên quan đến năng lực, kinh nghiệm và phải sử dụng xưởng thi công đúng mục đích yêu cầu.

Mặc dù giải pháp đề xuất như đã nêu chưa phải đã là tối ưu, cũng không dễ triển khai vào thực tiễn, tuy nhiên, vì sự nghiệp bảo tồn lâu dài khu di sản thế giới, bằng quyết tâm của tất cả mọi người, thiết nghĩ nó cũng sẽ mang lại những hiệu quả nhất định - góp phần nâng cao chất lượng khoa học trong công tác tu bổ di tích ở Hội An ♣

VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG HOẠT ĐỘNG BẢO TÀNG

Lê Thị Tuấn

Trong những năm gần đây, hầu hết các bảo tàng ở nước ta có nhiều thay đổi, không còn trì trệ, thiếu năng động như trước. Chức năng bảo tàng không còn hiểu là nơi lưu giữ, trưng bày hiện vật mang tính lịch sử đơn thuần, mà Bảo tàng là thiết chế văn hóa có chức năng sưu tầm, nghiên cứu, bảo quản, trưng bày, giới thiệu di sản văn hóa, bằng chứng vật chất về thiên nhiên, con người và môi trường sống của con người nhằm phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập, tham quan và hưởng thụ văn hóa của công chúng. Trong xã hội ngày nay, nhu cầu hưởng thụ văn hóa của công chúng ngày càng cao và đa dạng, cán bộ bảo tàng không thể nắm hết kỹ năng, kiến thức để phục vụ công chúng một cách tốt nhất. Vì vậy, những công việc lớn lao mang tính khoa học, tính lịch sử, truyền thông một cách trọn vẹn cả bối cảnh, ý nghĩa và tầm quan trọng của hiện vật trong đời sống,... chỉ có thể làm tốt được khi chúng ta biết dựa vào cộng đồng.

I. Quan niệm về cộng đồng trong hoạt động bảo tàng

Hiện nay có rất nhiều khái niệm về cộng đồng như để chỉ những người có chung huyết thống dòng tộc, chung

khu vực sinh sống, chung về tộc người (*cộng đồng người Hoa, cộng đồng người Việt*), chung một tôn giáo, chung một nghề nghiệp - làng nghề (*cư dân Làng Gốm Thanh Hà, cư dân Làng Mộc Kim Bồng*),... Tuy nhiên, trong phạm vi bài viết này, chúng ta có thể hiểu: Cộng đồng trong hoạt động bảo tàng là những người dân sống tại địa phương cùng tham gia trong các hoạt động chuyên môn, trải nghiệm tại bảo tàng. Họ có trách nhiệm và được chia sẻ lợi ích từ các hoạt động này.

1.1. Cộng đồng dân cư trực tiếp tham gia trong hoạt động bảo tàng

Trong xã hội ngày nay, với sự phát triển siêu tốc của nền văn hóa nghe nhìn, trình độ thưởng thức nghệ thuật, văn hóa của quần chúng ngày càng cao. Vì vậy, để duy trì, phát triển, khẳng định vai trò của bảo tàng trong xã hội, các bảo tàng phải vận động phát triển đi lên, phong phú về hiện vật, sáng tạo trong nghệ thuật trưng bày, giới thiệu để gây ấn tượng cao trong công chúng khi đến với bảo tàng. Nên cần có sự tham gia của cộng đồng trong hoạt động của bảo tàng, như công tác sưu tầm, trưng bày, tuyên truyền giáo dục, trình diễn nghề truyền thống tại bảo tàng.

Công tác sưu tầm hiện vật, hiện nay các bảo tàng đang gặp khó khăn bởi quy luật phát triển của nền kinh tế thị trường, mọi thứ đều là hàng hóa. Cán bộ bảo tàng đã khó khăn trong việc tiếp cận hiện vật và muốn đưa được hiện vật gốc về bảo tàng lại phải qua nhiều thủ tục, nhiều thời gian. Vì vậy, sự tham gia của mạng lưới cộng đồng địa phương trong việc sưu tầm hiện vật hết sức quan trọng. Cộng đồng dễ dàng phát hiện ra hiện vật, tiếng nói của những người dân từng là đồng đội của nhau, từng là hàng xóm tối lửa tắt đèn có nhau, dễ đồng cảm, san sẻ mục đích, ý nghĩa của việc sưu tầm hiện vật. Nên cần có mạng lưới cộng tác viên là những người ở tổ dân phố, những người trong các tổ chức hội, đoàn tại địa phương... thì hiệu quả trong công tác sưu tầm sẽ cao hơn.

Đối với công tác trưng bày, theo cách truyền thống, trưng bày bảo tàng

là do sự chủ định của cán bộ chuyên môn bảo tàng thực hiện. Phương pháp này có ưu điểm là trưng bày được hệ thống, đảm bảo nguyên tắc bảo tàng học. Mỗi một hiện vật/sưu tập kèm với thông tin thường là tên hiện vật/chất liệu/kích thước, niên đại hay thời gian sử dụng/chủ nhân hiện vật,... với những thông tin này, chắc chắn nhiều khán giả hiểu về hiện vật một cách mơ hồ và có thể tư duy không chính xác về hiện vật. Vì vậy, cần có cộng đồng tham gia trong trưng bày bảo tàng, như tham gia "đồng giám tuyển", tham gia trong nghệ thuật sắp đặt hiện vật theo chủ đề trưng bày, nhất là lĩnh vực văn hóa dân gian. Sự tham gia của cộng đồng với những kinh nghiệm, tri thức dân gian của họ sẽ làm cho các chuyên đề trưng bày sinh động, gần gũi công chúng hơn, bởi chính cộng đồng là người hiểu rõ khán giả thật sự cần gì, muốn gì?



1.2. Cộng đồng dân cư gián tiếp tham gia hoạt động bảo tàng

Dẫu biết rằng trong trưng bày bảo tàng, nhận thức trực tiếp từ hiện vật gốc là quan trọng nhất. Nhưng với cách chú thích đơn giản thì khó đi vào lòng người. Vì thế, cần có những câu chuyện liên quan đến hiện vật, những hình ảnh của cộng đồng thể hiện trong trưng bày thì công chúng mới dễ cảm thụ giá trị thẩm mỹ, giá trị lịch sử, nghệ thuật và cả giá trị nhân văn trong văn hóa. Cộng đồng địa phương có thể kể những câu chuyện qua video hay tường thuật câu chuyện liên quan đến hiện vật trên giấy để minh họa, nhằm xây dựng và nâng cao nhận thức của họ về lịch sử và bản sắc. Khơi dậy niềm tự hào của họ, từ đó họ sẽ quay lại bảo vệ di sản tốt hơn. Ví như hiện vật Súng Carbin được Bác Hồ tặng thưởng cho quân và dân Hội An về trận đánh bắt sống Tỉnh trưởng Hồ Ngân. Khẩu súng được Bác tặng là phần thưởng cao quý, sẽ được nhiều người chú ý. Tuy nhiên, để gây cảm xúc đi vào lòng người, nên kèm theo mẫu chuyện về diễn biến trận đánh và hình ảnh của một nhân chứng lịch sử đã từng tham gia trong trận đánh bắt sống Tỉnh trưởng Hồ Ngân thì hiện vật này sẽ đi vào lòng người sâu hơn, tính giáo dục cao hơn.

1.3. Cộng đồng tham gia trong công tác tuyên truyền giáo dục

Công tác tuyên truyền giáo dục tại bảo tàng lâu nay vẫn do cán bộ bảo tàng thực hiện. Một cán bộ tuyên truyền giáo dục ở bảo tàng muốn thực hiện tốt phải có kiến thức và kỹ năng. Tuy nhiên, để hấp dẫn hơn, chúng ta

nên mời cộng đồng cùng tham gia tuyên truyền giáo dục theo chủ đề trưng bày. Như trưng bày chuyên đề về trang phục thì cộng đồng họ có tri thức địa phương gắn liền với thời gian sử dụng của trang phục nên dễ truyền cảm hứng cho du khách khi giới thiệu về bản sắc văn hóa của mình. Hay hoạt động giáo dục di sản trong học đường, bác cựu chiến binh kể về một chiến dịch, một trận đánh hay về một nhân vật lịch sử gắn liền với hiện vật trong bảo tàng cho học sinh nghe sẽ hấp dẫn, thu hút hơn là cán bộ bảo tàng thực hiện. Cộng đồng khi được tham gia những hoạt động này họ cũng thấy vui hơn, tự hào hơn bởi có thẩm quyền quyết định trong việc diễn giải sưu tập hiện vật đang được trưng bày, chứ không chỉ đơn thuần là đối tượng nghiên cứu thụ động. Bằng cách này, bảo tàng tạo dựng niềm tin ở công chúng và gắn kết xã hội bằng cách tôn vinh những di sản đã được chính những thành viên trong cộng đồng có liên quan công nhận. Từ đó không chỉ giúp xác định người nắm giữ di sản ấy mà còn thiết lập hệ thống tri thức liên quan giữa bảo tàng với cộng đồng, giữa cộng đồng với nhau và đặc biệt là giữa bảo tàng với công chúng.

1.4. Cộng đồng tham gia trong việc trình diễn nghề truyền thống tại bảo tàng

Ngày nay, du khách đến với bảo tàng không chỉ nghiên cứu thông tin trên những pano, chú thích hiện vật mà cần có những hoạt động để du khách trải nghiệm. Vậy bảo tàng phải kết nối với cộng đồng để đưa nghề nhân, thợ thủ công của các làng nghề truyền thống đến tổ chức hoạt động trải

nghiệm tại các bảo tàng. Chính những hoạt động trải nghiệm này sẽ giúp du khách có cơ hội hiểu biết thêm về văn hóa và lịch sử địa phương, du khách tham gia trải nghiệm, họ sẽ cảm thấy thú vị, hài lòng và có cơ hội du khách sẽ trở lại bảo tàng hay khuyến khích nhiều người khác đến tham quan, trải nghiệm. Từ đó, lợi ích của bảo tàng và cộng đồng sẽ được tăng lên. Bảo tàng có thêm kinh phí hỗ trợ quản lý, bảo dưỡng và nâng cấp bảo tàng. Đối với cộng đồng, những nghệ nhân tham gia trình diễn nghề truyền thống ngoài phân hưởng lợi ích từ nguồn phí tham quan, các nghệ nhân được bán sản phẩm họ làm ra. Hay từ những hoạt động trải nghiệm ở bảo tàng họ sẽ giới thiệu du khách đến với các làng nghề truyền thống. Từ đây, lợi ích không chỉ ở bảo tàng, các nghệ nhân trực tiếp trình diễn nghề mà cả cộng đồng, nơi có làng nghề truyền thống sẽ tăng lợi ích từ phí tham quan làng nghề, phí mua sắm sản phẩm và các dịch vụ khác.

Tóm lại, để việc gắn kết giữa bảo tàng và cộng đồng trong hoạt động trải nghiệm tại bảo tàng đạt hiệu quả, trước tiên cần đảm bảo những nguyên tắc, đó là đảm bảo tính xác thực trong hướng dẫn giới thiệu về hiện vật, lịch sử làng nghề với du khách. Vì tính xác thực là nền tảng của du lịch di sản, nên cần đảm bảo đây không phải là sự sân khấu hoá được dàn dựng để thu tiền của khách du lịch mà chính là các công đoạn hoạt động nghề truyền thống tại bảo tàng. Tiếp theo là biết chia sẻ lợi ích cho cộng đồng; Biết liên kết giữa các nhà quản lý. Việc lôi cuốn các bên tham gia cùng phối hợp là một nhiệm

vụ vô cùng khó khăn nhưng nếu làm được thì đó lại là một trong những biện pháp phát triển bền vững nhất.

II. Cách tiếp cận với cộng đồng

2.1. Khảo sát trực tiếp với cộng đồng để truyền tải, thu thập thông tin

Công việc các bảo tàng xưa nay thực hiện trong các đợt sưu tầm hiện vật, là cán bộ đến gặp chính quyền địa phương đặt vấn đề và nhờ cán bộ địa phương đưa đi gặp nhân chứng để trao đổi thông tin, sưu tầm hiện vật. Hay trong một cuộc triển lãm lưu động cũng vậy, từ khâu xây dựng kế hoạch đến trưng bày triển lãm đều do cán bộ bảo tàng thực hiện.

Ngày nay, với sự phát triển mạnh của nền du lịch không khói, chúng ta phải xây dựng mối quan hệ cộng sinh giữa bảo tàng và cộng đồng địa phương nhằm bảo tồn và phát huy di sản của cha ông để lại. Muốn kết hợp làm việc với cộng đồng hiệu quả, trước tiên cán bộ bảo tàng phải thành lập nhóm lắng nghe ý kiến cộng đồng. Đây cũng là cơ hội để mang lại kiến thức cho bảo tàng. Thứ hai là mời chuyên gia đến tư vấn vì họ sẽ đóng góp nhiều điều bổ ích khác nhau cho hoạt động bảo tàng. Chúng ta mạnh dạn trao quyền cho cộng đồng, như khuyến khích cộng đồng tự chụp ảnh về những hoạt động đời thường và kèm với những cảm xúc của họ trong hoạt động đời thường ấy để tổ chức triển lãm như triển lãm về "Cuộc sống của những người bán ve chai",... Trường hợp gặp cộng đồng e ngại không hợp tác, chúng ta chớ nóng vội, phải dẫn dắt từ những câu hỏi đơn giản

nhất, việc làm đời thường nhất và luôn động viên tinh thần của họ, họ sẽ thấy gần gũi, bớt e ngại và dần cởi mở, ủng hộ chúng ta khi ta cần đến họ.

2.2. Thông qua các tổ chức xã hội

Dựa vào các tổ chức Hội, Đoàn, những người có uy tín trong địa phương. Ví dụ phối hợp với Hội Phụ nữ để sưu tầm những tài liệu, hiện vật liên quan đến Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng để trưng bày kỷ niệm nhân ngày Thương binh Liệt sỹ 27/7 hay phối hợp với Tổ dân phố để sưu tầm ảnh "Gánh hàng rong". Qua những câu chuyện tích cực và tiêu cực của công chúng về Gánh hàng rong đã từng gắn bó với cuộc đời của chính họ hay những người thân trong gia đình sẽ thu hút đông đảo người xem,... Tùy theo nội dung và ý nghĩa của mỗi hoạt động mà chúng ta dựa vào các tổ chức đoàn thể để hỗ trợ trong việc tiếp cận với cộng đồng.

Muốn tiếp cận với cộng đồng để mang lại hiệu quả cao trong hoạt động bảo tàng, cán bộ bảo tàng phải có kiến

thức và xây dựng được mạng lưới bảo tàng, phải có phương pháp phù hợp để làm việc theo từng nhóm người phù hợp. Ví dụ với nhóm học sinh cấp một, phương pháp tiếp cận khác với học sinh cấp 2. Đoàn thanh niên tiếp cận sẽ khác với hội người cao tuổi. Đặc biệt, chúng ta phải thường xuyên trao đổi nói chuyện với mạng lưới về thông tin bảo tàng để bảo tàng thật sự là nơi khơi gợi những điều mới, mở ra những hoạt động, đóng góp của công chúng đối với bảo tàng thường xuyên hơn để bảo tàng thật sự là cơ quan truyền thông hữu hiệu.

III. Hiện trạng và thách thức

3.1. Hiện trạng trưng bày tại bảo tàng

- Phương pháp trưng bày theo chủ quan của cán bộ bảo tàng, thiếu tính phối hợp với cộng đồng.

- Phần chú thích của hiện vật chưa lột tả hết giá trị bên trong của hiện vật.

- Phần lớn việc trưng bày ở các bảo tàng không có không gian mở để du khách trải nghiệm, sinh hoạt tại bảo tàng.

- Chưa chú trọng đến đối tượng khán giả nên chưa có giải pháp thu hút khán giả theo từng nhóm đối tượng (gia đình, học sinh và khách du lịch,...). Từng nhóm đối tượng như vậy họ đến bảo tàng làm gì,



đến để được gì?. Điều này các bảo tàng chưa quan tâm.

- Phần lớn nhân viên bảo tàng chưa đủ khả năng để tổ chức những hoạt động thu hút khán giả, nhưng nhiều nhân viên bảo tàng coi việc liên kết với cộng đồng là yếu tố phụ. Vì vậy, tính đơn điệu trong hệ thống bảo tàng không thu hút được khán giả.

- Một vấn đề không kém phần quan trọng, đó là nguồn kinh phí dành cho các hoạt động của bảo tàng còn phụ thuộc vào nhà nước, chưa mạnh dạn hợp tác với cộng đồng trong việc xây dựng, phát huy bảo tàng. Chúng ta phải nghĩ đến bảo tàng là phục vụ cho cộng đồng nói chung, để bảo tàng sống được thì phải có sự tham gia của cộng đồng, kể cả những hoạt động cạnh tranh.

3.2. Những thách thức trong hoạt động bảo tàng

- Sự quan tâm của chính quyền địa phương đối với hoạt động bảo tàng còn chưa xứng tầm. Sự hợp tác giữa bảo tàng với cộng đồng trong các hoạt động trải nghiệm cũng như các hoạt động dịch vụ tại bảo tàng chưa được chính quyền địa phương ủng hộ.

- Kiến thức và kỹ năng của đa số cán bộ bảo tàng chưa đáp ứng với nhu cầu phát triển của hệ thống bảo tàng trong xã hội hiện nay. Thiếu những hoạt động liên kết giữa các bảo tàng với nhau.

- Sự cạnh tranh của nhiều loại hình du lịch, trong đó yếu tố thương mại ảnh hưởng đến hoạt động bảo tàng. Hiện nay, các điểm di sản sống nhờ vào du lịch nên ngày càng nhiều

các điểm tham quan du lịch được mở ra. Bên cạnh những mặt tích cực, không ít phiền hà đem lại cho du khách, đó là sự cạnh tranh thiếu lành mạnh, chèo kéo khách vào điểm này, không vào điểm kia, đến những điểm có hoa hồng cao, vì vậy bảo tàng không thể cạnh tranh được.

- Hướng dẫn viên du lịch chưa am tường về lịch sử - văn hóa địa phương dẫn đến thuyết minh thiếu tính chân xác về di sản.

- Tại các điểm di sản, hầu như những sản phẩm du lịch giống nhau, chất lượng hàng hóa kém, giá cả không ổn định làm cho du khách không hài lòng. Sản phẩm du lịch địa phương chưa được đầu tư đúng mức, hạn chế về chủng loại, mẫu mã làm mất cơ hội trong kinh doanh dịch vụ du lịch. Đối với những sản phẩm du lịch trong bảo tàng cũng còn chưa đáp ứng được thị hiếu của du khách. Vì vậy, mặt bằng đời sống của cán bộ bảo tàng chưa được cải thiện mấy so với các ngành nghề khác trong xã hội.

- Sự thờ ơ của cộng đồng dân cư đối với bảo tàng. Một mặt do thời gian người dân tập trung vào những hoạt động mưu sinh nên không đến được bảo tàng. Tuy nhiên, rất nhiều người dân địa phương có thời gian nhưng hoàn toàn không đến bảo tàng. Họ cho rằng bảo tàng quá quen thuộc với họ và cũng không muốn tìm hiểu bảo tàng có gì trong đó.

- Cộng đồng được tiếp cận không muốn nói lên sự thật về cuộc sống mưu sinh của họ. Cộng đồng không có nhiều thời gian để hợp tác với bảo tàng.

- Chưa có sự cân bằng trong công tác bảo tồn nguyên trạng và bảo tồn thích nghi các loại hình hoạt động trong bảo tàng để phục vụ du lịch, ảnh hưởng đến tâm lý du khách. Một số đơn vị làm du lịch cũng tổ chức hoạt động trình diễn nhưng với tính chất sân khấu hóa làm cho khách nhàm chán. Ví dụ tái hiện vở tuồng xưa nhưng trang phục áo dài khăn đóng lại mặc với quần tây. Điều đó gây phản cảm cho khán giả.

IV. Kết quả đạt được và những kinh nghiệm trong hoạt động giữa bảo tàng với cộng đồng tại Bảo tàng Văn hóa Dân gian Hội An và Nhà Lưu niệm đồng chí Cao Hồng Lãnh

4.1. Cộng đồng với khu di sản Hội An

Từ khi Khu phố cổ Hội An được công nhận là di sản văn hóa thế giới (04/12/1999), với tư cách như một Bảo tàng sống, du khách đến khu phố cổ Hội An ngày càng đông. Sáu tháng đầu năm 2015, lượt khách đến thăm quan khu di sản Hội An là 51.137.680 lượt (*trong đó khách quốc tế 376.276 lượt, Việt Nam 174.807 lượt*). Riêng 5 bảo tàng/điểm trưng bày đón được 515.115 lượt khách, tăng 4,1% so với cùng kỳ năm 2014. Du lịch Hội An phát triển mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương, tạo công ăn việc làm cho cộng đồng, tạo phương tiện và động lực để họ quan tâm, gìn giữ di sản và tham gia các hoạt động văn hóa tại địa phương. Tuy nhiên, du lịch cũng đã mang đến những tác động bất lợi cho cộng đồng địa phương như giá cả tăng, du khách đến đông ảnh hưởng đến tuổi

thọ của di sản, gây ô nhiễm môi trường, tiếng ồn,... Vì vậy, chính quyền địa phương đã xây dựng quy chế quản lý Khu phố cổ, trong đó có quy định hỗ trợ tu bổ di tích cho những người dân sống trong kiệt không được hưởng lợi nhiều từ du lịch,... Quy hoạch những khu phố bán hàng rong phục vụ du khách cho những hộ khó khăn, việc làm không ổn định. Từ những chính sách quan tâm ưu đãi của chính quyền địa phương nên ý thức gìn giữ di sản của người dân được nâng cao. Việc sửa chữa nhà cửa luôn tuân thủ theo quy chế, cộng đồng tham gia tốt những hoạt động lễ hội tại địa phương, giữ gìn được bản sắc văn hóa cộng đồng, thân thiện, hiếu khách, hỗ trợ nhau cả trong hoạt động kinh doanh,...

4.2. Kết quả của cộng đồng tham gia hoạt động tại bảo tàng

- Đối với Bảo tàng Văn hóa Dân gian: Bảo tàng này được thành lập vào năm 2005. Từ khi thành lập, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (*cơ quan trực tiếp quản lý bảo tàng*) đã kêu gọi cộng đồng cùng tham gia với cơ chế hỗ trợ cùng hợp tác không thu phí mặt bằng của cộng đồng. Qua quá trình vận động, đã có 4 hộ tham gia tổ chức hoạt động trình diễn nghề truyền thống tại bảo tàng, đó là công đoạn nuôi tằm, ươm tơ, kéo kén, dệt vải của người Việt và người Chăm, khâu, khâu gôm và phòng trưng bày, hướng dẫn viết thư pháp. Những hộ hoạt động tại đây được bán những sản phẩm của làng nghề. Từ chỗ hỗ trợ

về mặt bằng, đến nay hoạt động của họ có doanh thu, họ tự nguyện đóng góp kinh phí cho bảo tàng. Điều quan trọng, các hộ này đã giới thiệu cho du khách về một số nghề truyền thống tại địa phương, góp phần cùng bảo tàng để quảng bá di sản Hội An đến với bạn trong và ngoài nước.

- Đối với Nhà lưu niệm đồng chí Cao Hồng Lãnh: Nhà lưu niệm này được khánh thành năm 2010. Nơi đây trưng bày về cuộc đời hoạt động của đồng chí Cao Hồng Lãnh người đã thành lập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên tại Hội An vào năm 1927. Đây là ngôi nhà của gia đình đồng chí. Vì vậy, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp với gia đình trong việc trưng bày, bố trí không gian của một nhà lưu niệm vừa là nhà cổ Đức An (*hiệu buôn của gia đình*). Bà con trong tộc họ tự đóng góp những vật dụng của gia đình trước đây bị thất lạc để khôi phục lại không gian nhà xưa. Trung tâm tập trung trưng bày về hiện vật liên quan đến cuộc đời hoạt động của đồng chí Cao Hồng Lãnh. Từ khi khánh thành đến nay, lượt khách đến Nhà Lưu niệm ngày càng đông. Khi du khách đến, được người nhà giới thiệu về lịch sử di tích cũng như cuộc đời hoạt động của đồng chí Cao Hồng Lãnh. Được nghe đại diện gia đình thuyết minh, du khách rất thích thú. Vì vậy, từ đầu năm đến nay, kinh phí tham quan thu được trung bình mỗi tháng trên hàng chục triệu đồng. Gia đình tộc họ được hưởng 50% từ nguồn thu này để thực hiện

một số hoạt động, sửa chữa nhỏ cho di tích.

Qua việc phối hợp với cộng đồng tổ chức hoạt động, quản lý, phát huy bảo tàng Văn hóa Dân gian và Nhà Lưu niệm đồng chí Cao Hồng Lãnh, Trung tâm nhận được sự ủng hộ cao của cộng đồng, đặc biệt du khách hài lòng về không gian trải nghiệm tại bảo tàng, có sản phẩm tự tay du khách làm ra (*chuốt gổm*) và được mang về. Từ hoạt động này góp phần làm cho bảo tàng sinh động hơn, thu hút du khách ngày một nhiều hơn.

Tóm lại: Điều quan trọng phải hiểu rằng dân cư địa phương là một phần của di sản văn hóa và là một trong số các bên tham gia hoạt động tại bảo tàng. Vì vậy, họ phải được tôn trọng và đối xử công bằng như với các nhà quản lý bảo tàng và du khách. Tại một số nơi, họ không được tham gia vào quản lý di sản và cũng không nhận được lợi nhuận từ hoạt động du lịch. Trong một số trường hợp, họ phải chịu gánh nặng từ những ảnh hưởng tiêu cực nghiêm trọng nhất mà hoạt động du lịch đưa lại thì chính quyền địa phương phải có những chính sách ưu đãi để có sự nỗ lực của người dân kết hợp với nỗ lực của chính quyền nhằm cải thiện các điều kiện kinh tế, xã hội, văn hóa của cộng đồng và giúp các cộng đồng này hòa nhập và đóng góp bảo tồn, gìn giữ và phát huy di sản của tiền nhân để lại được tốt hơn♣

CÔNG TÁC MARKETING BẢO TÀNG TẠI HỘI AN

Lương Thị Mỹ Linh

Marketing bảo tàng là một loại marketing xã hội, nhằm vào mục đích phát triển cộng đồng và xã hội là chính, là một chức năng kết nối mọi hoạt động của bảo tàng với thị trường; là một chu trình quản lý mà nhờ đó các bảo tàng hoạt động hiệu quả hơn; là một chu trình quản lý, ở đó bảo tàng đạt được mục tiêu của mình bằng cách thỏa mãn nhu cầu khách tham quan.

Vì thế với một bảo tàng, công tác marketing giúp tăng khả năng phát hiện nhu cầu về chủ đề, xu hướng trưng bày và các hoạt động của bảo tàng, cách thức làm hài lòng khách tham quan, định hướng cho hoạt động của bảo tàng, tạo vị thế - thế chủ động cho bảo tàng, tạo ra khách tham quan của bảo tàng và thị trường của bảo tàng, cầu nối giúp các bảo tàng liên kết hoạt động với thị trường. Tuy là một trong những điểm thu hút du khách đến với Hội An nhưng công tác marketing trong hệ thống Bảo tàng tại Hội An hiện còn nhiều khó khăn và hạn chế. Hiện nay tại Hội An có 6 bảo tàng, di tích chuyên đề độc đáo gồm: Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch, Bảo tàng Lịch sử Văn hóa, Bảo tàng Văn hóa Sa Huỳnh, Bảo tàng Văn hóa Dân gian, Nhà truyền thống cách mạng và nhà lưu niệm đồng chí Cao Hồng Lãnh nhưng vẫn còn nhiều tiềm lực chưa

được khai thác, điều đó thể hiện rõ trong các chương trình marketing cho hệ thống bảo tàng:

1. Sản phẩm marketing

Tính đến thời điểm hiện nay đã tổ chức 6 trưng bày đặc trưng và phù hợp với 6 điểm bảo tàng, di tích chuyên đề, xuất bản nhiều sách viết về các chuyên đề trưng bày như: Cư dân Faifo Hội An trong lịch sử, Văn hóa Sa Huỳnh ở Hội An, Kỷ yếu Cù Lao Chàm, Kỷ yếu hội nghị khoa học Khu phố cổ Hội An, Nghề truyền thống Hội An, Nhà gỗ Hội An và những giải pháp bảo tồn, Lễ lệ - Lễ hội Hội An, Di sản văn hóa - văn nghệ dân gian Hội An và Công cụ đánh bắt sông nước truyền thống Hội An. Số lượng sách viết về Hội An thì rất nhiều nhưng những tác phẩm viết riêng về bảo tàng còn hạn chế, đặc biệt là các sách được dịch sang tiếng nước ngoài. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Hội An còn làm các phim tài liệu cách mạng, các phim về các lễ hội văn hóa, các món ăn đặc sản của địa phương... Tuy nhiên tại từng bảo tàng khách tham quan sẽ rất khó để tìm thấy những tờ rơi giới thiệu về địa điểm bảo tàng, khó tiếp cận với thông tin về bảo tàng khi không có đội ngũ hướng dẫn viên du lịch hoặc là hướng dẫn viên du lịch không am hiểu nhiều về bảo tàng. Tại mỗi điểm bảo tàng chỉ có cán bộ bảo vệ chứ không có cán bộ thuyết

minh, hơn nữa trình độ ngoại ngữ còn hạn chế nên việc giới thiệu cho khách không đạt hiệu quả cao.

Hội An là nơi mà kinh tế du lịch phát triển kèm theo đó là sự phát triển rất mạnh những hoạt động hỗ trợ du lịch, tại đây khách tham quan rất dễ dàng tìm thấy những sản phẩm lưu niệm mang đậm bản sắc địa phương đặc biệt những ấn phẩm có tên và in logo biểu tượng chùa cầu như lồng đèn vải, các sản phẩm may mặc, vải vóc, các loại đặc sản của Hội An như bánh đậu xanh, tương ớt... Bên cạnh đó du khách có thể mua các sản phẩm mỹ nghệ độc đáo như các tranh chạm từ gỗ, các sản phẩm trang trí của lò gốm Thanh Hà, các hiện vật làm từ mây tre, các loại tò he bằng đất nung và các món ăn độc đáo. Việc tìm kiếm một sản phẩm độc đáo ở đây không khó nhưng việc tìm kiếm một sản phẩm đặc trưng của các bảo tàng là điều không dễ, các bảo tàng không tạo được một sản phẩm lưu niệm đặc trưng nào của mình, cũng chưa tạo ra hệ thống thông tin cho khách, những điểm dừng

chân hay những khu vực đồ lưu niệm phục vụ khách tham quan.

2. Giá cả và hệ thống bán vé

Giá vé dành cho khách trong nước là 80 nghìn đồng/4 điểm; khách nước ngoài 120 nghìn đồng/6 điểm. Miễn lệ phí hướng dẫn cho đoàn từ 8 khách trở lên, liên hệ thuyết minh viên tại nơi bán vé. Vé có thời hạn trong 24h. Du khách được nhiều lựa chọn gồm có công trình văn hóa, nhà cổ, hội quán, xưởng thủ công - mỹ nghệ và xem biểu diễn nghệ thuật cổ truyền, xưởng thêu XQ Hội An, mộ các thương nhân Nhật Bản và bảo tàng cũng chỉ là một trong những địa điểm đó nên việc cạnh tranh và thu hút khách tham quan gặp nhiều khó khăn.

3. Hệ thống truyền thông

Sự thành công trong ngành du lịch ở Hội An chính là sự thành công trong việc quảng bá hình ảnh Hội An bằng các phương tiện quảng cáo, rất dễ dàng nhìn thấy hình ảnh Hội An trên

các hệ thống truyền thông đại chúng trên phạm vi cả nước chứ không riêng các đài truyền hình địa phương. Là một thành phố du lịch, Hội An thường xuyên tổ chức các chương trình lễ hội có quy mô lớn nên thu hút được rất nhiều các đài



truyền hình, các cơ quan thông tấn báo chí quan tâm. Ngày nay sự phát triển mạnh mẽ của hệ thống internet là điều kiện thuận lợi cho việc quảng bá du lịch và Hội An là một trong những địa phương rất thành công trong việc marketing trên mạng. Hình ảnh về Hội An được bạn bè thế giới biết đến qua các sự kiện mang tầm vóc quốc tế như: Hoa hậu hoàn vũ năm 2010, Hoa hậu Việt Nam, Hội nghị của tổ chức Asean, giờ trái đất, các sự kiện giao lưu văn hóa Hội An - Nhật Bản. Sự thành công của Hội An là kết quả của một quá trình lâu dài và sự hỗ trợ rất lớn của nhân dân. Chính quyền ở đây đã tạo được mối quan hệ giữa nhân dân và di tích. Hằng năm, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hoá Hội An đều có tổ chức gặp mặt các chủ di tích, những người lớn tuổi, những người có vai trò trong tộc họ để tìm hiểu và tiếp thu những đóng góp của nhân dân cho hoạt động quản lý di tích nói chung và bảo tàng nói riêng, chính điều đó đã tạo nên một hệ thống hỗ trợ hoạt động bảo tàng ở địa phương.

Tuy nhiên đó chỉ là sản phẩm marketing cho du lịch Hội An chứ không phải là sản phẩm marketing của các bảo tàng, không có một chương trình giới thiệu riêng dành cho các bảo tàng, các trang web về bảo tàng với nội dung còn nhiều hạn chế nên không thể hiện được những nét đặc trưng độc đáo của bảo tàng, các bảo tàng cũng chỉ như một điểm di tích và không có khả năng cạnh tranh với những điểm du lịch nổi bật hơn.

Để khắc phục những hạn chế trên chúng ta cần có những giải pháp như: thiết kế tờ rơi riêng về hệ thống bảo tàng và từng bảo tàng, tờ rơi phải hiện đại và thu hút, tờ rơi được đặt tại các điểm bảo tàng để nhân viên trực tiếp phát cho khách tham quan; tạo điều kiện tăng cường cán bộ nhân viên thuyết minh, trao đổi thêm khả năng ngoại ngữ để phục vụ cho khách tham quan tốt hơn; đầu tư nghiên cứu đề xuất bản những đầu sách chuyên đề về các bảo tàng; xây dựng những điểm dừng chân, các điểm bán hàng lưu niệm của bảo tàng; xây dựng hệ thống thông tin điện tử tạo điều kiện cho khách tự tìm hiểu thông tin về bảo tàng; xây dựng đội ngũ thiết kế, marketing bảo tàng, cán bộ dự án, chương trình dựa trên nhu cầu xã hội....

“Du lịch bảo tàng ở Hội An đã mạnh nha từ 20 năm trước đến nay đã trở thành một bản đồ du lịch thu nhỏ. Đã không ít người đặt câu hỏi: Cái gì được xem là quý giá nhất ở các bảo tàng này? Tuy nhiên, với những bảo tàng chưa bao giờ khép cửa ở Hội An, thì câu trả lời của người quản lý vẫn là tất cả hiện vật trưng bày đều quý giá, tất cả đều có linh hồn và mang đậm dấu ấn của thời gian”. Có lẽ chính điều này là cơ sở tốt nhất để công tác marketing bảo tàng đạt những kết quả khả quan, để các điểm bảo tàng sẽ ngày càng thu hút hơn, thành công hơn♣

BẢO TÀNG GỐM SỨ MẬU DỊCH 20 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Nguyễn Trần Cẩm Giang

Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch (80 Trần Phú - Hội An) là một trong năm bảo tàng chuyên đề ở Hội An do Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An trực tiếp quản lý, được thiết lập hoàn chỉnh và mở cửa đón khách vào ngày 02/10/1995 với sự giúp đỡ của các chuyên gia Nhật Bản.

Từ một ngôi nhà gỗ bị xuống cấp nặng, với nguồn kinh phí tài trợ của tổ chức JICA - Nhật Bản (*Tổ chức Hợp tác quốc tế Nhật Bản*) và sự giúp đỡ của các chuyên gia kiến trúc Nhật Bản do trường Đại học Nữ Chiêu Hòa đại diện đã tiến hành tu bổ và thích nghi ngôi nhà này thành Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch.

Ban đầu bảo tàng này trưng bày 268 hiện vật tại tầng 1 và nếp nhà trước của tầng 2. Hiện vật gốm sứ trưng bày ở bảo tàng có niên đại từ thế kỷ thứ IX đến thế kỷ thứ XIX được tìm thấy ở các điểm khảo cổ học tại Hội An trong chương trình nghiên cứu Hội An từ nguồn kinh phí của Nhật Bản và các nhà khoa học Nhật Bản cũng đã tham gia trưng bày bảo tàng này.

Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch trưng bày các chủ đề, đó là giới thiệu vài nét về Đô thị cổ Hội An - Di sản Văn hóa

Thế giới; Nền gốm mậu dịch Việt Nam; Di chỉ tàu buôn bị đắm ngoài khơi Cù Lao Chàm; Di chỉ Hội quán Triều Châu; Di chỉ Thanh Chiêm - Thanh Hà; Di chỉ nhà 129 Phan Châu Trinh; Di chỉ nhà số 85 Trần Phú; Di chỉ Đình Cẩm Phô; Giới thiệu vài nét về nhà 80 Trần Phú. Toàn bộ hệ thống hiện vật trưng bày tại đây phản ánh sinh động về Hội An là một trong những cảng thị Việt Nam nằm trên “*Con đường tơ lụa trên biển*” và phát triển trong hệ thống thương mại Châu Á. Ra đời vào khoảng cuối thế kỷ XVI, Hội An đã từng là một trung tâm mậu dịch lớn nhất của Đông Nam Á và của cả nước Đại Việt, là một trong những thương cảng sầm uất của vùng biển Đông Nam Á từ thế kỷ XVI - XVIII, với sự tham gia của các thương nhân đến từ Thái Lan, Philippin, Ấn Độ, Hà Lan, Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha...

Hội An còn là một thương cảng đóng vai trò rất quan trọng trong việc hình thành nên “*con đường gốm sứ*” trên vùng biển Tây Nam Thái Bình Dương, đóng vai trò trung gian kết nối giữa vùng biển Đông Nam Á và Trung Hoa, cũng như giữa Nhật Bản và Trung Hoa trên con đường gốm sứ xuyên Thái Bình Dương trong kỷ

nguyên đại thương mại của thế giới. Với vai trò là một thương cảng trọng yếu của Đàng Trong - Việt Nam, lại nằm trên hải trình mậu dịch thuyền buôn quốc tế, cùng với các cảng thị ở Đại Việt như: Phố Hiến, Vân Đồn, Thanh Hà, Nước Mặn, Gia Định... Hội An đã tham gia tích cực vào việc hình thành nên mạng lưới thương mại hàng hải ở vùng biển

Thái Bình Dương, là một phần của các con đường gốm sứ, con đường gia vị và nhất là con đường tơ lụa lòng danh một thời.

Chính vì vậy mà ngay từ khi mở cửa bảo tàng đã thu hút một lượng lớn khách đến tham quan, nhất là các nhà nghiên cứu và du khách người Nhật. Để đáp ứng ngày một tốt hơn, đầy đủ hơn nhu cầu của khách tham quan bảo tàng đã từng bước được bổ sung và nâng cấp các nội dung trưng bày.

Vào năm 2012, UBND Thành phố Hội An đã phê duyệt “*Phương án nâng cấp trưng bày, bảo quản bổ sung hiện vật tại kho và các bảo tàng chuyên đề ở Hội An*” với tổng kinh phí là 1.582.152.409đ, trong đó kinh phí nâng cấp Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch là 192.597.040đ. Từ nguồn kinh phí trên, Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch đã được tiến hành nâng cấp toàn bộ hệ thống ảnh, lời thuyết minh, etiket, trưng bày bổ sung một số nội dung tại nếp nhà sau của tầng 2, phục dựng lại không gian bếp xưa và sưu tầm bổ



sung 108 hiện vật. Đến nay bảo tàng có 478 hiện vật.

Đặc biệt, trong năm 2015, Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch là bảo tàng được chọn để thực hiện thí điểm một số hoạt động dịch vụ mới để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách tham quan. Đây là bảo tàng đầu tiên xây dựng “*Điểm dừng chân*” với mục đích là tạo một không gian nghỉ ngơi thoáng mát cho du khách trước hoặc sau khi tham quan bảo tàng. Tại không gian này du khách dừng chân nghỉ ngơi để thưởng thức 1lly nước trà xanh miễn phí, nghe nhạc hòa tấu hoặc xem một số phim tư liệu giới thiệu về Hội An, về các nội dung trưng bày tại bảo tàng. Tại đây cũng sẽ có một không gian tương tác cho du khách trải nghiệm thực tế qua một số hoạt động như làm bánh, nấu nước chè... Ngoài ra, một số sản phẩm lưu niệm mang đặc trưng riêng của Bảo tàng cũng sẽ được trưng bày, giới thiệu với du khách tại điểm dừng chân này.

Hoạt động dịch vụ thứ hai tại Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch đó là dịch vụ



này, công tác an ninh tại bảo tàng được đảm bảo hơn.

20 năm qua, Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch đã từng bước được bổ sung, hoàn thiện nội dung trưng bày và thu hút khách đến tham quan ngày càng đông hơn. Lượng khách đến tham quan bảo tàng tăng dần theo từng năm:

Audio Guide (*thuyết minh bằng tai nghe điện tử*). Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách tham quan, tạo môi trường tham quan văn minh, hiện đại và thân thiện cho du khách. Dịch vụ này sẽ giúp cho khách tham qua chủ động được thời gian tham quan, đặc biệt những du khách có nhu cầu tìm hiểu chuyên sâu có thể nghe đi nghe lại nhiều lần không phụ thuộc vào hướng dẫn viên, hay khách đi lẻ, muốn yên tĩnh để ngắm và nghe thông tin về hiện vật mà không bị tác động bởi những yếu tố bên ngoài. Hơn nữa, dịch vụ Audio Guide giúp bảo tàng giải quyết được vấn đề về không gian khi mỗi khách có thể chủ động tìm đến hiện vật mình yêu thích để tự nghe thông tin. Nội dung giới thiệu trên Audio Guide có hai ngôn ngữ Việt và Anh. Ở mỗi hiện vật đều có gắn số, du khách muốn tìm hiểu hiện vật nào chỉ cần bấm vào số đó trên thiết bị audio để nghe nội dung thuyết minh.

Ngoài ra để tăng cường hơn trong công tác quản lý, trong thời gian qua Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch được trang bị hệ thống camera giám sát và hệ thống báo cháy tự động. Qua hệ thống

Thời gian	Số lượng khách tham quan		
	Việt Nam	Quốc tế	Tổng cộng
2006	6.350	22.155	28.505
2007	5.120	40.870	45.990
2008	7.200	53.300	60.500
2009	8.400	48.600	57.000
2010	5.414	46.308	51.722
2011	4.200	49.600	53.800
2012	4.200	49.400	53.600
2013	1.100	51.300	52.400
2014	6.700	53.300	60.000
Đến 9/2015	4.300	51.200	55.500

Trong thời gian Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An sẽ tiếp tục nghiên cứu, đầu tư và hoàn thiện hơn nữa các nội dung trưng bày, các hoạt động dịch vụ để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách♣

**THÔNG
TIN
TƯ
LIỆN**

Thưa quý độc giả!

Nhằm cung cấp những tư liệu phục vụ công tác tìm hiểu, nghiên cứu về lịch sử - văn hóa Hội An, từ Bản tin số 03 (31) - 2015, Ban Biên tập bản tin Bảo tồn Di sản mở thêm mục

“**Thông tin tư liệu**” để chúng ta cùng tham khảo, trao đổi. Ban Biên tập Bản tin hy vọng rằng, mục “**Thông tin tư liệu**” sẽ nhận được sự quan tâm cổ vũ và tham gia đóng góp ý kiến của quý độc giả♣

BẢNG KÊ TƯ LIỆU HÁN NÔM VỀ NGHỀ YẾN THANH CHÂU SƯU TẦM TẠI KHÁNH HÒA

Trần Văn An

Thực hiện đề tài “**Điều tra, sưu tầm, dịch thuật tư liệu về nghề yến Thanh Châu ở Hội An**” vào năm 2009 (do cử nhân Tổng Quốc Hưng chủ trì), cùng với các tư liệu ở Hội An, chúng tôi đã sưu tầm được một số tư liệu Hán Nôm về nghề yến Thanh Châu được lưu giữ tại Khánh Hòa. Số tư liệu này cung cấp những thông tin cụ thể về nghề yến Thanh Châu thời các vua nhà Nguyễn từ Gia

Long trở về sau, về cách thức tổ chức yến hộ, về quân số, mức thuế và những thay đổi của nghề yến qua các thời kỳ. Một số tư liệu còn cho thấy việc kết hợp giữa hoạt động khai thác yến sào với việc bảo vệ chủ quyền, an ninh vùng biển đảo từ Hội An đến Khánh Hòa. Nay xin giới thiệu tóm lược nội dung các tư liệu sưu tầm được ở Khánh Hòa để quý độc giả tham khảo.

TT	Tên tư liệu	Số trang	Nội dung tóm lược	Niên đại	Địa chỉ	Ghi chú
1	Trát văn của công đường dinh Quảng Nam sai phái Hồ Văn	2	Do trước đây có đơn xin (mất một số chữ) theo cựu lệ mộ dân, nội ngoại tịch của xã Thanh Châu tổ chức 3 chiếc thuyền lập thành đội yến sào Thanh Châu đông hàng năm neo đậu tại Cù Lao, Tân Non xứ canh giữ hang yến và thu lượm yến	Ngày 13 tháng 12 năm Gia Long 3 (1804)	Ông Hồ Văn Hoàng ở Khánh Hòa cung cấp	Bản sao chữ Hán trên giấy A4, bản dịch tiếng Việt

	Hòa		sào đệ nạp. Nay có 7 người gia nhập đội, mùa yển đã đến nên sai Hồ Văn Hòa làm đội trưởng, tước Hòa Đức bá, dẫn hai chiếc thuyền neo đậu tại Cù Lao, Tân Non xứ canh giữ cẩn thận các hang yển không cho kẻ lạ đột nhập vào. Đợi đến năm sau sẽ có tầu lên triều đình.			của Nguyễn Tôn Thống năm 1997 và của Tống Quốc Hung năm 2009
2	Chỉ thị của vua Minh Mạng cho Hồ Văn Hòa	2	Chuẩn đổi Yển sào đội thành Yển hộ cho Hồ Văn Hòa làm hộ trưởng tước Hòa Thuận tử, trật tòng Cửu phẩm xướng suất yển hộ theo lệ thuế phụng nạp. Mọi việc nghe theo sai phái của công đường dinh Quảng Nam không được biếng nhác.	Ngày 7 tháng 6 năm Minh Mạng 1 (1820)	nt	nt
3	Bản tấu của Hồ Văn Hòa	3	Hồ Văn Hòa tâu xin miễn thuế thân, thuế tạp dịch cho 2 đội yển hộ 28 người và xin nộp mỗi người 8 lạng yển hàng năm (bản sao chép lộn là 38?) trong đó yển đội cũ 10 người, năm Mậu Dần (1818) mộ thêm 8 người, năm Kỷ Mão mộ thêm 10 người và hàng năm nộp thêm 2 cân, tu bộ tại Kinh và nộp thuế cho phủ Nội vụ. Lại xin theo lệ hàng năm đôn đốc quân yển hộ canh giữ các hang yển ngoài biên từ Quảng Nam dinh, Bình Hòa trấn thu thuế yển nộp về Kinh đô. Châu phê: Chuẩn miễn	Ngày 2 tháng 6 năm Minh Mạng 2 (1821)	nt	nt

			và không cần phải nộp thêm. Năm nào thu hoạch khá thì tiến thêm ít nhiều cũng được. Văn thư phòng phụng sao gửi bộ Hộ đóng dấu để làm bằng.			
4	Bản tấu của Hồ Văn Hòa	3	Từ năm Mậu Dần (1818) vâng chỉ lập 2 sở yển hộ ở dinh Quảng Nam và Bình Hòa trấn quân số 36 tên, trong đó yển hộ Quảng Nam 26 tên, Bình Hòa 10 tên. Xin mộ dân bổ sung vào yển hộ Quảng Nam để 2 sở đủ số 40 người và lập đội hải thuyền 12 chiếc, quy cách đà ngang từ 5 thước đến 6 thước 9 tấc để canh giữ các hang yển ngoài biển 2 trấn dinh và xin lãnh thuyền bài tại dinh Quảng Nam để y lệ nộp thuế. Chỉ chuẩn: Y tấu Bộ Hộ vâng sao gửi: (Hồ Văn Hòa)	Ngày 26 tháng 1 năm Minh Mạng 3 (1822)	nt	nt
5	Công văn của Nguyễn Hữu Thận (bộ Hộ) gửi Hồ Văn Hòa	2	Sao gửi Hồ Văn Hòa thể lệ của triều đình về lập đội thuyền yển hộ: - Yển hộ có số đinh 40 người thì lập đội thuyền 12 chiếc. - Yển hộ 36 người trở lên lập đội thuyền 8 chiếc. - Yển hộ 20 người trở lên lập đội thuyền 5 chiếc. - Yển hộ 10 người trở lên lập đội thuyền 2 chiếc. Đà ngang của thuyền từ 5 thước đến 6 thước 9 tấc.	Ngày 26 tháng 1 năm Minh Mạng 3 (1822)	nt	nt

			Đăng ký thuyền bài là yến hộ thuyền và y lệ nộp thuế tại dinh trấn. Miễn việc trưng dụng và nếu có cũng không được quá 10 người và không được xem đây là lệ. Bộ Hộ sao gửi Hồ văn Hòa để thi hành.			
6	Chiếu phong cho Hồ Văn Hòa	2	Thăng cấp cho Hồ Văn Hòa là chánh đội trưởng tước Hòa Đức hầu, trật tòng Lục phẩm, mọi việc nghe theo sai phái của dinh Quảng Nam.	Ngày 14 tháng 2 năm Minh Mạng 5 (1824)	nt	nt
7	Bản tấu của Hồ Văn Hòa	4	Do chỉ chuẩn lập yến hộ 40 người, hàng năm thu nộp yến sào ở các đảo ngoài biển dinh Quảng Nam, trấn Bình Hòa, mỗi người nộp 8 lạng thành 20 cân, năm trước lãnh mua thuế yến trấn Bình Hòa là 4 cân, cộng cả thấy 24 cân, đã nộp đủ. Nay xin chiêu mộ thêm dân ngoài đội 10 người, thành 50 người, chiếu lệ nộp thuế mỗi người 8 lạng, nếu mộ không đủ 10 người cũng xin nộp đủ 5 cân và nộp thuế yến Bình Hòa trấn thêm 1 cân thành 5 cân. Nộp về Kinh đúng loại yến nguyên màu hoàn thành trong ba lần. Chỉ chuẩn: cho chiêu mộ dân ngoài đội 10 người lập làm Bình Hòa yến hộ, hàng năm nộp mỗi tên 8 lạng,	Ngày 25 tháng 6 năm Minh Mạng 6 (1825)	nt	nt

			giao Hồ Văn Hòa quản suất, không đủ 10 tên cũng nộp đủ 5 cân. Thi hành từ năm Minh Mạng 7 (1826). Bộ Hộ phụng sao.			
8	Bằng của bộ Hộ cấp cho Hồ Văn Hòa	3	Do hộ trưởng yển hộ Bình Định Trần Văn Thư can tội nộp thuế yển có loại thô xấu, thiếu cân lại ăn nói càn quấy nên giao phủ Thừa Thiên xem xét phạt 100 trượng, giáng chức giao Hồ Văn Hòa quản thúc để tiếp tục lập yển hộ Bình Định 21 người, hàng năm nộp thuế 12 cân và mỗi người 4 lạng việc sưu, tổng cộng là 17 cân 4 lạng, hoàn thành trong 3 lần. Phụng chỉ ngày 8 tháng 9, cấp bằng cho Quảng Nam yển hộ chánh đội trưởng Hồ Văn Hòa thi hành.	Ngày 13 tháng 9 năm Minh Mạng 9 (1828)	nt	nt
9	Bản tấu của Hồ Văn Hòa	4	Tâu: Nhờ ơn vua, lãnh Quảng Nam Bình Hòa trấn yển hộ là 53 người, hợp thành 1 hộ hàng năm phụng nạp yển thuế đầy đủ. Đến mùng 8 tháng 9 năm nay vâng chỉ kiêm lãnh Bình Định yển hộ 21 người, nộp thuế 17 cân 4 lạng. Nay xin mộ dân ngoại tịch bổ sung vào đội (Bình Định) đủ 40 người thường niên nộp thuế 8 lạng một người cộng lại là 20 cân, bắt đầu nộp từ năm Minh Mạng 10 (1829).	Ngày 13 tháng 12 năm Minh Mạng 9 (1828)	nt	nt

			Và xin nhập yển hộ Bình Định và Quảng Nam Bình Hòa yển hộ thành 1 để tiện thu và nộp thuế 1 lần tại phủ Nội vụ. Chỉ vua chuẩn: Mộ dân ngoại tịch 19 tên cho đủ số 40, vẫn giữ tên Bình Định yển hộ, giao Hồ Văn Hòa quản suất. Hàng năm mỗi tên nộp 8 lạng như Quảng Nam Bình Hòa yển hộ, nếu không đủ số cũng phải nộp đủ 20 cân, tính từ năm Minh Mạng 10. Không chuẩn việc nhập các kỳ thuế làm một. Hộ bộ đường phụng ghi và truyền đạt: Nguyễn Kim Bảng, Nguyễn Văn Phúc, Thân Văn Quyền.			
10	Bằng của công đường dinh Quảng Nam cấp cho Hồ Văn Hòa	2	Do tháng trước nhận được công văn của quan trấn Bình Định theo cung lục của bộ Hộ về việc giao Trần Văn Thư về trấn để chịu phạt. Vâng theo chỉ đã phạt Trần Văn Thư 1 trượng (?), thu đủ số thuế yển thiếu, và hạ chức y xuống làm phục dịch trong yển hộ giao Hồ Văn Hòa thi hành và báo cáo lại kết quả cho quan trấn sở tại được biết không được chậm trễ.	Ngày 11 tháng 7 năm Minh Mạng 10 (1829)	nt	nt
11	Tờ truyền của bộ Hộ cho	2	Phụng chỉ giao Hồ Văn Hòa quản suất yển hộ Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa hàng năm thu nộp thuế	Ngày 11 tháng 6 năm	nt	nt

	Hồ Văn Hòa		yến về Bộ. Việc thu thuế yến theo lệ do Bộ quản lý, còn việc tu chỉnh, bổ sung ngạch tịch, sổ sách thì do Bộ Binh cấp bằng, không quan hệ đến bốn Bộ nhưng đến kỳ thuế phải tu chỉnh sổ bộ và sao gửi Bộ 1 bản để lưu chiếu. Quản yến hộ đội trưởng Hồ Văn Hòa căn cứ thi hành.	Minh Mạng 12 (1831)		
12	Đơn của Hồ Văn Trước, Hồ Văn Phú	4	Đơn gửi công sứ Nam Nghĩa ở cửa Hàn xin trưng lĩnh thuế yến để nổi nghiệp tổ tiên. Đồng Khánh năm đầu (1888), cho người Thanh hiệu Xán Ký nộp thuế yến bằng tiền. Cho nên tôi (Hồ Văn Phú) xin nạp tiền canh trưng một năm là một vạn một trăm hai mươi lăm quan. Chẳng may bị loạn Văn Thân không lấy yến nạp được nên xin Bộ đình trưng và vua có chỉ chuẩn cho, nay còn đây. Năm nay loạn vừa yên, Bộ lại cho Đào Văn Non trưng tỉnh Khánh Hòa, lại cho Xán Ký trưng Quảng Nam, Bình Định mà không cho chúng tôi. Chúng tôi (Hồ Văn Phú, Hồ Văn Trước) cúi xin quan lớn công sứ nếu ai trưng giá nào thì cho chúng tôi trưng giá ấy để nổi nghiệp tổ tiên,...	Không ghi ngày tháng	nt	Bằng chữ Nôm
	Tổng	33 trang				

NGHỊ ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC THÀNH LẬP ĐÔ THỊ HỘI AN

Trần Văn An

Lâu nay, trong một số bài viết, chuyên khảo về Lịch sử - Văn hóa Hội An thường trích dẫn văn bản của chính quyền thực dân Pháp và triều đình nhà Nguyễn liên quan đến việc thành lập thành phố Faifo (Hội An). Do không tiếp cận được văn bản gốc nên một số trích dẫn chưa chính xác về thời gian và những nhân vật liên quan. Nay, chúng tôi trích giới thiệu bản sao các văn bản này: 1/ Tờ trình của Cơ mật viện trình vua Thành Thái ngày 06/9 Thành Thái 10 (20.10.1898 dương lịch) về việc thành lập các thành phố ở miền Trung. 2/ Dụ chỉ của vua Thành Thái ngày 5/6 Thành Thái 11 (12.7.1899 dương lịch) về việc thành lập các thành phố ở Trung Kỳ. 3/ Nghị Định của toàn quyền Doumer về việc thực hiện chính quyền đô thị ở Trung Kỳ. Các văn bản này được trích dẫn trong Đại Nam Thực lục chính biên đệ lục kỷ phụ biên do Cao Tự Thanh dịch, NXB Văn hóa Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản năm 2011.

1. Tờ trình của Cơ mật viện trình lên Hoàng đế Annam ngày 6 tháng 9 năm Thành Thái thứ 10 (20.10.1898 dương lịch)

Thưa bệ hạ,

Những cải cách mà bệ hạ đã phê chuẩn đặt nền vững chắc cho sự phát triển của vương quốc Annam. Những công trình về đê điều, thủy lợi được nghiên cứu cẩn thận sẽ đem tới cho người nông dân sự chắc chắn về mùa màng và cũng với đó là sự sung túc được tăng thêm. Nhưng có lẽ chúng ta cũng cần quan tâm tới cả những người dân sống ở các thành phố. Thay cho chỉ là sự kết hợp thông thường các làng không tuân theo một kế hoạch tổng thể nào bởi vì không có lợi ích chung với vùng xung quanh, điều quan trọng nhất là phải làm cho những trung tâm chính của Annam trở thành những thành phố thực sự, có những nguồn vốn mà cả hệ thống các đơn vị hành chính bao gồm đều được hưởng. Ở những nơi mà ông Khâm sứ và Cơ mật viện nhận thấy cần thiết, sẽ lập nên một thành phố, vì lợi ích của nó, tất cả

RAPPORT du Co-mât à Sa Majesté l'Empereur d'Annam en date du 6 du 9^e mois de la 10^e année de Thanh-Thai (20 octobre 1898).

Sire,

Les réformes que votre Majesté a déjà approuvées assurent le développement du Royaume d'Annam. Les travaux de digues et d'irrigation sagement étudiés donneront aux habitants des campagnes la certitude de leurs récoltes et, avec cette certitude, une augmentation de leur bien-être. Il nous a paru nécessaire de nous occuper également des habitants qui résident dans les agglomérations. Au lieu d'être de simples réunions de villages n'obéissant à aucun plan d'ensemble, n'ayant d'intérêt commun que le voisinage, il importe que les principaux centres de l'Annam deviennent de véritables villes disposant de ressources dont bénéficiera toute la collectivité. Partout où le Résident supérieur et le Co-mât le jugeront nécessaire, il sera créé une ville au profit de laquelle seront perçues, sous le contrôle du Résident et des autorités provinciales, toutes les taxes locales, qui, autrefois, étaient perçues pour le seul bénéfice d'un ou de deux villages. Ainsi, les marchés seront affermés, et les produits qui résulteront de cet affermage constitueront une ressource pour la ville toute entière. De même, pour les droits de pousse-pousse, les droits de bac, les droits de stationnement et toutes autres taxes à créer, telles, par exemple, que des taxes d'éclairage. Grâce à ces ressources, le Résident et les autorités provinciales, assistés des maires de village qui seront devenus simplement des chefs de quartiers, pourront assurer l'embellissement de la ville, l'entretien et la construction des routes et des quais, le fonctionnement d'une école, l'éclairage, la réparation des bâtiments et des pagodes, le service de police. Il est possible que les ressources propres aux villes en voie de formation ne soient pas suffisantes. Après examen des besoins, il sera ouvert à ces villes des crédits suffisants pour faire face aux dépenses qui nous auront paru nécessaires. Le bon effet de ces mesures pourrait être expérimenté dès à présent pour les importants centres de Hué et de Vinh.

Si ces propositions paraissent fondées à Votre Majesté, nous la prions de vouloir bien approuver le présent rapport.

Sceau.

Approuvé:

Huê, le 20 octobre 1898.

Le Résident supérieur en Annam

BOULLOCHE.

các loại thuế địa phương trước đây chỉ được coi là nguồn lợi riêng của một hoặc hai làng sẽ được thu dưới sự kiểm soát của Công sứ và các chức trách thành phố. Như thế, các chợ búa sẽ được đấu thầu và những kết quả từ sự đấu thầu này sẽ tạo ra nguồn vốn cho cả thành phố. Về tiền thuế xe kéo, thuế thuốc lá, thuế bến xe và tất cả mọi thứ thuế khác phải thu chẳng hạn như thuế đèn đường cũng được đấu thầu như vậy. Nhờ những nguồn thu này, ông

Công sứ và các quan chức thành phố sẽ giúp cho các xã trưởng - những người sẽ trở thành những người đứng đầu các khu phố đảm bảo việc làm đẹp cho thành phố, gìn giữ và xây dựng đường sá, bờ kè, vận hành một trường học, chiếu sáng, sửa sang nhà cửa và chùa chiền, tổ chức cảnh sát. Có thể những nguồn vốn thực sự dành cho các thành phố đang trong quá trình hình thành còn chưa đủ. Sau khi tìm hiểu các nhu cầu, sẽ mở ra cho các thành phố này các khoản cho vay đủ để chi trả những chi phí mà chúng ta thấy cần thiết. Hiệu quả tốt từ những biện pháp này sẽ được thử nghiệm từ hiện tại

tại các trung tâm quan trọng ở Huê và ở Vinh.

Nếu bộ hạ thấy những đề nghị trên đây là có căn cứ, chúng thần xin bộ hạ phê chuẩn báo cáo này.

(Ấn)

Đã chuẩn y:

Huê, ngày 20.10.1898 (ương lịch)

Khâm sứ Trung Kỳ

BOULLOCHE

2. Dự của triều đình ngày 5 tháng 6 năm Thành Thái 11 (12.7.1899 dương lịch)

ORDONNANCE ROYALE en date du 5 du 6^e mois de la 11^e année de Thanh-Thái (12 juillet 1899).

Nous, Grand Empereur d'Annam,

Vu le bon effet des mesures qui nous ont été proposées par le Co-mât le 6 du 9^e mois de la 10^e année (20 octobre), ayant pour objet la création des villes en Annam,

Décidons de compléter ces mesures préliminaires par une organisation définitive.

Cette organisation s'appliquera aux centres de Thanh-hoa, Vinh, Hué, Faïfo, Qui-nhon et Phan-thiết, qui auront chacun leurs ressources propres. Il sera créé dans chacun de ces centres, dont les limites seront déterminées par arrêté du Résident supérieur, des budgets urbains déterminant d'une façon précise les recettes et les dépenses. Le projet de budget sera préparé par le Résident de la province intéressée, avec le concours de l'autorité provinciale et soumis, avant le 1^{er} décembre de chaque année, à l'approbation du Résident supérieur, qui le rendra exécutoire après avis conforme du Co-mât.

Quand le budget sera arrêté et que des modifications paraîtront nécessaires, elles devront être autorisées, dans les mêmes formes, par le Résident supérieur.

Les recettes des budgets urbains se composent de toutes les recettes locales dont il est fait abandon aux villes. L'impôt personnel et l'impôt foncier continueront à être perçus pour le budget de l'Annam. Les principales recettes locales déjà existantes proviennent des bouages et vidanges, de la fourrière, des abattoirs, de la ferme des pousse-pousse et autres voitures de louage, des mont-de-piété, des marchés et de toutes autres recettes accidentelles locales, approuvées par le Résident supérieur et le Co-mât. Il pourra ultérieurement, si la nécessité en est reconnue, être prélevé des droits supplémentaires sur les maisons et même des patentes sur les principaux commerçants.

Les dépenses auront exclusivement pour objet l'éclairage, la police, la voirie, l'assainissement de la ville, l'instruction publique, l'assistance publique, l'entretien des cimetières et, en général, tous les services présentant un caractère d'intérêt urbain. La construction et l'entretien des bâtiments et des pagodes seront à la charge des budgets urbains.

Au cas où les recettes de ces budgets seraient insuffisantes, des subventions seront accordées aux villes par les soins du Résident supérieur.

Le Résident supérieur fera connaître les règlements de comptabilité applicables aux budgets urbains.

Nous avons lieu d'espérer que cette organisation régulière donnée aux principales villes de notre royaume aidera à leur développement et que, sans augmenter les charges des habitants, ces mesures nouvelles leur donneront des habitudes d'ordre et de salubrité, sans lesquelles il ne peut exister de grande ville véritablement prospère.

Respectez ceci.

Promulguée par:

NGUYỄN...

HOANG-CAO...

NGUYỄN...

TRUONG-NHU...

HUYNH...

(Sceau du Co-mât)

Vu pour exécution:

Huế, le 13 juillet 1899.

Le Résident supérieur en Annam

BOULLOCHE.

Ta, vua nước Annam

Căn cứ hiệu quả tốt từ những biện pháp mà Cơ mật viện đã trình lên ngày 6 tháng 9 năm thứ 10 (20.10.1898 dương lịch), có mục đích thành lập các thành phố ở Trung Kỳ,

Quyết định bổ sung những biện pháp này bằng một sự tổ chức mang tính chất quyết định.

Sự tổ chức này sẽ được áp dụng ở các trung tâm của Thanh Hóa, Vinh, Huế, Hội An, Quy Nhơn, và Phan Thiết, những nơi mà không có nguồn vốn riêng. Ở mỗi trung tâm này - giới hạn sẽ được xác định bằng Nghị định của Khâm sứ, sẽ được thiết lập những ngân sách đô thị, xác định một cách chính xác các khoản thu chi. Dự kiến ngân sách sẽ được chuẩn bị bởi viên Công sứ thành phố liên quan, với sự cộng tác của

chức trách thành phố và đệ trình lên Công sứ chuẩn y trước ngày 1 tháng 12 hàng năm, để dự án ngân sách trở nên có hiệu lực hợp theo ý kiến của Cơ mật viện.

Khi ngân sách được ấn định và những sự sửa đổi được thấy là cần thiết, chúng sẽ được Khâm sứ cho phép, trong những thể thức tương tự.

Những khoản thu của ngân sách đô thị bao gồm tất cả những khoản thu địa phương đưa lên thành phố. Thuế cá nhân và thuế ruộng đất sẽ tiếp tục được coi như là ngân sách của Trung Kỳ. Những khoản thu chính của địa phương đã tồn tại được lấy từ phí dọn rác, tiền phạt bắt nhốt súc vật chạy rông, thuế lò mổ, thuế xe tay và các hạng xe chở thuê, thuế hiệu cầm đồ, các khoản thuế chợ và tất cả các khoản thu bất thường ở địa phương được Khâm sứ và Cơ mật viện chuẩn y. Sau này, nếu cần thiết, nó có thể được trích ra những khoản thuế phụ về nhà cửa và cả thuế môn bài đối với những nơi buôn bán chính.

Các khoản chi sẽ dành vào việc chiếu sáng, cảnh sát, đường sá, vệ sinh thành phố, giáo dục công cộng, y tế công cộng, gìn giữ các nghĩa trang, tóm lại là tất cả các dịch vụ phục vụ lợi ích đô thị. Việc xây dựng và việc duy trì các

công sở và chùa chiền sẽ do ngân sách đô thị đảm nhiệm. Trong trường hợp những khoản thu của ngân sách này không đủ, thì Khâm sứ sẽ giao các khoản trợ cấp cho các thành phố.

Khâm sứ sẽ cho biết những quy định về kế toán áp dụng trong các ngân sách đô thị. Chúng thần hy vọng việc tổ chức hợp thức này tại các thành phố chính của vương quốc chúng ta sẽ giúp chúng ta phát triển và người dân không phải chịu thêm các gánh nặng, những biện pháp mới sẽ đưa người dân vào thói quen nề nếp và sạch sẽ, là những điều không thể thiếu đối với một thành phố lớn thực sự thịnh vượng.

Hãy kính theo.

Ban bố bởi: NGUYỄN...

HOÀNG CAO...

NGUYỄN...

TRƯƠNG NHƯ...

HUỲNH...

(Ấn của Cơ mật viện)

Đã xem để chuẩn cho thi hành.

Huế, ngày 13.7.1899 (*ương lịch*)

Khâm sứ Trung Kỳ

BOULLOCHE

3. Nghị định ngày 30.8.1899 (dương lịch) về việc lập các đô thị

Le Gouverneur général de l'Indochine,

Vu le décret du 21 avril 1891;

Vu les ordonnances royales des 20 octobre 1898 et 12 juillet 1899, créant des centres et des budgets urbains en Annam;

Sur la proposition du Résident supérieur en Annam,

ARRÊTE:

Article premier. Sont rendues exécutoires en Annam les dispositions des ordonnances royales du 20 octobre 1898 et 12 juillet 1899.

Art.2. La comptabilité à appliquer aux budgets urbains sera réglée ultérieurement par un arrêté du Résident supérieur en Annam.

Ar.3. Le Résident supérieur en Annam est chargé de l'exécution du présent arrêté.

Saigon, le 30 août 1899.

Paul DOUMER.

Par le Gouverneur général:

Le Résident supérieur en Annam,

BOULLOCHE.

Toàn quyền Đông Dương,

Căn cứ sắc lệnh ngày 21.4.1891 (dương lịch);

Căn cứ các Dự chỉ ngày 20.10.1898 (dương lịch) và ngày 12.7.1899 (dương lịch) về việc thành lập các trung tâm và ngân sách đô thị ở Trung Kỳ;

Theo đề nghị của Khâm sứ Trung Kỳ,

NGHỊ ĐỊNH:

Khoản 1. Những điều quy định trong các Dự chỉ triều đình ngày 20.10.1898 (dương lịch) và ngày

12.7.1899 (dương lịch) trở nên có hiệu lực ở Trung Kỳ.

Khoản 2. Việc tính toán áp dụng vào việc thành lập các ngân sách đô thị sẽ được điều chỉnh sau này bằng một Nghị định của Khâm sứ Trung Kỳ.

Khoản 3. Khâm sứ Trung Kỳ có trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Sài Gòn, ngày 30.8.1899(dương lịch)

Paul DOUMER.

Thừa lệnh Toàn quyền:

Khâm sứ Trung Kỳ

BOULLOCHE

A necklace with small white beads and large, faceted, translucent grey pendants. The necklace is draped in a circular shape around the text.

TIN TỨC SỰ KIẾN

Sinh hoạt chuyên đề về Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh ở Hội An

Ngọc Hương

Nằm trong chương trình công tác năm 2015 của phòng Quản lý Di tích, vào sáng 02/7/2015, tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tổ chức buổi sinh hoạt chuyên đề về thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh ở Hội An, do thạc sĩ Phạm Phước Tịnh - chuyên viên phòng Quản lý Di tích báo cáo. Buổi sinh hoạt chuyên đề tập trung trao đổi, tiếp cận những vấn đề tổng quan về thiền phái Lâm tế Chúc Thánh ở Hội An như lịch sử hình thành và phát triển, những vị thiền sư nổi tiếng và những đóng góp của thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh với Đạo Pháp, Văn Hóa tại Hội An. Buổi sinh hoạt chuyên đề cũng đã gợi mở nhiều vấn đề lý thú cần nghiên cứu chuyên sâu về thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh tại Hội An trong thời gian đến♣

Phân bổ kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia Văn hóa năm 2015

Tuyết Ánh

Vừa qua, UBND thành phố Hội An đã ban hành Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 về phân bổ kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hoá năm 2015. Tổng số vốn được phân bổ đợt này là 800 triệu đồng để thanh quyết toán 02 công trình đã tu bổ năm 2012-2013 là di tích nhà số 132 Nguyễn Thái Học - phường Minh An, di tích đình Đế Võng - phường Cẩm Châu và triển khai tu bổ 01 công trình năm

2015 là di tích Tam quan chùa Bà Mụ - phường Minh An thuộc dự án Bảo tồn, tu bổ cấp thiết các di tích có nguy cơ sụp đổ trong khu phố cổ. Việc phân bổ vốn kịp thời tạo điều kiện thuận lợi hơn trong công tác quản lý, bảo tồn, phát huy di sản văn hóa Hội An trong thời gian đến♣

Bổ sung di tích lịch sử cách mạng Bến đò thôn 2, Cẩm Thanh - Hội An vào Danh mục Di tích Thành phố

Ngọc Hương

Ngày 09/7/2015, Ủy ban Nhân dân thành phố Hội An đã ban hành Thông báo số 274/TB-UBND về việc bổ sung di tích lịch sử cách mạng Bến đò thôn 2 (*nay là thôn Thanh Tam Đông*), xã Cẩm Thanh vào Danh mục di tích Lịch sử - Văn hóa Thành phố.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, Bến đò thôn 2, xã Cẩm Thanh là địa điểm quan trọng, giữ vai trò kết nối, tạo sự liên hoàn trên tuyến giao thông huyết mạch giữa Hội An và các địa phương lân cận; góp phần củng cố, bảo vệ lực lượng cách mạng Hội An và là nơi để các lực lượng hỗ trợ từ bên ngoài về tăng cường đánh địch, lập nhiều chiến công xuất sắc. Bên cạnh đó, Bến đò thôn 2 còn là nơi ghi dấu quá trình hoạt động cách mạng của nhiều thế hệ cán bộ, lực lượng vũ trang và nhân dân ta ở trong và ngoài Hội An; làm sinh động thêm giá trị độc đáo của căn cứ địa cách mạng Rừng dừa Bảy Mẫu. Việc bổ sung di tích Bến đò thôn 2 vào Danh mục

di tích Lịch sử - Văn hóa Thành phố nhằm có điều kiện thuận lợi để nghiên cứu, bổ sung vào bề dày truyền thống lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Hội An, qua đó làm cơ sở cho việc định hướng công tác quản lý, bảo tồn cũng như giáo dục truyền thống đấu tranh cách mạng cho thế hệ trẻ mai sau♣

Tham gia lớp tập huấn “Các Nghị định mới của Luật Xây dựng năm 2015”

Tuyết Ánh

Từ ngày 14-15/7/2015, Sở Xây dựng tỉnh Quảng Nam phối hợp với Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị thuộc Bộ Xây dựng đã mở lớp tập huấn “Các Nghị định mới của Luật Xây dựng năm 2015” tại thành phố Tam Kỳ cho đối tượng là cán bộ, chuyên viên của các UBND, Sở, ban ngành, Ban quản lý dự án và các cơ quan chuyên môn liên quan đến công tác xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Để kịp thời nắm bắt các văn bản mới liên quan, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã cử 06 đồng chí là cán bộ chuyên môn thuộc lĩnh vực đầu tư xây dựng tham gia khóa tập huấn trên. Khóa tập huấn đã giúp các cán bộ chuyên môn nắm bắt cụ thể hơn các Nghị định mới của Luật Xây dựng năm 2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình, quản lý dự án đầu tư, quản lý chi phí đầu tư và quản lý hợp đồng xây dựng để áp dụng hiệu quả trong công tác quản lý, tu bổ của đơn vị trong thời gian đến♣

Trung bày ảnh

“Đảng bộ Hội An - 85 năm, những chặng đường lịch sử”

Ngọc Trân

Nhằm chào mừng Đại hội Đảng bộ thành phố Hội An lần thứ XVII (nhiệm kỳ 2015-2020), thực hiện sự chỉ đạo của Thành ủy và Ủy ban Nhân dân thành phố Hội An, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tiến hành sưu tầm, tập hợp tư liệu, hình ảnh từ các đơn vị, cá nhân để tổ chức trưng bày với chủ đề “Đảng bộ Hội An - 85 năm, những chặng đường lịch sử”, từ ngày 22 đến ngày 30/7/2015, tại Thư viện Thanh Hóa - số 131 - Nguyễn Trường Tộ, thành phố Hội An.

Với hơn 80 tấm ảnh được chọn lựa trưng bày, Ban tổ chức đã giới thiệu đến đông đảo người dân và du khách một số hình ảnh nhằm khái quát về quá trình xây dựng và trưởng thành của Đảng bộ Hội An trong suốt 85 năm qua từ giai đoạn lãnh đạo nhân dân đánh đuổi kẻ thù xâm lược giành chính quyền đến công cuộc bảo vệ dựng xây đất nước, quê hương giàu đẹp trong giai đoạn hiện nay♣

Bàn giao mặt bằng thi công tu bổ di tích lăng Bà Bạch - xã Tân Hiệp thành phố Hội An

Trung Hưng

Lăng Bà Bạch là một trong những di tích tín ngưỡng quan trọng ở xã Tân Hiệp - thành phố Hội An. Trải qua thời gian dưới tác động bởi các yếu tố bất lợi của thời tiết nên di tích hiện đang xuống cấp nghiêm trọng.



Nhằm bảo tồn và phát huy tốt giá trị của di tích phục vụ phát triển du lịch ở Cù Lao Chàm, vừa qua UBND thành phố đã có chủ trương cho phép triển khai thi công tu bổ di tích này. Trên cơ sở đó, vào ngày 29/7/2015, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp với các ban ngành trên địa bàn thành phố, UBND xã Tân Hiệp đã tiến hành bàn giao mặt bằng thi công tu bổ, tôn tạo di tích cho đơn vị thi công. Tổng kinh phí tu bổ di tích được phê duyệt là 997.954.000 đồng, từ nguồn vốn ngân sách thành phố Hội An♣

Đón tiếp và làm việc với Trưởng Ban Văn hóa, Văn phòng UNESCO tại Hà Nội

Thanh Lương

Sáng ngày 30/7/2015, Ông Nguyễn Chí Trung - Giám đốc Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An có buổi tiếp đón và làm việc với bà Dương Bích Hạnh, Trưởng Ban Văn hóa thuộc Văn phòng UNESCO tại Hà Nội. Mục đích chuyến công tác lần này của bà là muốn nghe kết quả triển khai các nội dung công việc trong Kế hoạch quản lý và phát triển du lịch di sản văn hóa Hội An nằm trong khuôn khổ dự án “*Xây dựng chiến lược*

lồng ghép văn hóa và du lịch cho sự phát triển bền vững tỉnh Quảng Nam” do UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt năm 2011. Kế hoạch được xây dựng dựa theo phương pháp PUP (*phương pháp lập kế hoạch sử dụng công*) do Văn phòng UNESCO tại Hà Nội thực hiện. Sau khi nghe ông Nguyễn Chí Trung trao đổi, bà Dương Bích Hạnh đánh giá cao những nỗ lực và kết quả thực hiện một số hoạt động của kế hoạch trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ của Trung tâm, đồng thời tiếp thu và phản hồi những ý kiến đề xuất về khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện tại Hội An và hứa sẽ tiếp tục tìm kiếm các đối tác khác tài trợ một số hoạt động tại Hội An như Đề án Giáo dục di sản trong học đường, Chương trình “*Chúng em cùng nhau khám phá bảo tàng*”... do Trung tâm xây dựng♣

Tiếp đón và làm việc với ông Tim Doling (*quốc tịch Anh*) đến tìm hiểu và thu thập thông tin phục vụ biên soạn cuốn sách “*Khám phá Đà Nẵng và Hội An*”

Thanh Lương

Sáng ngày 03/8/2015, ông Nguyễn Chí Trung - Giám đốc Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An có buổi làm việc với ông Tim Doling (*quốc tịch Anh*) - là nhà văn, nhà sử học, nhà nghiên cứu và chuyên gia về lĩnh vực văn hóa - du lịch theo sự giới thiệu của Cục Hợp tác quốc tế thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Mục đích chuyến công tác tại Hội An của ông Tim Doling là tìm hiểu,



nghiên cứu và thu thập một số thông tin cần thiết về giá trị lịch sử - văn hóa của quần thể di tích kiến trúc Khu phố cổ Hội An, phục vụ việc biên soạn, in ấn cuốn sách “*Khám phá Đà Nẵng và Hội An*” dự kiến xuất bản vào cuối năm 2015. Được biết, ông Tim Doling cũng là tác giả của nhiều cuốn sách khám phá về Việt Nam như: Đường sắt và đường xe điện Việt Nam, Khám phá Thành phố Hồ Chí Minh (*Exploring Hồ Chí Minh City*) và nhiều cuốn sách hướng dẫn về vùng Tây Bắc và Đông Bắc của Việt Nam. Các ấn phẩm này đã được đông đảo du khách nước ngoài đón nhận, nghiên cứu và tìm hiểu♣

**Tổ chức khóa đào tạo
hướng dẫn viên di sản thế giới
tại Hội An - năm 2015**

Ngọc Hương

Nằm trong dự án “*Tăng cường kỹ năng làm việc thúc đẩy thương mại theo Chiến lược Đào tạo của G20*” do Tổ chức Lao động Quốc tế gọi tắt là ILO, từ ngày 04 - 08/8/2015, tại Khách sạn Mường Thanh - Phường Cửa Đại - Hội An, Sở Văn hóa, Thể



thao và Du lịch tỉnh Quảng Nam phối hợp với Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và Tổ chức UNESCO đã tổ chức khóa đào tạo và cấp chứng chỉ hướng dẫn viên di sản thế giới cho các đối tượng là hướng dẫn viên, thuyết minh viên, cán bộ quản lý tại điểm di sản, hướng dẫn viên của các công ty du lịch trong Tỉnh. Với mục tiêu là trang bị cho các hướng dẫn viên di sản những kiến thức sẽ giúp họ, bằng việc làm của mình, đóng góp vào việc bảo vệ tốt hơn các khu di sản và phát triển cộng đồng. Đồng thời xây dựng hệ thống đào tạo cấp chứng chỉ bắt buộc cho hướng dẫn viên di sản tại các tỉnh miền Trung, từng bước xây dựng hệ thống này tại Việt Nam hướng tới mục tiêu phát triển bền vững tại các khu di sản. Tham gia khóa đào tạo có 18 học viên cùng với sự giảng dạy của các giảng viên đầu ngành trong lĩnh vực đào tạo hướng dẫn viên, bên cạnh đó còn có các chuyên gia trong lĩnh vực văn hóa, du lịch của địa phương; các đào tạo viên được đào tạo trong khóa giảng viên nguồn về hướng dẫn di sản tại tỉnh Thừa Thiên Huế trong tháng 7 vừa qua♣

Phối hợp tổ chức tọa đàm về vai trò và đóng góp của Nhật Bản đối với công tác bảo tồn di sản Hội An

Thanh Lương



Được sự cho phép của UBND thành phố Hội An, trong 2 ngày 5 và 6 tháng 8 năm 2015, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã phối hợp với trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội và trường Đại học Quốc gia Singapore tổ chức tọa đàm về vai trò và những đóng góp của Nhật Bản đối với công tác bảo tồn di sản văn hóa ở Hội An. Tham dự tọa đàm lần này có các giáo sư, giảng viên và sinh viên của các trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, trường Đại học Quốc gia Singapore và trường Đại học Phan Chu Trinh ở Hội An. Các thành viên tham dự tọa đàm được nghe các bài tham luận về các chủ đề: Những đóng góp của Nhật Bản trong công tác bảo tồn di sản tại Hội An; Vai trò của Nhật Bản trong lịch sử Đông Nam Á; Vai trò của Hội An trong hệ thống giao thương trên biển, giới thiệu những nét văn hóa về lễ hội, thời trang, ẩm thực, sự ảnh hưởng của kinh doanh của Nhật Bản tại đất nước Singapore; Vai trò của Nhật Bản và sự đóng góp của thế hệ

trẻ đối với sự phát triển của cộng đồng ASEAN... Các bài tham luận đã được các thành viên tham dự thảo luận, trao đổi hết sức sôi nổi, làm sáng tỏ nhiều thông tin mới về lịch sử giao thương giữa Hội An với Nhật Bản trong lịch sử. Ngoài các hoạt động tại hội trường, các sinh viên của các trường đại học còn được tham quan khu phố cổ Hội An♣

Lễ vía Quan Thánh Đế Quân tại Quan Công miếu

Thị Tuấn



Quan Công miếu còn gọi là Trưng Hán cung hay chùa Ông, tọa lạc tại số 24 Trần Phú thuộc trong Khu phố cổ Hội An. Miếu thờ Quan Công, một vị tướng tài ba thời Tam Quốc trong lịch sử Trung Quốc, biểu tượng cho đức độ và trung tín, phối thờ có 2 bộ tướng Quan Bình và Châu Thương, ngựa Bạch Mã và Xích Thố.

Quan Công miếu là một trong những trung tâm tín ngưỡng quan trọng ở Hội An của người dân phố Hội nói chung và bà con làm nghề buôn bán, dịch vụ nói riêng. Ngoài lễ Nguyên Tiêu vào tháng Giêng âm lịch với hàng ngàn người đến xin lộc, cầu

may mắn và sức khỏe đầu năm, vào ngày lễ vía Quan Công - Quan Thánh Đế Quân - 24/6 âm lịch cũng thu hút đông đảo người dân, du khách các nơi đến dâng hương, lễ bái.

Lễ vía Quan Thánh Đế Quân năm nay đúng vào dịp nghỉ ngày thứ Bảy, tiết trời mát mẻ nên đã thu hút nhiều người dân và du khách đến tham dự, dâng hương cầu làm ăn phát đạt, bình an. Lễ được tổ chức trang trọng theo nghi thức truyền thống với các chánh tế, bồi tế, đội gia lễ và nhạc bát âm cổ truyền♣

Tiếp đón Cố vấn cao cấp JICA và tình nguyện viên JICA mới đến làm việc tại Hội An

Thanh Lương



Chiều ngày 11/8/2015, ông Nguyễn Văn Dũng - Chủ tịch UBND thành phố Hội An và ông Phạm Phú Ngọc - Phó Giám đốc Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã có buổi tiếp đón làm việc với đoàn Cố vấn cao cấp JICA gồm có bà Yamaguchi Rika, sẽ miễn nhiệm về nước trong tháng 8/2015 và ông Ohi Toshiaki, mới vừa được bổ nhiệm nhiệm kỳ mới.

Mục đích chuyến công tác của đoàn Cố vấn cao cấp JICA là chào xã giao, giới thiệu cố vấn mới và tình nguyện viên mới đến công tác tại Hội An là Chikawa Sawako, Thạc sĩ Khảo cổ học đến tham gia giúp đỡ các hoạt động bảo tồn di sản văn hóa tại Hội An trong 2 năm đến.

Trong buổi làm việc, UBND thành phố Hội An đã trao tặng giấy khen cho Bà Yamaguchi Rika nhằm ghi nhận những đóng góp tích cực của bà đối với sự nghiệp bảo tồn di sản văn hóa Hội An trong nhiệm kỳ của mình tại cơ quan JICA Hà Nội ♣

Tập huấn chương trình “Giáo dục di sản trong học đường”

Thị Tuấn

Nhằm triển khai việc sử dụng di sản văn hóa trong dạy học ở các trường tại thành phố Hội An, từ ngày 13-15/8/2015 Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tổ chức tập huấn chương trình về “Giáo dục di sản trong học đường”. Lớp tập huấn do Thạc sĩ Phạm Kim Ngân - thuộc Trung tâm Nghiên cứu và Phát huy Giá trị Di sản tại Hà Nội phụ trách với sự tham gia của một số giáo viên của Phòng



Giáo dục & Đào tạo và cán bộ của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An. Mục đích của lớp tập huấn lần này là trang bị những kỹ năng, phương pháp để xây dựng bộ tài liệu giảng dạy cho học sinh lớp 1 và lớp 6 tại bảo tàng Văn hóa Dân gian và di tích Chùa Cầu. Việc liên kết giữa giáo viên các trường học và cán bộ Trung tâm là bước quan trọng trong việc xây dựng bộ tài liệu chuẩn kiến thức, kỹ năng để tích hợp di sản vào chương trình giáo dục trong nhà trường. Tài liệu này giúp học sinh có thể hiểu biết ban đầu về di sản văn hóa, tạo cho các em những tình cảm gắn bó với di sản ở địa phương, khuyến khích việc tự học, tự khám phá và bước đầu hình thành ý thức gìn giữ và phát huy giá trị các di sản quý báu của cha ông♣

**Tham dự tọa đàm khoa học
“Còn là Tinh Anh” kỷ niệm 10 năm
ngày mất GS. Trần Quốc Vượng**

Hồng Việt

Kỷ niệm 10 năm ngày mất GS. Trần Quốc Vượng, khoa Lịch sử thuộc trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn - Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức tọa đàm khoa học với chủ đề



“Còn là Tinh Anh” vào ngày 17/8 vừa qua. Có hơn 40 bài tham luận của các nhà khoa học hàng đầu trong nước và một số chuyên gia quốc tế tập trung về những đóng góp xuất sắc của GS. Trần Quốc Vượng trong lĩnh vực khoa học xã hội, đặc biệt là lịch sử, khảo cổ học, văn hóa học,... ở Việt Nam và quốc tế. Báo cáo tham luận của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tại buổi tọa đàm với tiêu đề “Giáo sư Trần Quốc Vượng với Hội An” được chuyển tải sinh động dưới hình thức phim tư liệu đã nêu bật những tình cảm, đóng góp của giáo sư trong việc nhận diện bức tranh lịch sử văn hóa Hội An, góp phần để Khu phố cổ Hội An được công nhận là Di sản văn hóa thế giới vào năm 1999, Cù Lao Chàm - Hội An được công nhận là Khu Dự trữ Sinh quyển Thế giới vào năm 2009♣

**Tiếp đón và làm việc với đoàn cán
bộ lãnh đạo trẻ Bộ Nội vụ Hàn Quốc
đến tham quan và học hỏi kinh
nghiệm quản lý và bảo tồn
di sản Hội An**

Thanh Lương

Đoàn cán bộ lãnh đạo trẻ Bộ Nội vụ Hàn Quốc vừa có chuyến tham quan Hội An vào ngày 14 tháng 8 năm 2015 theo thư giới thiệu của Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam. Tiếp đón và làm việc với đoàn có Ông Phạm Phú Ngọc - Phó Giám đốc Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An. Mục đích của chuyến công tác của đoàn lần này tại Hội An là để tham quan khu di sản văn hóa Hội An, trao đổi và học hỏi những

kinh nghiệm trong công tác quản lý và bảo tồn di sản văn hóa tại địa phương. Đây là một trong những hoạt động nằm trong chương trình đào tạo nghiệp vụ quản lý cho cán bộ lãnh đạo trẻ của Bộ Nội vụ Hàn Quốc. Trong buổi làm việc, các thành viên trong đoàn cũng đã trao đổi, thảo luận thêm về biện pháp nhằm giải quyết hài hòa giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản, mối quan hệ chỉ đạo từ Trung ương đến địa phương liên quan đến công tác bảo tồn di sản, việc thiết lập mạng lưới cộng tác giữa các khu di sản thế giới trong nước cũng như với các tổ chức quốc tế,... Qua buổi trao đổi, đoàn đánh giá cao những kết quả đạt được của địa phương trong lĩnh vực này và xem đây là những kinh nghiệm quý giá mà đoàn cần học hỏi, áp dụng cho công tác quản lý các khu di sản thế giới tại Hàn Quốc - đặc biệt là những khu di sản sống như trường hợp của di sản Hội An♣

**Một số hoạt động kỷ niệm 70 năm
ngày thành lập Ngành Văn hóa -
Thông tin (28/8/1945 - 28/8/2015)**

Hồng Việt

Ngày 28/8/1945, trong tuyên cáo của Chính phủ lâm thời Nước Việt



Nam Dân chủ cộng hòa, Bộ Thông tin - Tuyên truyền được thành lập. Và ngày này hằng năm đã trở thành ngày truyền thống của ngành Văn hóa - Thông tin. Ở Hội An, trong 70 năm qua, ngành Văn hóa - Thông tin có nhiều đóng góp quan trọng trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Kỷ niệm 70 năm thành lập ngành Văn hóa - Thông tin, hướng đến kỷ niệm 70 năm Cách mạng Tháng Tám và chào mừng Quốc khánh 2/9, chào mừng Đại hội Đảng bộ thành phố Hội An lần XVIII thành công, chiều ngày 24/8/2015, tại hội trường Quảng trường Sông Hoài, các cơ quan ngành Văn hóa - Thông tin ở Hội An đã long trọng tổ chức lễ kỷ niệm ngày thành lập ngành. Tham dự lễ kỷ niệm có đồng chí Trần Ánh - Phó Bí thư thường trực thành ủy Hội An, đồng chí Nguyễn Văn Dũng - Chủ tịch UBND thành phố Hội An, đồng chí Lê Chơ - Chủ tịch UBMTTQVN thành phố Hội An, các đồng chí lãnh đạo, nguyên là lãnh đạo các ban của Thành ủy, UBND thành phố, các đồng chí đã nghỉ hưu cùng toàn thể cán bộ, viên chức và lao động đang làm việc trong ngành văn hóa - thông tin ở Hội An.

Trong buổi lễ kỷ niệm, thay mặt ngành Văn hóa Thông tin Thành phố, đồng chí Nguyễn Văn Lãnh - Trưởng phòng Văn hóa Thông tin đã báo cáo ôn lại truyền thống của ngành, những thành tựu mà ngành đã đạt được trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc ở Hội An trong 70 năm qua. Phát biểu tại buổi lễ, đồng chí Nguyễn Văn Dũng đã biểu dương những kết quả mà ngành Văn hóa Thông tin thành phố

đạt được trong thời gian qua, đồng thời chỉ đạo, định hướng một số nhiệm vụ quan trọng phải thực hiện trong thời gian tới.

Bên cạnh lễ kỷ niệm, các cơ quan ngành Văn hóa - Thông tin còn tổ chức sinh hoạt truyền thống, lễ viếng nghĩa trang liệt sỹ, thăm viếng gia đình các đồng chí lãnh đạo và cán bộ viên chức trong ngành đã từ trần, đau ốm nặng, giao lưu thể thao với các nội dung như thi đấu bóng chuyền, cầu lông, bi lắc.

Những hoạt động kỷ niệm kỷ niệm 70 năm qua, ngành Văn hóa - Thông tin cũng là dịp để các thể hệ cán bộ, công chức, viên chức của ngành Văn hóa - Thông tin ở Hội An gặp gỡ biểu dương những thành tích, công lao đóng góp của ngành, đồng thời động viên nhau thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ trong giai đoạn mới♣

Lễ động thổ xây dựng cầu dân sinh Cẩm Kim

Hồng Việt

Sáng ngày 25/8/2015, tại cồn Bà Mau - xã Cẩm Kim, UBND thành phố Hội An đã long trọng tổ chức lễ động thổ xây dựng cầu dân sinh Cẩm Kim nối xã Cẩm Kim với phường Cẩm Phô, thành phố Hội An. Tham dự buổi lễ có đồng chí Nguyễn Sự - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, chủ tịch HĐND thành phố Hội An, Bí thư Thành ủy Hội An - đồng chí Kiều Cư và Chủ tịch UBND thành phố Hội An - đồng chí Nguyễn Văn Dũng, lãnh đạo Đảng ủy, UBND, UBMTTQVN xã Cẩm Kim cùng đông đảo bà con nhân dân trong xã.



Cầu dân sinh cẩm Kim có chiều dài 620,7m, gồm 2 cầu, cầu số 1 dài 272m và cầu số 2 dài 31m, được nối với nhau bằng đường bê tông nông thôn dài 317,7m. Cầu thiết kế 1 làn xe, mặt cầu rộng 3m, khổ rộng thông thuyền 40m cao 7m, tải trọng thiết kế xe là 3 tấn.

Tổng mức đầu tư công trình được UBND tỉnh phê duyệt là 32,5 tỷ đồng, trong đó ngân sách tỉnh Quảng Nam hỗ trợ là 60%, ngân sách Thành phố Hội An đối ứng 40%

Việc xây dựng cầu dân sinh Cẩm Kim không chỉ tạo điều kiện thuận lợi trong việc đi lại của bà con nhân dân trong xã và khu vực lân cận mà còn góp phần để xã Cẩm Kim phát triển mạnh mẽ hơn về kinh tế, văn hóa xã hội trong thời gian đến♣

Đài Truyền hình Việt Nam (VTV) làm phóng sự tại Hội An

Hoàng Phúc

Từ ngày 25 đến ngày 28/8/2015, các phóng viên Đài truyền hình Việt Nam (VTV) đã tiến hành thực hiện phim phóng sự về những đóng góp của ông Nguyễn Sự đối với Hội An. Trong quá trình thực hiện,



đoàn làm phim đã phỏng vấn ghi hình tại Nhà thờ tộc Nguyễn Tường, nhà số 117 Trần Phú, các tuyến phố trong Khu phố cổ, làng rau Trà Quế, xã đảo Tân Hiệp... Đoàn làm phim cũng thực hiện phỏng vấn ông Nguyễn Sự và một số lãnh đạo Thành phố. Trong 21 năm nắm giữ các chức danh chủ chốt của Hội An từ Chủ tịch thị xã đến Bí thư (từ năm 1994 đến năm 2015), ông Nguyễn Sự đã có những đóng góp to lớn và đậm nét với khu phố cổ Hội An. Ông đã có nhiều chủ trương, chính sách phù hợp, được người dân đồng tình ủng hộ như: thực hiện phố đi bộ, Đêm phố cổ, chấn chỉnh việc kinh doanh buôn bán trong khu phố cổ; thực hiện phong trào nói không với túi nilông ở xã đảo Tân Hiệp, hỗ trợ xây dựng công trình phụ cho các hộ dân nơi đây... Nhờ có những chủ trương, chính sách đúng đắn này mà Hội An đã có những chuyển biến tích cực, đời sống người dân ngày càng được cải thiện và nâng cao♣

“Hội hoa đăng - báo hiếu” Hội An năm 2015

Hồng Việt



Mừng 70 Quốc khánh Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945-02/9/2015) và nhân lễ Vu Lan năm Ất Mùi, Thành phố Hội An đã phối hợp với Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Hội An tổ chức “Hội hoa đăng - Báo hiếu” vào tối ngày 27/8/2015 tại vườn tượng An Hội bên bờ sông Hoài.

Tham dự “Hội hoa đăng - báo hiếu” có lãnh đạo thành phố Hội An, Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Hội An, đại diện Mẹ Việt Nam anh hùng cùng đông đảo bà con Phật tử trên địa bàn thành phố Hội An.

Ngoài phần văn nghệ với những tiết mục đặc sắc còn có nhiều hoạt động có ý nghĩa sâu sắc như Lễ phóng sanh - đăng, bông hồng cài áo,...

“Hội hoa đăng - báo hiếu” là một trong những hoạt động nhằm tôn vinh những giá trị văn hóa nhân văn của Phật giáo, đồng thời cũng tăng cường tinh thần đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn thành phố Hội An♣

Một số hoạt động trong sự kiện “Giao lưu văn hoá Hội An - Nhật Bản lần thứ 13, năm 2015”

Sự kiện giao lưu văn hóa Hội An - Nhật Bản lần thứ 13, năm 2015 diễn ra trong các ngày từ 28-30/8/2015 với nhiều hoạt động được phía Nhật Bản và UBND thành phố Hội An phối hợp tổ chức với sự tham gia của đông đảo bà con nhân dân Hội An và du khách quốc tế, đặc biệt là du khách Nhật Bản. Đây là dịp để các bên giới thiệu, quảng bá di sản văn hóa của mình, đồng thời qua đó gắn kết hơn mối quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa Hội An và Nhật Bản vốn có từ nhiều trăm năm trước.



Hoạt động trò chơi gấp lá dừa truyền thống

Lệ Xuân

Trong sự kiện “Giao lưu văn hoá Hội An - Nhật Bản lần thứ 13, năm 2015”, UBND thành phố Hội An giao Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hoá Hội An tổ chức trò chơi “Gấp lá dừa truyền thống” dành cho các em thiếu nhi trên địa bàn Thành phố và du khách tham gia.



Hoạt động này đã diễn ra từ lúc 9h00 - 11h00 các ngày 28, 29 và 30/8/2015, tại vườn tượng An Hội - Hội An, do các đoàn viên Chi đoàn Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hoá Hội An chủ trì tổ chức giới thiệu, hướng dẫn cho các em học sinh và du khách về kỹ thuật gấp một số vật dụng, con vật gần gũi, thân quen như con châu chấu, đồng hồ, mắt kính, bông hoa,... bằng một loại nguyên liệu tự nhiên sẵn có tại địa phương, đó là lá dừa gạo và dừa nước.

Đây là một trong những hoạt động có ý nghĩa, nhằm giới thiệu cho các em một trò chơi dân gian của địa phương, qua đó nhằm giữ gìn phổ biến trò chơi đặc sắc này để các em có thể chơi trong những lúc rảnh rỗi hoặc sau những giờ học mệt mỏi. Hoạt động đã thu hút trên 300 học sinh tại một số trường THCS trên địa bàn Thành phố cũng như một số du khách hưởng ứng tham gia♣

Lớp học trà đạo

Lệ Xuân

Một trong những hoạt động xuyên suốt trong các sự kiện “Giao lưu văn hoá Hội An - Nhật Bản”, mà phía Nhật Bản muốn giới thiệu với bạn



bề khắp nơi, đó là “Trà đạo”. Đây là một loại hình nghệ thuật thưởng thức trà trong văn hoá Nhật Bản. Trong sự kiện “*Giao lưu văn hoá Hội An - Nhật Bản, lần thứ 13*” năm nay, phía Nhật Bản tổ chức lớp học trà đạo, cụ thể là hướng dẫn cách pha và thưởng thức trà Matcha, một loại trà truyền thống của Nhật Bản.

Lớp học trà đạo đã được các bạn Nhật Bản tổ chức hướng dẫn tại quán café Duck - số 59 đường Nguyễn Phúc Chu, vào khoảng thời gian 10h00 - 11h00, 13h00 - 14h00, 15h00 - 16h00 ngày 30/8/2015, đã thu hút nhiều bạn trẻ tham gia, kể cả giới trẻ Nhật Bản. Tại lớp học, những người tham gia được hướng dẫn những nguyên tắc khi pha trà và cách thưởng thức trà Matcha. Đây là một loại bột trà xanh được tán mịn, trước khi pha trà phải làm ấm chén trà bằng nước sôi, sau đó cho khoảng một muỗng rưỡi bột trà xanh vào, rót vào khoảng nửa gáo nước sôi, rồi dùng dụng cụ khuấy trà “*Chasen*” để đánh tan bột trà. Trước khi thưởng thức trà, thường phải dùng một loại bánh ngọt thì mới cảm nhận được hương vị đặc trưng của trà Matcha♣

Trò chơi đẩy gậy

Thị Tình



Nằm trong chuỗi các hoạt động Giao lưu văn hóa Hội An - Nhật Bản lần thứ XIII - 2015 diễn ra từ ngày 28 - 30/8/2015 tại thành phố Hội An, trò chơi thi đẩy gậy diễn ra tại đường Châu Thượng Văn đã thu hút được khá nhiều bạn trẻ nam, nữ, các em nhỏ cùng tham gia. Hoạt động đã diễn ra trong không khí vui tươi, nhộn nhịp, những trận đấu diễn ra đầy gay cấn, đẹp mắt thu hút lượng lớn khán giả đến dự xem, cổ vũ. Đây không chỉ là hoạt động thể hiện sự giao lưu văn hóa giữa người dân Hội An - Nhật Bản mà còn là sân chơi cho tất cả du khách thập phương khi đến tham quan Hội An trong dịp lễ hội này♣

Trung bày ảnh “12 năm giao lưu, hợp tác Hội An - Nhật Bản, một chặng đường”

Ngọc Trân

Thực hiện sự chỉ đạo của Ủy ban Nhân dân thành phố Hội An, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tiến hành sưu tầm, tập hợp tư liệu, hình ảnh từ các đơn vị, cá nhân để tổ chức trưng bày ảnh với chủ đề

“12 năm giao lưu, hợp tác Hội An - Nhật Bản, một chặng đường”, từ ngày 28 đến ngày 30/8/2015, tại Khu vườn tượng An Hội, thành phố Hội An.

Với hơn 60 tấm ảnh được chọn lựa trưng bày, triển lãm đã mô tả khái quát được một số hoạt động qua 12 năm tổ chức, qua đó người xem có thể có thể hiểu hơn về mối quan hệ giao lưu văn hóa giữa Hội An và Nhật Bản cũng như những di sản, nét văn hóa đặc sắc của mỗi bên. Qua những lần tổ chức sự kiện “Giao lưu văn hóa Hội An - Nhật Bản”, người dân Nhật Bản và Hội An có điều kiện để trao đổi kinh nghiệm bảo tồn di sản văn hóa, bảo vệ môi trường, giao lưu, trao đổi văn hóa, phát triển kinh tế, qua đó tăng cường hiểu biết lẫn nhau, thắt chặt quan hệ hợp tác hữu nghị bền vững và thắm tình đoàn kết♣

Đua thuyền ngang Hội An - Nhật Bản - Du khách

Hồng Việt

Một trong những hoạt động sôi nổi và hào hứng nhất trong sự kiện Giao lưu văn hóa Hội An - Nhật Bản lần thứ 13, năm 2015 là hội đua thuyền



ngang Hội An - Nhật Bản - Du khách. Hội đua thuyền ngang này được tổ chức vào sáng ngày 29/8 trên sông Hoài hiền hòa đoạn phía đông cầu An Hội.

Tham gia tranh tài trong hội đua thuyền có các thuyền đua đến từ các xã/phường trên địa bàn thành phố Hội An như Minh An, Cẩm Châu, Cẩm Kim, Cẩm An, Cửa Đại, Cửa Đại, Thanh Hà, Cẩm Nam, thuyền Nhật Bản và thuyền của du khách đang tham quan, lưu trú tại Hội An.

Giải đua thuyền diễn ra sôi nổi, hào hứng và cũng hết sức gây căng với những giây phút tranh tài quyết liệt giữa các đội trên đường đua trong sự cổ vũ nhiệt tình của đông đảo bà con nhân dân và du khách. Giải đua này cũng là một trong những hoạt động giao lưu gắn kết tình hữu nghị giữa Hội An, Nhật Bản và du khách♣

Đoàn nghiên cứu trang phục truyền thống Hội An do trường Đại học Nữ Chiêu Hòa - Nhật Bản và Trường Đại học Khoa học, Xã hội và Nhân văn Hà Nội đến tìm hiểu và nghiên cứu tại Hội An

Ngọc Hương

Từ ngày 27-31/8/2015, Đoàn nghiên cứu do Giáo sư Shimomura Kumiko, trường Đại học Nữ Chiêu Hòa - Nhật Bản cùng 5 cộng sự đang nghiên cứu tại Việt Nam theo chương trình hợp tác với trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội đã tiến



hành điều tra khảo sát, nghiên cứu về trang phục truyền thống tại Hội An. Trong đợt khảo sát nghiên cứu tại Hội An lần này, Đoàn đã tìm hiểu về hình dáng trang phục, chất liệu, phương pháp nhuộm màu, màu sắc... những ảnh hưởng của văn hóa Bắc Bộ và Nam Bộ cũng như những thay đổi trong hình thức trang phục truyền thống của Hội An qua các thời kỳ. Cũng trong đợt này đoàn đã tổ chức cuộc Tọa đàm về trang phục truyền thống ở Hội An. Tại buổi tọa đàm đoàn đã có báo cáo quá trình điều tra nghiên cứu về trang phục truyền thống ở Hội An qua 3 năm nghiên cứu, thu hút đông đảo các nhà nghiên cứu, những nghệ nhân, các vị cao niên làm nghề may hoặc đã từng mặc những trang phục truyền thống Hội An tham gia. Đợt khảo sát lần này đoàn đã tiến hành điều tra, khảo sát không chỉ bó gọn trong Khu phố cổ mà cả các xã, phường lân cận, thu nhận nhiều thông tin quan trọng nhằm bổ sung và xác minh rõ hơn các vấn đề còn chưa rõ trong lần khảo sát năm 2013, 2014. Được biết đoàn sẽ tiếp tục có chuyến công tác điều tra tại Hội An vào năm 2016♣

Mít tinh “Vì môi trường xanh Quốc Gia năm 2015” tại An Bàng-Hội An

Tú Anh

Chương trình “Vì môi trường xanh Quốc Gia năm 2015” với chủ đề “Phát triển du lịch gắn với bảo vệ môi trường biển” nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm đối với các doanh nghiệp, cộng đồng về việc phát triển du lịch gắn với bảo vệ môi trường ven biển; phát động các cơ quan, đoàn thể, doanh nghiệp và cộng đồng cùng chung tay trong việc giữ gìn môi trường biển; hành động vì môi trường xanh - sạch - đẹp tại các điểm du lịch trong cả nước nói chung và đã được khởi động đầu tiên tại Cát Bà - Hải Phòng.

Với mong muốn chung tay cùng cả nước trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên, môi trường biển, đồng thời đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, các hoạt động thiết thực nhằm xây dựng thành phố Hội An trở thành thành phố biển xanh, sáng ngày 29/8/2015, tại bãi biển An Bàng, UBND thành phố Hội An đã phối hợp với Ủy ban Khoa học Công nghệ và Môi trường Quốc hội, Bộ Tài nguyên - Môi trường, Bộ Văn



hóa Thể thao và Du lịch, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam, Tạp chí Thực phẩm & Sức khỏe tổ chức lễ mít tinh “*Vì môi trường xanh Quốc Gia năm 2015*”. Chương trình “*Vì Môi trường xanh Quốc gia năm 2015*”. Ngoài lễ mít tinh còn có hoạt động khác như triển lãm tranh, ảnh về môi trường, hệ sinh thái biển; Tổ chức điều hành xe đạp; Ra quân dọn vệ sinh tại bãi biển An Bàng và Cửa Đại♣

**Khai trương không gian
trưng bày mới Bảo tàng Lịch sử -
Văn hóa Hội An**

Lê Thị Tuấn



Bảo tàng Lịch sử - Văn hóa Hội An được khai trương vào ngày 10/11/1989 tại di tích chùa Quan Âm - số 07 Nguyễn Huệ. Bảo tàng giới thiệu về lịch sử - Văn hóa Hội An qua các thời kỳ từ Tiền sơ sử - Champa - Đại Việt và Đại Nam. Trong suốt 26 năm qua, Bảo tàng đã góp phần quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Hội An cũng như đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu của đông đảo nhân dân và du khách xa gần.

Nhằm phục hồi không gian văn hóa của di tích chùa Quan Âm, được sự thống nhất của UBND thành phố Hội An, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã chuyển toàn bộ tư liệu hình ảnh, hiện vật Bảo tàng Lịch sử Văn hóa Hội An về trưng bày tại tầng 2 của Bảo tàng Hội An với hình thức và nội dung trưng bày hấp dẫn tạo điều kiện thuận lợi hơn trong quá trình tham quan, tìm hiểu của du khách và nhân dân. Đặc biệt, tại không gian trưng bày mới này được bổ sung thêm mảng chủ đề về chủ quyền biển đảo của Việt Nam qua hệ thống bản đồ tư liệu.

Không gian trưng bày mới Bảo tàng Lịch sử - Văn hóa Hội An được khai trương, đón khách tham quan vào chiều ngày 4/9/2015. Thời gian mở cửa các ngày trong tuần, buổi sáng từ 7h - 11h30, buổi chiều từ 13h30 - 17h♣

**Bàn giao mặt bằng
tu sửa cấp thiết di tích chùa Quan
Âm tại số 07 Nguyễn Huệ**

Văn Quang

Chùa Quan Âm là di tích có giá trị cao về mặt lịch sử, văn hóa và khoa học nằm trong khu phố cổ Hội An, đã được Bộ Văn hóa xếp hạng di tích cấp quốc gia vào ngày 29/11/1991. Trải qua thời gian dưới tác động của điều kiện tự nhiên và quá trình sử dụng, di tích đã bị xuống cấp nghiêm trọng. Vì vậy, để bảo tồn và phục hồi các giá trị nguyên gốc của di tích, UBND tỉnh Quảng Nam đã có văn bản số 3570/UBND-VX ngày 12/8/2015 về việc tu sửa cấp thiết di tích và ngày



4/9/2015 Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản thỏa thuận phương án tu sửa cấp thiết. Trên cơ sở đó, căn cứ quy định tại Thông tư 18/2012/BVHTTDL ngày 28/12/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, ngày 9/9/2015, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An cùng một số ban ngành của tỉnh Quảng Nam và thành phố Hội An tiến hành bàn giao mặt bằng dự án tu sửa cấp thiết di tích chùa Quan Âm. Dự án này do UBND thành phố Hội An làm chủ đầu tư với tổ quản lý dự án gồm 5 thành viên do ông Hồ Xuân Ring - Phó Giám đốc Trung tâm Quản lý Di tích và Danh thắng Quảng Nam làm Tổ trưởng. Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách thành phố Hội An và tỉnh Quảng Nam♣

**Khai trương phòng trưng bày
di vật tàu đắm Cù Lao Chàm và tư
liệu lịch sử Hoàng Sa, Trường Sa -
biển đảo của Việt Nam**

Ngọc Trân

Thực hiện Kế hoạch số 3043/KH-UBND ngày 09/9/2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hội An về việc tổ chức khai trương Phòng trưng bày di vật tàu đắm Cù Lao Chàm và tư liệu lịch sử Hoàng Sa, Trường Sa - biển đảo của Việt Nam. Thời gian qua,



Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An cùng một số đơn vị liên quan của thành phố đã phối hợp với Trung tâm Di sản Văn hóa biển tiến hành tập hợp các hiện vật, tư liệu hình ảnh và chọn lựa được hơn 300 hiện vật gồm các loại của tàu đắm và một số bản đồ chủ quyền 2 quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam để trưng bày giới thiệu. Vào ngày 12/9, phòng trưng bày chính thức được khai trương tại nhà tránh trú bão xã Tân Hiệp ở thôn Cẩm. Thông qua việc khai trương Phòng trưng bày này nhằm giới thiệu cho nhân dân và du khách biết được những thông tin về đợt khai quật từ tàu đắm tại vùng biển Cù Lao Chàm và khẳng định 2 quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam; đồng thời tạo thêm điểm tham quan du lịch mới cho du khách khi đến với Cù Lao Chàm♣

**Thông nhất chủ trương tham gia dự
án “Đa dạng hoá sinh kế thông qua
du lịch di sản tại các bản làng nông
ngư nghiệp vùng sâu vùng xa”**

Tú Anh

Xét đề nghị của UBND thành phố Hội An về việc xin chủ trương tiếp nhận dự án “Đa dạng hoá sinh kế thông qua du lịch di sản tại các bản

làng nông ngư nghiệp vùng sâu vùng xa” do JICA tài trợ và thực hiện, ngày 10/9/2015, chủ tịch UBND tỉnh đã có ý kiến và ban hành công văn số 4059/UBND-KTTH về:

1. Thống nhất chủ trương tham gia dự án “*Đa dạng hoá sinh kế thông qua du lịch di sản tại các bản làng nông ngư nghiệp vùng sâu vùng xa*” do JICA tài trợ.

2. Giao UBND thành phố Hội An là cơ quan đầu mối của tỉnh chịu trách nhiệm phối hợp với Tổng Cục Du lịch, Trường đại học Nữ Chiêu Hoà, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn triển khai thực hiện các nội dung dự án theo kế hoạch. Đồng thời, báo cáo UBND Tỉnh về tình hình thực hiện và các vướng mắc trong quá trình triển khai dự án, chỉ đạo dự án đạt kết quả♣

Tham dự hội nghị Thông báo Khảo cổ học lần thứ 50 - năm 2015

Hồng Việt

Trong những ngày từ 17-19/9/2015, tại Trung tâm hội nghị khách sạn Hương Giang - thành phố Huế, Viện Khảo cổ học thuộc Viện Hàn lâm Khoa học - Xã hội Việt Nam phối hợp với Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế tổ chức Hội nghị Thông báo Khảo cổ học lần thứ 50 - năm 2015. Tham dự buổi khai mạc Hội nghị có lãnh đạo Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, lãnh đạo UBND tỉnh Thừa Thiên Huế cùng đông đảo các nhà nghiên cứu khảo cổ học trong và ngoài nước. Có hơn 350 bài thông báo những phát hiện mới về



khảo cổ học ở Việt Nam năm 2015 của các nhà nghiên cứu gửi đến Hội nghị thuộc các thời kỳ đồ đá, kim khí, lịch sử, Champa và Óc Eo. Bài báo cáo của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tại Hội nghị với tiêu đề “***30 năm Công tác khảo cổ học ở Hội An***” được chuyển tải sinh động dưới hình thức phim tư liệu đã khái quát những giai đoạn nghiên cứu, nêu bật những thành quả và đóng góp từ kết quả nghiên cứu khảo cổ học ở Hội An trong nghiên cứu, nhận diện bức tranh - diễn trình lịch sử - văn hóa của mảnh đất Quảng Nam nói riêng, miền Trung, Việt Nam nói chung♣

Đoàn Ban thường vụ Thành ủy Hội An khảo sát di tích trong Khu phố cổ Hội An

Hồng Việt

Sáng ngày 30/9 vừa qua, đoàn Ban Thường vụ Thành ủy Hội An do đồng chí Kiều Cư - Bí thư Thành ủy làm trưởng đoàn tiến hành khảo sát di tích trong khu phố cổ Hội An. Sau khi nghe lãnh đạo Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An báo cáo sơ bộ tình hình công tác quản lý, bảo tồn di tích trên địa bàn thành phố Hội An, công tác triển khai biện pháp ứng phó với bão lụt đối với các di tích, đặc biệt

là các di tích đang xuống cấp nặng, đoàn đã thực tế khảo sát các di tích đang xuống cấp nghiêm trọng trong khu phố cổ Hội An như di tích nhà số 07, 11/10, 77, 168 Trần Phú, nhà số 26, 30 Bạch Đằng, nhà số 14, 23 Nguyễn Thị Minh Khai. Qua thực tế khảo sát tình hình xuống cấp của di tích, lắng nghe ý kiến và nguyện vọng của chủ di tích, nắm bắt những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện thủ tục tu bổ di tích, Bí thư Thành ủy Kiều Cư đã kết luận chỉ đạo UBND Thành phố, các ngành chuyên môn và các địa phương phối hợp với chủ di tích tháo gỡ những khó khăn để tu bổ khẩn cấp những di tích xuống cấp nặng, đồng thời triển khai gấp các biện pháp nhằm bảo vệ tài sản và tính mạng của người dân sinh sống, kinh doanh trong các di tích đang xuống cấp trong mùa mưa bão năm nay♣

Triển khai công tác phòng chống bão lụt đối với di tích ở Hội An

Hồng Việt

Phòng chống bão lụt đối với các di tích là một trong các hoạt động của công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, giữ vai trò quan trọng trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích nói riêng, di sản văn hóa nói chung ở Hội An. Do vậy, nhằm hạn chế tối đa những thiệt hại đối với di tích dưới tác động của bão lụt, trong thời gian vừa qua, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã triển khai khảo sát tất cả các di tích trên địa bàn Thành phố. Qua khảo sát, Trung tâm đã lập danh sách các di tích có nguy cơ bị thiệt hại nặng bởi tác

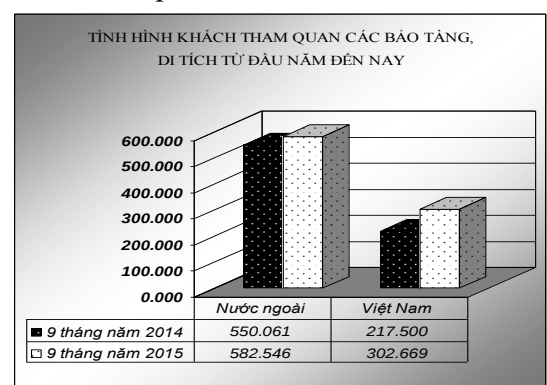
động của bão lụt, đồng thời cũng xây dựng kịch bản ứng phó khi có tình huống xấu diễn ra. Bên cạnh đó, Trung tâm cũng đã kiện toàn Ban chỉ huy phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên liên quan để triển khai thực hiện tốt công tác phòng chống bão lụt đối với di tích♣

Tình hình khách tham quan tại các Bảo tàng, Di tích từ đầu năm đến nay

Lệ Phương

Từ đầu năm đến nay, các điểm bảo tàng, di tích do Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An trực tiếp quản lý đã đón số lượng khách trong và ngoài nước đến tham quan, cụ thể như sau: Khách nước ngoài: 582.546 lượt, khách nội địa: 302.669 lượt khách

Như vậy, so với cùng kỳ năm ngoái, lượng khách tham quan các điểm bảo tàng, di tích do Trung tâm trực tiếp quản lý năm nay tăng hơn 117.654 lượt khách. Dự kiến từ nay đến cuối năm, các bảo tàng di tích sẽ đón khoảng 188.700 lượt khách nữa đến tham quan♣



BẠN

•

CẦN

BIẾT

VĂN BẢN PHÁP QUY

TRÍCH QUY CHẾ QUẢN LÝ, BẢO TỒN, SỬ DỤNG DI TÍCH KHU PHỐ CỔ HỘI AN

Quản lý Di tích

Ngày 23/6/2015, UBND thành phố Hội An có Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ban hành Quy chế quản lý, bảo tồn, sử dụng di tích khu phố cổ được điều chỉnh bổ sung trên cơ sở quy chế cùng tên ban hành năm 2006 tại Quyết định số 2337/2006/QĐ-UBND ngày 10/10/2006. Quy chế có 5 chương, 32 điều. Trong bản tin số 02 (30) - 2014, Ban Biên tập đã trích giới thiệu chương I đến chương II. Dưới đây, Ban biên tập Bản tin xin trích giới thiệu các chương còn lại của quy chế này để chúng ta cùng tham khảo.

Chương III

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG DI TÍCH TRONG KHU PHỐ CỔ

Điều 16. Ủy ban nhân dân thành phố Hội An thống nhất quản lý các di tích thuộc sở hữu toàn dân, công nhận và bảo vệ các hình thức sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân và các hình thức sở hữu hợp pháp khác về di tích, di sản văn hóa theo quy định của pháp luật không tách rời với quản lý nhà nước toàn diện trên địa bàn Thành phố.

1. Công tác quản lý Nhà nước trên địa bàn thành phố đối với các hoạt động bảo tồn Khu phố cổ Hội An bao gồm: Quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát hiện, kiểm kê, đăng ký, xác định loại hình và đề nghị Nhà nước công nhận di tích; quản lý việc lập và thực hiện các quy hoạch và kế hoạch về di tích; quy định cụ thể và quản lý việc thực hiện các quy định này về chế độ bảo quản, tu bổ, phục hồi và sử dụng di tích; ban hành các văn bản pháp quy theo thẩm quyền về di tích; thanh tra, kiểm tra các hoạt động trong lĩnh vực bảo tồn và trong các lĩnh vực khác có liên quan đến công tác này.

2. Phòng Văn hoá Thông tin là cơ quan quản lý ngành trên địa bàn thành phố có trách nhiệm giúp Ủy ban Nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về các hoạt động bảo tồn Di sản Văn hóa; chủ trì và phối hợp với Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn Hóa, Phòng Quản lý Đô thị cùng các cơ quan chức năng có liên quan khác của thành phố và Ủy ban Nhân dân các Phường có di tích để báo cáo, tham mưu giúp Ủy ban Nhân dân Thành phố những công việc thuộc về quản lý Nhà nước đối với các hoạt động bảo tồn Khu phố cổ Hội An.

Điều 17. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An là cơ quan chuyên môn, là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban Nhân dân Thành phố có trách nhiệm: chủ trì việc phối hợp với các cơ quan hữu quan, tiếp thu sự hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ của ngành dọc cấp tỉnh, Trung ương, sự chỉ đạo của Ủy ban Nhân dân Thành phố để đề xuất với các cơ quan lãnh đạo và các cơ quan hữu quan của Thành phố các ý kiến, kế hoạch, đề án, biện pháp thực hiện; trực tiếp thực hiện tất cả các nhiệm vụ trong

công tác bảo tồn Di sản Văn hóa ở địa phương nói chung, Khu phố cổ Hội An nói riêng.

Điều 18. Ủy ban Nhân dân các phường Minh An, phường Cẩm Phô, phường Sơn Phong, phường Cẩm Nam có trách nhiệm quản lý, bảo tồn, sử dụng các di tích trên địa bàn theo quy định của Pháp luật, theo quy chế này; đồng thời phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng chuyên môn gồm: Phòng Văn hoá Thông tin, Phòng Quản lý Đô thị, Đội Kiểm tra Quy tắc, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa giúp Ủy ban Nhân dân Thành phố bảo vệ tốt và sử dụng có hiệu quả di tích Khu phố cổ Hội An, thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy, giữ gìn cảnh quan môi trường, kiểm tra, giám sát, xử lý các hoạt động xây dựng trên địa bàn theo quy định của Quy chế phối hợp trong hoạt động quản lý trùng tu di tích, sửa chữa xây dựng nhà ở trong Khu phố cổ Hội An ban hành theo Quyết định số 01/2008/QĐ-UBND ngày 16/5/2008 của UBND thành phố Hội An.

Điều 19. Các chủ di tích, dù dưới bất cứ hình thức sở hữu nào, cũng đều phải có trách nhiệm quản lý, bảo vệ sử dụng di tích đúng với các quy định của quy chế này và chịu trách nhiệm trước tiên về mọi sự hư hỏng, sai lệch, giảm giá trị của di tích do mình sở hữu, sử dụng.

Điều 20. Các hoạt động nghiên cứu nhằm phát hiện, bảo vệ và phát huy di tích trong Khu phố cổ đều được khuyến khích, được tạo điều kiện thuận lợi trong phạm vi khả năng và trách nhiệm của Thành phố.

Tất cả các tiêu bản hiện vật, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, các tư liệu gốc, tài liệu gốc, hồ sơ khoa học về các di chỉ, di tích được tìm thấy hoặc thực hiện trong quá trình nghiên cứu phải được lưu lại và bảo quản chu đáo tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An.

Điều 21.

1. Thành phố khuyến khích các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội, các đơn vị kinh tế, các cá nhân trong và ngoài nước góp phần bảo quản, tu bổ, phục hồi các di tích trong Khu phố cổ Hội An.

2. Mọi hoạt động tiến hành trong các khu vực bảo vệ kể cả việc tu bổ, sửa chữa các di tích đều phải đảm bảo các biện pháp an toàn lao động, phòng cháy - chữa cháy; phải tuân thủ các quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh đô thị; đồng thời phải báo cáo các cơ quan chức năng và Ủy ban Nhân dân phường sở tại để được hướng dẫn thủ tục xin cấp phép cũng như theo dõi giám sát việc thực hiện (*trừ các trường hợp dậm, vác: mái, tường, nền; quét vôi truyền thống ở các khu vực II-A, II-B thì không phải xin phép*).

3. Nghiêm cấm việc làm hư hại, tiêu hủy, biến dạng di tích; việc chiếm giữ, sử dụng, chuyển nhượng sai quy định, mua bán trái phép và làm ảnh hưởng xấu, làm giảm giá trị các di tích, di vật trong khu phố cổ Hội An.

Điều 22.

1. Mọi hoạt động nghiên cứu, bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích và khảo cổ trên địa bàn các khu vực bảo vệ khu phố cổ Hội An đã được các cơ quan có thẩm quyền của cấp trên cho phép đều phải

thông báo bằng văn bản cho Ủy ban Nhân dân Thành phố trước khi tiến hành; nếu thấy có điều gì không phù hợp với pháp luật, hoặc có khả năng tác hại đến di tích, Ủy ban Nhân dân Thành phố được quyền yêu cầu tạm ngừng để báo cáo bằng văn bản với cấp trên đã cho phép cho tới khi có văn bản phản hồi của cơ quan cấp trên đó; trong trường hợp chưa được cơ quan cấp trên nào cho phép thì phải được Ủy ban Nhân dân Thành phố cho phép hoặc báo cáo cấp trên cho phép mới được tiến hành.

2. Trách nhiệm quản lý Nhà nước của Ủy ban Nhân dân Thành phố áp dụng tại khoản 1 của điều này cũng được áp dụng đối với mọi hoạt động xây dựng, phá dỡ công trình trong các khu bảo vệ di tích, *(trừ việc sửa chữa nhỏ nhà ở, công trình phụ trong khu vực II-A, II-B)*.

3. Trường hợp cần thiết, đối với các công trình quan trọng trong các khu vực bảo vệ di tích ở khu phố cổ Hội An thuộc thẩm quyền cho phép của Ủy ban Nhân dân Thành phố thì khi xem xét để quyết định cho phá dỡ, xây dựng mới, sửa chữa, tu bổ, Ủy ban Nhân dân Thành phố có thể tổ chức hội nghị tư vấn, phản biện để có sự cân nhắc kỹ càng trong thời hạn quy định cho việc nhận và giải quyết hồ sơ.

4. Khi đấu thầu hoặc chỉ định thầu thi công các công trình di tích trong Khu phố cổ Hội An nhất thiết phải chọn các đơn vị có trình độ kỹ thuật cao, có kinh nghiệm, có thợ tinh nghề, am hiểu các kiến trúc đặc thù của di tích Hội An.

5. Mọi hồ sơ về tu bổ các công trình trong các khu bảo vệ di tích Khu phố cổ Hội An phải được lập đầy đủ, đảm bảo tính khoa học, tính pháp lý, được lưu trữ và quản lý chu đáo tại Trung tâm Quản lý

Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An và phải nộp lưu trữ tại kho lưu trữ thành phố theo quy định của nhà nước.

Điều 23.

1. Các di tích phải được sử dụng và khai thác đúng với chức năng riêng có của từng loại.

2. Các hình thái, loại hình văn hóa phi vật thể, các sinh hoạt văn hóa truyền thống của cư dân trong Khu phố cổ phải được giữ gìn, bảo tồn và phát huy phù hợp.

3. Tự do tín ngưỡng tại các đình, chùa, nhà thờ, hội quán,... trong Khu phố cổ Hội An được tôn trọng. Các hoạt động lễ hội truyền thống được khuyến khích tổ chức đa dạng, phong phú và sinh động. Cá nhân, tập thể, đơn vị đứng ra tổ chức phải đăng ký nội dung, hình thức với Phòng Văn hoá Thông tin và phải được Ủy ban Nhân dân Thành phố cho phép tiến hành. Nghiêm cấm những hành vi lợi dụng tín ngưỡng - tôn giáo nhằm thương mại hoá di tích, hoạt động mê tín dị đoan, cờ bạc.

Điều 24.

1. Mọi hoạt động kinh doanh trưng bày hàng hóa trong các khu vực bảo vệ khu phố cổ phải tuân thủ theo quy chế quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thương mại trong khu phố cổ Hội An và một số vùng phụ cận, ban hành tại quyết định số 06/2008/QĐ-UBND ngày 30/6/2008 của UBND thành phố Hội An.

2. Các bảng hiệu, biển hiệu kinh doanh, dịch vụ, tên hiệu cơ quan, đơn vị gắn treo trên di tích phải bằng chất liệu gỗ, có kích thước phù hợp. Việc bố trí, trang trí biển, bảng hiệu, trưng bày hàng

hóa, giới thiệu dịch vụ trong khu phố cổ phải thực hiện theo đúng Quy chế “Quản lý hoạt động quảng cáo, biển hiệu, trưng bày hàng hóa, giới thiệu dịch vụ trên địa bàn thành phố Hội An” ban hành tại Quyết định số 1036/2006/QĐ-UB ngày 23 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân thị xã Hội An (nay là Thành phố).

Điều 25. Mọi du khách đến tham quan di tích tại Hội An đều phải mua vé tại Văn phòng Hướng dẫn tham quan di tích Hội An để góp phần bảo tồn di sản văn hóa của Thành phố; phải tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước Việt Nam và phải tôn trọng nội quy tại các điểm di tích.

Điều 26. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, các thành phần kinh tế tham gia đóng góp vào Quỹ Bảo tồn - Tu bổ di tích Hội An do Hội đồng Nhân dân Thành phố quy định.

Điều 27. Quỹ Bảo tồn - Tu bổ di tích được lập từ nguồn đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước do cơ quan tài chính của Thành phố trực tiếp quản lý và cấp phát. Quỹ chỉ được sử dụng để tu bổ hoặc hỗ trợ tu bổ các di tích của Nhà nước, tập thể, tư nhân theo kế hoạch, dự án do Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An trình Ủy ban Nhân dân Thành phố phê duyệt và phân công quản lý, sử dụng, thanh quyết toán cụ thể.

Chương IV

KHEN THƯỞNG, XỬ PHẠT

Điều 28. Tổ chức và cá nhân có thành tích xuất sắc trong các hoạt động quản lý, bảo tồn, sử dụng di tích quy định trong Quy chế này được Ủy ban Nhân

dân Thành phố xét khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng theo quy định của Nhà nước Việt Nam.

Điều 29. Tổ chức và cá nhân vi phạm Pháp luật về bảo vệ và sử dụng di tích, danh thắng và vi phạm Quy chế này sẽ bị xử phạt hành chính hoặc sẽ bị truy tố theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Khi áp dụng các biện pháp xử phạt hành chính, kèm theo biện pháp chính phải đặc biệt chú ý áp dụng theo thẩm quyền các biện pháp xử phạt buộc đình chỉ, tháo dỡ các công trình, hạng mục công trình thực hiện hay các vật dụng lắp đặt, trưng bày trái phép và buộc phải khôi phục lại theo nguyên trạng.

Điều 31. Tổ chức, cá nhân nào phát hiện bất kỳ ai vi phạm quy chế này, phải báo cáo ngay cho một trong các cơ quan: Ủy ban Nhân dân phường sở tại, Đội Kiểm tra Quy tắc, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa, Phòng Văn hoá Thông tin hoặc Ủy ban Nhân dân Thành phố để các cơ quan này kịp thời tiến hành các biện pháp ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 32. Những quy định trước đây của Ủy ban Nhân dân Thành phố và các cơ quan hành chính thuộc Thành phố trái với Quy chế này đều bị bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện Quy chế, những vấn đề vướng mắc hoặc thiếu sót do các cá nhân và tổ chức phản ánh sẽ được Ủy ban Nhân dân Thành phố ghi nhận và xem xét để sửa đổi, bổ sung hoàn chỉnh Quy chế.

MỘC BẢN TRIỀU NGUYỄN

Ngọc Hương (St)

Mộc bản triều Nguyễn là di sản tư liệu thế giới đầu tiên của Việt Nam được UNESCO công nhận ngày 31 tháng 7 năm 2009, gồm 34.618 tấm, là những văn bản chữ Hán - Nôm được khắc ngược trên gỗ để in ra các sách tại Việt Nam vào thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20. Dưới triều Nguyễn, do nhu cầu phổ biến rộng rãi các chuẩn mực của xã hội, các điều luật bắt buộc thần dân phải tuân theo, để lưu truyền công danh sự nghiệp của các vua chúa, các sự kiện lịch sử..., triều đình đã cho khắc nhiều bộ sách sử và các tác phẩm văn chương để ban cấp cho các nơi. Quá trình hoạt động đó đã sản sinh ra một loại hình tài liệu đặc biệt, đó là mộc bản.

Tất cả nội dung các bản thảo được khắc trên mộc bản đều được hoàng đế trực tiếp ngự lãm, phê duyệt bằng bút tích trước khi giao cho những người thợ tài hoa nhất trong cung đình khắc lên gỗ quý. Do tính chất cực kỳ quan trọng của mộc bản, dưới thời Minh Mạng, nhà vua từng có chỉ dụ: “*Sai quan Bắc thành*

kiểm xét các ván in nguyên trữ tại Văn Miếu (Hà Nội) về các sách Ngũ Kinh, Tứ Thư Đại Toàn, Vũ Kinh Trục Giải cùng Tiên Hậu Chính Sử và Tứ Trường Văn Thể gửi về kinh để ở Quốc Tử Giám (Kinh đô Huế)”. Gỗ dùng làm ván khắc mộc bản triều Nguyễn cũng rất đặc biệt, là gỗ thị, gỗ lê, gỗ táo hay gỗ cây nha đồng, vừa mềm, vừa mịn, thớ gỗ trắng, sáng ngời như ngà voi. Nét chữ khắc trên mộc bản rất điều luyện, tinh xảo và sắc nét. Đây là những tài liệu gốc, độc bản, có giá trị, phục vụ cho việc nghiên cứu lịch sử và văn hóa Việt Nam thời cận đại.

Mộc bản triều Nguyễn trong hồ sơ di sản được đánh giá như sau:

34.555 bản khắc mộc bản đã giúp lưu lại những tác phẩm chính văn, chính sử do triều Nguyễn biên soạn, các sách kinh điển và sách lịch sử. Ngoài giá trị về mặt sử liệu, còn có giá trị về nghệ thuật, kỹ thuật chế tác. Nó đánh dấu sự phát triển của nghề khắc ván in ở Việt Nam. Chính vì những tính chất quan trọng và giá trị cao mà trong thời kỳ phong kiến và các nhà nước trong lịch sử của Việt Nam đã rất chú tâm để bảo quản những tài liệu này.

Mộc bản là những bản gỗ khắc chữ Hán Nôm ngược dùng để in ra các sách được sử dụng phổ biến dưới triều Nguyễn. Hiện 34.555 tấm mộc bản đang được bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia 4 - trực thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, có nội dung rất phong phú và được chia làm chín chủ đề: lịch sử, địa lý, quân sự, pháp chế, văn thơ, tôn giáo

- tư tưởng - triết học, ngôn ngữ - văn tự, chính trị - xã hội, văn hóa - giáo dục.

Tài liệu mộc bản triều Nguyễn được hình thành chủ yếu trong quá trình hoạt động của Quốc sử quán triều Nguyễn (*được thành lập năm 1820 dưới thời vua Minh Mạng*) tại Huế. Ngoài ra, tài liệu này còn bao gồm cả những ván khắc in được tập hợp từ Văn Miếu - Quốc Tử Giám (*Hà Nội*) được đưa vào Huế và lưu trữ ở Quốc Tử Giám (*Huế*) dưới thời vua Minh Mạng và Thiệu Trị. Từ năm 1960, Mộc bản triều Nguyễn được chuyển vào Đà Lạt.

Đây là khối tài liệu đặc biệt quý hiếm, do giá trị về mặt nội dung, đặc tính về phương pháp chế tác và những quy định rất nghiêm ngặt của triều đình phong kiến về việc ấn hành và san khắc, những tài liệu này được coi là quốc bảo, chỉ những người có trách nhiệm và thẩm quyền làm việc tại Quốc sử quán mới được tiếp xúc và làm việc với chúng.

Nội dung của khối tài liệu mộc bản triều Nguyễn rất phong phú và đa dạng, phản ánh mọi mặt về xã hội Việt Nam dưới triều Nguyễn.

Về lịch sử: có 30 bộ sách gồm 836 quyển, ghi chép về lịch sử Việt Nam từ thời Hùng Vương dựng nước cho đến triều Nguyễn. Đây là nguồn tư liệu đáng tin cậy và có tính chính xác cao. Trong 34.618 tấm Mộc bản, có một bản khắc bài “*Nam quốc sơn hà*”. Đây là bản khắc gỗ cổ nhất bài thơ “*Nam quốc sơn hà*” còn lại cho đến ngày nay. Bài thơ “*Nam quốc sơn hà*” khẳng định chân lý: Nước

Nam là một quốc gia lãnh thổ riêng, cương giới rạch ròi, quyền độc lập tự chủ của dân tộc là thiêng liêng bất khả xâm phạm.

Về địa lý: có hai bộ sách gồm 20 quyển, ghi chép về địa lý của nước Việt Nam đã thống nhất và ghi chép về hoàng thành Huế. Đặc biệt, trong khối tài liệu quý giá này có những bản khắc mộc bản mang nội dung khẳng định chủ quyền thiêng liêng của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa. Bản gốc sách Đại Nam thực lục tiền biên ghi chép về các sự kiện xảy ra từ thời chúa Nguyễn Hoàng đến Nguyễn Phúc Thuần, trải qua chín đời chúa (1558 - 1777), đã khẳng định: quần đảo Hoàng Sa (*tục gọi là Vạn lý Hoàng Sa*) thuộc địa phận tỉnh Quảng Ngãi.

Về chính trị xã hội: có 05 bộ sách gồm 16 quyển, ghi chép về sách lược của các triều đại phong kiến Việt Nam.

Về quân sự: có 05 bộ sách gồm 151 quyển, ghi chép về việc đánh dẹp các cuộc nổi dậy ở Bắc kỳ, Nam kỳ, Bình Thuận và một số nơi khác.

Về pháp chế: có 12 bộ sách gồm 500 quyển, ghi chép về các điển chế và pháp luật triều Nguyễn.

Về văn hóa - giáo dục: có 31 bộ sách gồm 93 quyển, ghi chép về những nhân vật đỗ cử nhân, tiến sĩ triều Nguyễn.

Về tư tưởng triết học - tôn giáo: có 13 bộ sách gồm 22 quyển, ghi chép về phương pháp tiếp cận kinh điển Nho gia.

Về văn thơ: có 39 bộ gồm 265 quyển, ghi chép thơ văn của các bậc đế vương và Nho gia nổi tiếng Việt Nam.

Về ngôn ngữ văn tự: có 14 bộ sách gồm 50 quyển, giải nghĩa Luận ngữ bằng thơ Nôm.

Về quan hệ quốc tế: tài liệu mộc bản triều Nguyễn còn có giá trị khi tìm hiểu lịch sử và văn hóa các nước khác trên thế giới như: Lào, Campuchia, Thái Lan, Trung Quốc, Pháp...

Trước năm 1960, tài liệu mộc bản triều Nguyễn được lưu trữ tại Huế. Từ năm 1960 được chuyển từ Huế về Đà Lạt. Quá trình di chuyển tài liệu mộc bản triều Nguyễn từ Huế về Đà Lạt rất công phu và cẩn trọng, phải di chuyển làm ba lần mới hoàn thành. Từ năm 1961 - 1975, tài liệu mộc bản triều Nguyễn được cất giữ tại chi nhánh văn khố Đà Lạt; do

điều kiện bảo quản không tốt nên bị hư hỏng và xuống cấp trầm trọng. Sau năm 1975, được giao về Cục Lưu trữ nhà nước (nay là Cục Văn thư và lưu trữ nhà nước), bảo quản tại tòa nhà Dòng Chúa cứu thế. Từ năm 1984, được chuyển về bảo quản tại khu biệt điện Trần Lệ Xuân cũ (nay là Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV). Hiện nay, khối tài liệu mộc bản triều Nguyễn đã được xây dựng nhà kho chuyên dụng hiện đại để bảo quản, đã phân loại, chỉnh lý khoa học, đồng thời được in rập ra giấy dó và số hóa, có phần mềm quản lý và phục vụ khai thác sử dụng. Để bảo tồn và phát huy giá trị khối tài liệu này, năm 2004, Cục Văn thư và lưu trữ nhà nước cho phép biên soạn và xuất bản sách Mộc bản triều Nguyễn - đề mục tổng quan, giới thiệu toàn bộ nội dung khối tài liệu quý hiếm trên với các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước♣



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUÝ III VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC QUÝ IV NĂM 2015

I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ quý III năm 2015

1. Công tác nghiên cứu khoa học

Các đề tài như “*Nghiên cứu biên soạn địa chí Hội An*”, “*Biến dạng di tích kiến trúc khu phố cổ Hội An - Thực trạng và Giải pháp*” tiếp tục được chú trọng thực hiện. Đối với đề tài “*Nghiên cứu biên soạn địa chí Hội An*” đã liên hệ và ký hợp đồng cho 182/216 chuyên đề thuộc phần Sinh Thái, Văn hóa, Lịch sử, Kinh tế - Xã hội. Hiện có 38 chuyên đề đã hoàn thành dịch 50 trang tư liệu tiếng Anh. Đối với đề tài “*Biến dạng di tích kiến trúc khu phố cổ Hội An - Thực trạng và Giải pháp*” đã lập kế hoạch tọa đàm.

Đối với công tác biên soạn và in ấn sách Chùa Cầu (*song ngữ Anh - Việt*), đã hoàn thành chụp 270 ảnh tư liệu, sưu tầm 01 sách, 06 ảnh xưa, 01 bài thơ và 21 bài viết, bài nghiên cứu liên quan đến di tích Chùa Cầu; Đối với đề tài điều tra, nghiên cứu, đề xuất hướng bảo tồn, phát huy di sản văn hóa Cẩm Kim, đã thực hiện sưu tầm, thu thập được nhiều tư liệu từ các phòng ban có liên quan và nguồn niên giám thống kê của thành phố, điều tra phỏng vấn sâu về 10 lĩnh vực cụ thể thuộc kinh tế - xã hội, di sản văn hóa; Công tác sưu tầm, xử lý tư liệu, hiện vật Nhà lao Hội An cũng được quan tâm thực hiện, hiện đã thực hiện 1.385 lý lịch trích ngang của tù yêu nước và 20 hiện vật.

2. Công tác quản lý, tu bổ di tích

a. Đối với công tác quản lý di tích

Tiến hành sơn kẻ, quét vôi bia các di tích mộ Nhật và có văn bản đề nghị các địa phương chăm sóc các di tích mộ Nhật. Phối hợp với UBND xã/phường để triển khai tu bổ khẩn cấp các di tích xuống cấp có nguy cơ sụp đổ và bảo vệ di tích trong mùa mưa bão năm 2015. Tiến hành định vị vị trí dựng bia, cắm mốc và lập nội dung cho 16 văn bia di tích. Đối với Dự án Cây cổ thụ, Trung tâm đã triển khai thiết kế mẫu bảng thông tin, hoàn thành khảo sát 46 cây cổ thụ thuộc danh mục bảo vệ của thành phố.

b. Đối với công tác tu bổ di tích

- Thường xuyên phối hợp với các ngành chức năng kiểm tra, giám sát tình hình xây dựng, sửa chữa, tu bổ di tích/nhà ở và trật tự kinh doanh của nhân dân trong khu phố cổ, các trường hợp sai phạm được báo cáo kịp thời cho cơ quan chức năng xử lý. Trong quý III, đơn vị tiếp nhận 56 lượt hồ sơ sửa chữa di tích trong khu phố cổ từ Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả Thành phố. Qua kiểm tra, khảo sát và xem xét, đơn vị đã tham mưu cấp phép 52 hồ sơ, trong đó khu vực I là

22 hồ sơ, khu vực IIA là 16 hồ sơ, khu vực IIB là 18 hồ sơ; Thụ lý giải quyết và trả lời trực tiếp cho công dân 02 văn bản liên quan đến công tác quản lý, tu bổ di tích trong và ngoài khu phố cổ.

- Đối với Dự án Tu bổ khẩn cấp các di tích có nguy cơ sụp đổ, UBND Thành phố phê duyệt hồ sơ BCKTKT 03 công trình (*nhà số 26 Bạch Đằng; 44/12 Phan Châu Trinh; 07 Trần Phú*), Trung tâm đã trình phê duyệt duyệt hồ sơ BCKTKT 04 công trình (*nhà số 77, 150, 11/10 Trần Phú, 39 Tiểu La*); Tích cực thực hiện nghiệm thu, quyết toán công trình đã hoàn thành. Trong quý III, 02 công trình tu bổ đã hoàn thành quyết toán (*Bảo tàng LSCM thuộc hạng mục nhà bảo tàng, sân vườn..., Nhà lao Hội An giai đoạn I*) và trình phê duyệt quyết toán 01 công trình (*Chùa Kim Bửu*). Đối với dự án tu bổ khẩn cấp các di tích có nguy cơ sụp đổ, trong quý III đã có thêm 03 công trình hoàn thành quyết toán (*nhà số 05, 16 Nguyễn Thái Học, 13 Hoàng Văn Thụ*).

- Công tác thi công tu bổ cũng được đặc biệt chú trọng. Đơn vị đang tiếp tục triển khai thi công hạng mục Tam quan chùa Bà Mụ theo sự chỉ đạo của UBND Thành phố. Đối với “*Phim công nghệ 3D về nhà Lao*”, cơ quan đã hoàn thành hạng mục phối cảnh, tiếp tục triển khai các bước tiếp theo để hoàn thiện phim; Hoàn thành thi công và nghiệm thu đưa vào sử dụng 05 công trình (*Chùa Kim Bửu, Sửa chữa nhỏ tôn tạo cảnh quan và gắn bia các di tích Cù Lao Chàm ; nhà số 69/5 Phan Châu Trinh; 58/7 Lê Lợi; 13 Hoàng Văn Thụ*); Triển khai thi công mới 04 công trình (*lăng Bà Bạch, lăng Vy Mỹ, giếng cổ, Dựng bia cấm mốc năm 2015*).

3. Công tác tuyên truyền, phát huy giá trị

Trung tâm luôn tích cực tham gia làm tư liệu về sự kiện văn hóa - xã hội trên địa bàn Thành phố, trong quý III Trung tâm đã thực hiện 15 chuyên mục phát thanh Bảo tồn di sản (*với hơn 30 tin, 15 bài viết*); Trang Website của đơn vị luôn được cập nhật và phát huy hiệu quả (*trong quý III đã đăng tải thêm 30 tin, 22 bài nghiên cứu trao đổi, cập nhật lại 300 ảnh xưa về Hội An*). Đơn vị cũng đã nỗ lực phát huy hiệu quả điểm dừng chân 57 Trần Phú; Từ đầu tháng 6 đến nay, Trung tâm đã chủ trì, phối hợp tổ chức thành công nhiều cuộc triển lãm tranh, ảnh nhằm quảng bá nét đẹp văn hóa, lịch sử qua ảnh đến với công chúng như: “*Hoàng sa, Trường Sa - Biển đảo của Việt Nam*” tại xã Tân Hiệp; Thực hiện trưng bày ảnh “*Giao lưu văn hóa Hội An - Nhật Bản lần thứ 13*”; Thực hiện video clip phóng sự ảnh về những đóng góp của ngành VH TT và trưng bày hình ảnh, hiện vật về thành tựu ngành đề kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập ngành Văn hóa - Thông tin (28/8/1945-28/8/2015); Công tác kiểm tra tại các điểm bảo tàng, di tích được duy trì thường xuyên như: công tác vệ sinh, bảo quản hiện vật, PCCC,... Tính từ tháng 6/2015 đến thời điểm 31/8, các điểm đã đón tiếp tổng cộng 336.415 lượt khách đến tham quan (*Trong đó, Quốc tế 173.546 lượt, Việt Nam 162.869 lượt*).

4. Công tác đối ngoại

Trung tâm đón và tiếp 05 đoàn đến làm việc (*Đoàn trường ĐH.KHXHNV và ĐH quốc gia Singapore; đoàn JICA, giới thiệu cố vấn cao cấp mới OHI và tình nguyện viên mới Chikako Sawaka; đoàn cán bộ dự nguồn của Bộ Nội Vụ Hàn Quốc; ông Tim Doling - cố vấn văn hóa du lịch; đoàn Đại học KHXHNV Hà Nội và ĐH Nữ Chiêu Hòa - Nhật Bản*); Thực hiện các thủ tục cho cán bộ tham gia khóa học Quản lý rủi ro tại Nhật Bản; Làm hồ sơ xin JICA cử tình nguyện viên; Phối hợp với tình nguyện viên Nhật Bản hoàn thiện tập gấp song ngữ Anh - Việt giới thiệu các bảo tàng ở Hội An; Tiếp nhận tình nguyện viên Nhật Bản về kiến trúc - bảo tồn (*nhiệm kỳ 2 năm 2015- 2017*).

II. Phương hướng nhiệm vụ công tác trong quý IV năm 2015

1. Công tác nghiên cứu khoa học

Dự tính đến cuối năm, đơn vị sẽ phân đầu thực hiện các đề tài trọng tâm như: đề tài *“Nghiên cứu, biên soạn địa chí Hội An”*: hoàn thành 97 chuyên đề về phần Văn hóa, Lịch sử, Kinh tế - Xã hội và tổ chức Hội thảo phần Lịch sử; Thực hiện các bước cuối cùng đối với đề tài *“Biến dạng di tích kiến trúc khu phố cổ Hội An - Thực trạng và giải pháp”*; Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình do UBND Thành phố chỉ đạo như đề tài *“Điều tra, nghiên cứu, đề xuất hướng bảo tồn, phát huy di sản văn hóa Cẩm Kim”* và chương trình *“Bảo tồn và gìn giữ nếp sống, sinh hoạt tín ngưỡng, lễ hội, trình diễn và chế biến ẩm thực dân gian truyền thống của cư dân phố cổ Hội An, các làng phát triển du lịch cộng đồng”*; Hoàn thành lập ý tưởng trưng bày hình ảnh di tích lịch sử cách mạng, Rừng dừa Bảy Mẫu, nghề thủ công mỹ nghệ Hội An tại Khu trình diễn nghề tranh tre dừa Cẩm Thanh; Nghiên cứu và lập 10 hồ sơ khoa học mới cho các loại hình di sản văn hóa phi vật thể năm 2015; Triển khai chỉnh sửa hoàn thiện công tác biên soạn sách Chùa Cầu.

2. Công tác quản lý, tu bổ di tích

a. Đối với công tác quản lý di tích

Đến cuối năm 2015, đơn vị hoàn thành triển khai khảo sát di tích ở 13 xã/phường; Hoàn thành kế hoạch thực hiện dựng bia, định vị, cắm mốc di tích năm 2015; Lập và thông qua nội dung cho 16 văn bia di tích; Hoàn thành kế hoạch thực hiện, triển khai khảo sát, đo vẽ hiện trạng và lập hồ sơ khoa học mới cho 02 di tích (*miếu ông Địa - Cẩm Châu, lăng Ngũ Hành - Cẩm An*);

b/ Đối với công tác tu bổ di tích

- Đối với công tác chuẩn bị đầu tư, hoàn thành phê duyệt hồ sơ BCKTKT 15 công trình (*Đình Thanh Nhứt; đình Thanh Tam; Sửa chữa cải tạo Khổng Tử Miếu; Đình An Mỹ; Đình Thanh Hà; Mộ ông Nguyễn Điển; lăng Trà Quân; miếu Ông Tiến; mộ ông Chu Kỳ Sơn; mộ ông Khổng Thiên Như; Chồng mồi các di tích vùng ven; Khảo sát chùa Cầu; Dựng bia di tích lịch sử cách mạng xóm Mồ Côi*

và vườn bà Thủ Khóa; Sửa chữa lan can, nền bia di tích LSCM vườn Xã Tiếp; Dựng bia Bến đò thôn 2 Cẩm Thanh).

- Đối với Dự án Tu bổ khẩn cấp các di tích có nguy cơ sụp đổ , hoàn thành phê duyệt hồ sơ BCKTKT 06 công trình (nhà số 14 Nguyễn Thị Minh Khai, 30 Bạch Đằng, 26 Bạch Đằng, 51/2 Phan Châu Trinh, 77, 150 Trần Phú, 39 Tiểu La) và trình phê duyệt hồ sơ BCKTKT 04 công trình (nhà số 67, 75, 168 Trần Phú; 113 Nguyễn Thái Học).

Hoàn thành quyết toán 04 công trình (Nâng cấp bảo tàng Sa Huỳnh giai đoạn 1, Dựng bia cấm mốc năm 2014; nhà số 69/5 Phan Châu Trinh; 58/7 Lê Lợi). Hoàn thành thi công, nghiệm thu đưa vào sử dụng 08 công trình (lăng Bà Bạch; lăng Vy Mỹ; giếng cổ; Dựng bia di tích lịch sử cách mạng xóm Mồ Côi và vườn bà Thủ Khóa; Sửa chữa lan can, nền bia di tích LSCM vườn Xã Tiếp; Bia Bến đò thôn 2 Cẩm Thanh; Dựng bia cấm mốc năm 2015) và 02 công trình hỗ trợ di tích tư nhân tập thể (nhà ông Trần Cẩn, 45 Nguyễn Phúc Chu)

3. Công tác tuyên truyền, phát huy giá trị

Tính đến cuối năm 2015, Trung tâm thực hiện được 52 chuyên mục phát thanh (hơn 104 tin, 52 bài viết); đăng tải được khoảng 120 tin, 70 bài nghiên cứu trao đổi trên website cơ quan. In ấn và phát hành bản tin 04 quý. Số lượng khách mà cơ quan đón tiếp tại các điểm trong năm 2015 là 1.035.615 lượt khách.

4. Công tác đối ngoại

Phối hợp với các tổ chức trong và ngoài nước tổ chức các hội thảo, tập huấn; Thực hiện công tác lễ tân, lãnh sự theo quy định; xây dựng hồ sơ xin hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế về quản lý và phát huy khu Di sản Văn hoá Thế giới Hội An; dịch 4 bài viết về công tác bảo tồn và các khu di sản đăng bản tin; xúc tiến chương trình hợp tác với JICA và Austraining thông qua mạng lưới tình nguyện viên Hội An; Liên hệ với Văn phòng UNESCO Hà Nội, các tổ chức quốc tế xin thực hiện các dự án và chương trình đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ Trung tâm; Liên hệ, tìm kiếm các thông tin tài trợ của các tổ chức quốc tế♣



Hình bìa trước: Ban biên tập sử dụng mẫu thiết kế của tác giả Trịnh Thị Triệu Linh

Hình bìa sau: Ban biên tập sử dụng hình vẽ chùa Cầu suu tầm trên Internet tại địa chỉ [www//mythuatvietnam.info](http://www.mythuatvietnam.info)